

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đề tài khóa luận tốt nghiệp, em đã nhận được rất nhiều sự quan tâm, giúp đỡ và chỉ bảo nhiệt tình của thầy cô, gia đình và bạn bè.

Trước tiên em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới TS. Tạ Duy Trinh đã định hướng, chỉ bảo và giúp đỡ em tận tình trong suốt quá trình thực hiện khóa luận.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong bộ môn Văn hóa du lịch trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã trang bị cho em những kiến thức trong suốt quá trình học tập để vận dụng làm bài khóa luận.

Em xin chân thành cảm ơn Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Bình, Ban quản lý VQG Phong Nha – Kẻ Bàng,...đã nhiệt tình cung cấp cho em những tài liệu cần thiết. Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn gia đình và bạn bè đã luôn tạo điều kiện quan tâm, giúp đỡ động viên em trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu để hoàn thành bài khóa luận.

Mặc dù đã có sự cố gắng, nỗ lực hết mình nhưng do thời gian còn eo hẹp và trình độ nhận thức của bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận của em vẫn còn nhiều thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo đóng góp của thầy cô và các bạn để giúp em hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 12 tháng 06 năm 2010

Sinh viên thực hiện

Lê Thị Nga

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	2
1.Lý do chọn đề tài	2
2. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài	3
3. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu	4
4. Phương pháp nghiên cứu.....	4
5. Những đóng góp của khóa luận.....	4
6. Bố cục khóa luận	4
PHẦN NỘI DUNG	5
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DU LỊCH VÀ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG.....	5
1.1.....	K
hái niệm và phân loại du lịch	5
1.1.1 Khái niệm du lịch	5
1.1.2 Tài nguyên du lịch (TNDL)	6
1.1.2.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên	7
1.1.2.2 Tài nguyên du lịch nhân văn.....	8
1.1.3 Phân loại du lịch.....	9
1.2 Quan điểm phát triển du lịch bền vững.....	11
1.2.1 Khái niệm du lịch bền vững.....	11
1.2.2 Mục tiêu của phát triển bền vững.....	11
1.2.3 Các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững.....	12
1.2.4 Các loại hình du lịch bền vững	16
Tiểu kết.....	18
CHƯƠNG 2: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH BỀN VỮNG Ở VQG PHONG NHA - KẾ BÀNG.....	19
2.1 Điều kiện tự nhiên	19
2.1.1 Vị trí địa lý	19
2.1.2 Địa hình	19
2.1.3 Khí hậu.....	21
2.1.4 Thủy văn.....	22
2.1.5 Động thực vật.....	22
2.2 Điều kiện xã hội	25
2.2.1 Dân cư	25
2.2.2 Kinh tế xã hội.....	26
2.2.3 Những tập quán văn hóa tiêu biểu	26
2.2.4 Cơ sở hạ tầng.....	29

2.2.5 Giáo dục	29
Tiểu kết	30
CHƯƠNG 3: TIỀM NĂNG DU LỊCH VÀ THỰC TRẠNG KHAI THÁC DU LỊCH TẠI VQG PHONG NHA- KÊ BÀNG	31
3.1 Tiềm năng du lịch của VQG Phong Nha – Kẻ Bàng	31
3.1.1 Tài nguyên du lịch của VQG Phong Nha – Kẻ Bàng	31
3.1.2 Các điểm du lịch và tính hấp dẫn của nó	35
3.1.2.1 Động Phong Nha	35
3.1.2.2 Động Tiên Sơn	38
3.1.2.3 Dòng sông Sơn	39
3.1.2.4 Bến phà Xuân Sơn	41
3.1.2.5 Thung lũng sinh tồn	41
3.1.2.6 Khu tái hòa nhập Linh trưởng	43
3.1.2.7 Hang Tám cô	44
3.1.2.8 Suối nước Moọc	44
3.1.3 Các loại hình du lịch	44
3.1.4 Các tour du lịch	45
3.1.5 Tổ chức quản lý du lịch của VQG Phong Nha – Kẻ Bàng	46
3.2 Thực trạng hoạt động DLBV tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng	48
3.2.1 Hiện trạng khai thác tài nguyên du lịch, dịch vụ du lịch tại VQG	48
3.2.1.1 Hiện trạng khai thác tài nguyên du lịch	49
3.2.1.2 Hiện trạng khai thác cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.....	50
3.2.1.3	H
Hiện trạng khách du lịch	51
3.2.1.4 Hiện trạng thông tin quảng bá, tiếp thị và xúc tiến du lịch.....	57
3.2.2 Đánh giá chung về hiện trạng phát triển DLBV ở VQG	57
3.2.2.1 Kết quả đạt được	57
3.2.2.2 Những hạn chế	58
Tiểu kết.....	59
CHƯƠNG 4 : ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DLBV Ở VQG PHONG NHA – KÊ BÀNG	60
4.1 Quan điểm phát triển	60
4.2 Định hướng phát triển DLBV tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng trong thời gian tới	61

4.2.1 Cơ hội và thách thức trong phát triển DLBV tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng hiện nay	61
4.2.2 Định hướng phát triển DLBV tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng	62
4.3 Một số giải pháp cơ bản để phát triển du lịch bền vững	63
4.3.1 Giải pháp về xây dựng quy hoạch phát triển du lịch	63
4.3.2 Giải pháp về đầu tư và chính sách đầu tư	65
4.3.3 Giải pháp về lao động	66
4.3.4 Giải pháp về môi trường	67
4.3.5 Giải pháp về quảng bá	69
4.3.6 Giải pháp về tổ chức, cơ chế quản lý du lịch của VQG	70
4.3.7 Một số đề xuất, kiến nghị với UBND tỉnh Quảng Bình	71
Tiểu kết	71
KẾT LUẬN	72
TÀI LIỆU THAM KHẢO	74
PHỤ LỤC	76

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Từ lâu du lịch đã là hiện tượng kinh tế xã hội quan trọng với đời sống nhân loại. Trong quá trình phát triển, hoàn thiện và tự làm mới mình của ngành du lịch bằng nhiều chiến lược cụ thể nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch thì phát triển du lịch bền vững là một chiến lược không thể thiếu được và trở thành động cơ đi du lịch lớn nhất hiện nay.

Nhạy bén trước tình hình phát triển của du lịch thế giới cộng với những ưu thế lớn về tài nguyên du lịch sinh thái của mình du lịch Việt Nam đã đưa ra chiến lược phát triển, chỉ rõ: Ưu tiên phát triển du lịch sinh thái nhằm tạo ra hình ảnh mới của du lịch Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XXI. Do vậy nó đã thu hút được lượng khách du lịch lớn và trở thành một nhân tố quan trọng trong việc phát triển du lịch của cả nước nói chung và các địa phương nói riêng.

Xứ Quảng hội tụ đầy đủ cả tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn có sức hấp dẫn lớn, giá trị lớn. Phong Nha - Kẻ Bàng là một trong những nơi có nhiều tài nguyên du lịch phong phú. Chính vì vậy tháng 7/2003 VQG Phong Nha - Kẻ Bàng đã được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới với tiêu chí địa chất, địa mạo. Hiện nay Chính phủ Việt Nam đang lập hồ sơ khoa học Di sản thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng để đệ trình UNESCO xem xét tiếp tục công nhận Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng là Di sản thiên nhiên thế giới về tiêu chí đa dạng sinh học.

Những tài nguyên này sẽ là tiền đề để xây dựng du lịch Quảng Bình trở thành ngành mạnh có khả năng xuất khẩu tại chỗ đem lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của địa phương, nhưng tài nguyên du lịch ở đây chưa được quan tâm nghiên cứu đúng mức. Với mong muốn vận dụng khoa học địa lý, văn hóa du lịch để đánh giá tiềm năng du lịch và định hướng khai thác tài nguyên du lịch theo quan điểm phát triển bền vững tại VQG Phong Nha -

Kẻ Bàng nên em đã chọn đề tài “**Tiềm năng du lịch và giải pháp nhằm phát triển du lịch bền vững tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng, Quảng Bình**” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp. Để góp phần nhỏ bé của mình thúc đẩy khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch nơi đây, nhằm phục vụ cho chiến lược phát triển du lịch Quảng Bình, đưa Quảng Bình trở thành một trong các trọng điểm du lịch cả nước, tạo thế và lực đầy mạnh phát triển kinh tế – xã hội địa phương.

2. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài

2.1 Mục đích

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, đánh giá nguồn tài nguyên du lịch phục vụ cho việc phát triển du lịch bền vững tại VQG. Xác định hướng và đề xuất giải pháp khai thác hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên du lịch nhằm phát huy hơn nữa tiềm năng du lịch của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng.

2.2 Nhiệm vụ

- Trên cơ sở lý luận cơ bản về du lịch bền vững, khảo sát đánh giá, tiềm năng của các tài nguyên du lịch ở VQG Phong Nha - Kẻ Bàng.
- Đánh giá hiện trạng phát triển du lịch bền vững ở VQG Phong Nha - Kẻ Bàng.
- Đề ra các giải pháp để đảm bảo cho sự phát triển du lịch bền vững.

3. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu

3.1 Nội dung nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu các tiềm năng, thực trạng phát triển và giải pháp phát triển du lịch bền vững tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng.

3.2 Lãnh thổ nghiên cứu

Trước khi trở thành một vườn quốc gia, khu vực này là một khu bảo tồn tự nhiên. Khu bảo tồn Phong Nha Kẻ Bàng có diện tích 5.000 ha đã được Chính phủ Việt Nam chính thức công bố ngày 9 tháng 8 năm 1986 và đã được mở rộng thành 41.132 ha vào năm 1991. Ngày 12 tháng 12 năm 2001, Thủ tướng Chính phủ đã có quyết định số 189/2001/QĐ-TTg chuyển Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Nha - Kẻ Bàng thành vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng. Diện tích vùng lõi của VQG là 85.754 ha và một vùng đệm rộng trên 200.000 ha. Chính vì vậy việc nghiên cứu phải căn cứ vào

các số liệu trước khi mở rộng và số liệu mới sau khi mở rộng diện tích VQG.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp khảo sát thực địa và thu thập tài liệu
- Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh tổng hợp và mô hình hóa
- Phương pháp xã hội học.

5. Những đóng góp của khóa luận

Thông qua những quan điểm về du lịch bền vững trong và ngoài nước vận dụng vào thực tiễn việc đánh giá tiềm năng phát triển du lịch bền vững của VQG Phong Nha - Kẻ Bàng.

Từ thực tế bước đầu đánh giá các tiềm năng để phát triển du lịch bền vững, xác định những điểm mạnh và hạn chế trong quá trình phát triển du lịch bền vững tại VQG này.

Giải pháp thực hiện có hiệu quả việc phát triển du lịch bền vững tại đây.

6. Bố cục khóa luận

Gồm 4 chương:

Chương 1: Một số lý luận chung về du lịch và quan điểm phát triển du lịch bền vững.

Chương 2: Điều kiện tự nhiên và xã hội ảnh hưởng hoạt động du lịch bền vững ở VQG Phong Nha - Kẻ Bàng.

Chương 3: Tiềm năng du lịch và thực trạng khai thác du lịch tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng.

Chương 4: Định hướng và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở VQG Phong Nha - Kẻ Bàng.

PHẦN NỘI DUNG

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DU LỊCH VÀ QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG

1.2 Khái niệm và phân loại du lịch

1.1.1 Khái niệm du lịch

Từ xa xưa trong lịch sử nhân loại du lịch được ghi nhận như một sở thích, một hoạt động nghỉ ngơi tích cực của con người. Ngày nay du lịch trở thành một nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hóa - xã hội của người dân. Du lịch được ví như một ngành “công nghiệp không khói” và hiện nay ngành “công nghiệp” này chỉ đứng sau công nghiệp dầu khí và ô tô. Đối với các nước đang phát triển, du lịch được coi là cứu cánh để vực dậy kinh tế ốm yếu của quốc gia.

Ngày nay, du lịch đã trở thành một hiện tượng kinh tế – xã hội phổ biến không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, cho đến nay không chỉ ở nước ta, nhận thức về nội dung du lịch vẫn chưa thống nhất.

Tổ chức du lịch thế giới đã có định nghĩa về du lịch như sau: “Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi thường trú thường xuyên của họ hay ngoài trời nước họ với mục đích hòa bình. Nơi họ đến lưu trú không phải là nơi làm việc của họ”.

Luật Du lịch Việt Nam năm 2005 đã đưa ra khái niệm về du lịch: “Du lịch là các hoạt động của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định”. (9[10])

Sau khi Luật du lịch được ban hành, du lịch Việt Nam phát triển mạnh mẽ hơn và du lịch bền vững ngày càng được chú ý đến trong sự phát triển chung của hoạt động du lịch nhằm nâng cao chất lượng, quy mô và hiệu quả hoạt động du lịch, đưa ngành du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước.

1.1.2 Tài nguyên du lịch (TNDL)

TNDL là loại tài nguyên có những đặc điểm giống những loại tài nguyên nói chung, song có một số đặc điểm riêng gắn với sự phát triển của ngành Du lịch.

TNDL theo Pirojnik: “TNDL là những tổng thể tự nhiên, văn hóa – lịch sử và những thành phần của chúng, tạo điều kiện cho việc phục hồi và phát triển thể lực tinh thần con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ, trong cấu trúc nhu cầu du lịch hiện tại và tương lai, trong khả năng kinh tế kỹ thuật cho phép, chúng được dùng để trực tiếp và gián tiếp sản xuất ra những dịch vụ du lịch và nghỉ ngơi”. (19[2]).

Nguyễn Minh Tuệ và nnk. cũng cho rằng: “TNDL là tổng thể tự nhiên và văn hóa lịch sử cùng các thành phần của chúng góp phần khôi phục, phát triển thể lực, trí tuệ của con người, khả năng lao động và sức khỏe của họ. Những tài nguyên này được sử dụng cho nhu cầu trực tiếp và gián tiếp, cho việc sản xuất dịch vụ du lịch”. (19[2]).

Khoản 4 (Điều 4 chương 1) Luật Du lịch Việt Nam năm 2005 quy định: “TNDL là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên, di tích lịch sử văn hóa, công trình lao động sáng tạo của con người và các giá trị nhân văn khác có thể được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch, là yếu tố cơ bản để hình thành các khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch”.

Như vậy, TNDL được xem như là tiền đề phát triển du lịch. TNDL càng phong phú đặc sắc có mức độ tập trung cao thì càng có sức hấp dẫn với du khách và có hiệu quả kinh doanh du lịch cao.

TNDL là một phạm trù lịch sử, việc khai thác phụ thuộc vào nhiều điều kiện kinh tế – xã hội, khoa học kỹ thuật, chính trị nên ngày càng được mở rộng. Do vậy TNDL bao gồm cả TNDL đã, đang khai thác và TNDL chưa được khai thác.

1.1.2.1 Tài nguyên du lịch tự nhiên

Nếu được quy hoạch, bảo vệ khai thác hợp lý theo hướng bền vững thì phần lớn các loại TNDL tự nhiên được xếp vào loại tài nguyên vô tận, tài nguyên có khả năng tái tạo hoặc có quá trình suy thoái chậm.

Ví dụ: Tài nguyên nước, theo quy luật tuần hoàn nếu rừng được bảo vệ và khai thác hợp lý, tài nguyên nước không bị ô nhiễm bởi các chất thải từ đời sống cũng như sản xuất, tài nguyên nước được xếp vào loại tài nguyên vô tận.

Tài nguyên khí hậu cũng được xếp vào loại tài nguyên vô tận. Nhưng do các chất thải từ hoạt động kinh tế trong đó có du lịch, việc bảo vệ không hợp lý, khai thác rừng bừa bãi, diện tích rừng bị suy giảm có thể làm cho không khí bị ô nhiễm bởi bụi, khí thải độc hại, tiếng ồn, nhiệt độ. Nhiệt độ của Trái Đất bị tăng lên do lượng khí thải tăng lên và làm tăng hiệu ứng nhà kính đã làm cho khí hậu của toàn cầu thay đổi.

Tài nguyên sinh vật, nhất là trong các khu vực nhiệt đới và xích đạo có khả năng tự phục hồi nhanh. Tuy nhiên chỉ trong điều kiện tài nguyên này được khai thác và bảo vệ hợp lý, không vượt quá giới hạn sinh học, khả năng tái tạo của nó.

Tài nguyên địa hình, địa chất nếu được khai thác bảo tồn hợp lý, không phá vỡ cảnh quan, loại tài nguyên này có thể khai thác được nhiều lần, thời gian làm cho chúng tự thay đổi phải tính đến từ nghìn năm cho đến hàng triệu năm.

Hầu hết việc khai thác TNDL tự nhiên chịu ảnh hưởng nhiều vào điều kiện thời tiết, việc tổ chức các tour leo núi, tham quan các vùng núi hay đi nghỉ biển, tham quan sông nước phụ thuộc vào rất nhiều điều kiện thời tiết. Đặc biệt không thể tổ chức các tour du lịch sông nước vào mùa lũ, không thể tắm biển vào mùa rét. Vào mùa khô trữ lượng nước của các thác nước, hồ nước, hệ thống sông cạn nước nên khó khăn cho hoạt động du lịch thể thao nước và tham quan sông nước.

Một số điểm phong cảnh và du lịch dựa vào điều kiện tự nhiên thường cách xa các khu đông dân cư. Đặc điểm này có mặt gây tốn kém, khó khăn cho việc tổ chức các hoạt động du lịch, mặt khác nó lại là nhân tố góp phần làm cho TNDL tự nhiên hấp dẫn, được bảo tồn tốt hơn do ít chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi các hoạt động kinh tế – xã hội. Ví dụ như một số VQG Ba Bể, Tam Đảo, Hoàng Liên Sơn, Pù Mát, Vụ Quang, Phong Nha - Kẻ Bàng, Bạch Mã,... Các thác nước như: Thác Bạc (Tam Đảo),

Thác Bạc (Sa Pa); thác Bản Giốc (Cao Bằng); thác Ponggua Premn (Đà Lạt),...

1.1.2.2 Tài nguyên du lịch nhân văn

TNDL nhân văn do con người tạo ra nên chịu tác động của thời gian, thiên nhiên và do chính con người. Vì vậy dễ bị suy thoái, hủy hoại và không có khả năng tự phục hồi ngay cả khi không có sự tác động của con người. Vì vậy di tích lịch sử – văn hóa khi bị bỏ hoang cũng bị xuống cấp nhanh chóng; những giá trị văn hóa phi vật thể như những làn điệu dân ca, những vũ khúc, các lễ hội các nghề truyền thống, phong tục, tập quán,... khi không được bảo tồn và phát huy có hiệu quả sẽ bị mai một và biến mất. Do vậy, khi khai thác TNDL nhân văn cho mục đích phát triển du lịch cần quan tâm đầu tư cho bảo tồn, tôn tạo thường xuyên, khoa học và có hiệu quả.

Tài nguyên du lịch nhân văn là do con người sáng tạo ra nên có tính phổ biến. Ở đâu có con người, ở đó có tài nguyên nhân văn, trong đó có nhiều loại có sức hấp dẫn với du khách, đã hoặc sẽ có thể sử dụng cho phát triển du lịch.

TNDL nhân văn ở mỗi vùng, mỗi quốc gia thường mang những giá trị đặc sắc riêng. Do điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế – xã hội là những yếu tố nuôi dưỡng tạo thành TNDL nhân văn ở mỗi địa phương, mỗi quốc gia không giống nhau nên TNDL nhân văn ở mỗi khu vực, mỗi quốc gia có những giá trị đặc sắc riêng. Do vậy trong quá trình khai thác, bảo tồn TNDL nhân văn cần coi trọng việc bảo vệ, phát huy giá trị độc đáo của tài nguyên.

TNDL nhân văn thường được phân bố gần các khu dân cư, đặc biệt tập trung ở những khu đông dân cư. Bởi nó được sinh ra trong quá trình phát triển xã hội và là sản phẩm do con người sáng tạo ra. Khác với TNDL tự nhiên, việc khai thác phần lớn các loại TNDL nhân văn thường ít chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thời tiết gây nên như mưa hay rét nên tính mùa vụ cũng ít hơn so với TNDL tự nhiên.

1.1.3 Phân loại du lịch

Ở Việt Nam, hoạt động du lịch có thể chia thành nhiều nhóm khác nhau tùy thuộc vào các tiêu chí và mục đích mà ta đưa ra. Các tiêu chí phổ biến hay được sử dụng để phân loại du lịch là môi trường tài nguyên, mục đích chuyến đi và lãnh thổ hoạt động. Ngoài ra, ta cũng có thể phân loại du lịch dựa vào đặc điểm địa lý của điểm

du lịch, phương tiện giao thông, loại hình lưu trú, lứa tuổi du khách, độ dài chuyến đi, hình thức tổ chức hay phương thức hợp đồng. Hiện nay, đa số các chuyên gia về du lịch Việt Nam phân chia các loại hình du lịch theo các tiêu chí cơ bản dưới đây:

- **Phân loại theo môi trường tài nguyên:**

Theo Pirojnik, du lịch là một ngành có định hướng tài nguyên rõ rệt. Tùy vào môi trường tài nguyên mà hoạt động du lịch được chia thành hai nhóm lớn là du lịch văn hóa và du lịch thiên nhiên.

Người ta gọi là du lịch văn hóa khi hoạt động du lịch diễn ra chủ yếu trong môi trường nhân văn, hoặc hoạt động đó tập trung khai thác tài nguyên du lịch nhân văn.

Tài nguyên du lịch nhân văn là nhóm tài nguyên có nguồn gốc nhân tạo, nghĩa là do con người tạo ra. Theo quan điểm chung hiện nay thì toàn bộ những sản phẩm có giá trị vật chất cũng như tinh thần do con người sáng tạo ra đều được coi là những sản phẩm văn hóa.

Các dạng tài nguyên du lịch nhân văn: các di tích lịch sử - văn hóa, các lễ hội, nghề và làng nghề thủ công truyền thống, các đối tượng du lịch gắn với dân tộc học, các hoạt động văn hóa thể thao hay những hoạt động có tính sự kiện.

Ngược lại, du lịch thiên nhiên diễn ra nhằm thỏa mãn nhu cầu về với thiên nhiên của con người.

Du lịch thiên nhiên được coi là loại hình hoạt động du lịch đưa khách về với những nơi có điều kiện, môi trường tự nhiên trong lành, cảnh quan tự nhiên hấp dẫn... Nhằm thỏa mãn nhu cầu đặc trưng của họ.

Để có thể phát triển du lịch tự nhiên thì phải có tài nguyên du lịch tự nhiên. Các tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm: địa hình (Các vùng núi có phong cảnh đẹp, các hang động, các bãi biển, các di tích tự nhiên), khí hậu (Khí hậu phù hợp với sức khỏe của con người, phục vụ cho việc chữa bệnh, an dưỡng), Thủy văn (Bề mặt nước và các bãi nông ven bờ, các điểm nước khoáng, suối nước nóng), sinh vật (Các VQG, các khu bảo tồn thiên nhiên, các điểm tham quan sinh vật, một số hệ sinh thái đặc biệt).

Du lịch sinh thái:

Theo quan niệm chung trong các hội nghị quốc tế: Du lịch sinh thái là loại hình

du lịch dựa vào thiên nhiên hỗ trợ cho các hoạt động bảo tồn và được quản lý bền vững về mặt sinh thái (các yếu tố tự nhiên còn hoang sơ, ít bị biến đổi) khách du lịch được hướng dẫn để bảo vệ môi trường và tự nhiên từ đó giúp cho khách du lịch nâng cao hiểu biết và được thưởng ngoạn những phong cảnh đẹp, giới sinh vật hoang dã cũng như các giá trị văn hóa của địa phương từ đó sẽ làm thức dậy tình yêu, trách nhiệm của khách du lịch với việc bảo tồn các giá trị văn hóa tự nhiên.

Theo định nghĩa trong hội thảo Quốc gia về du lịch sinh thái tháng 9/1999: Du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào tự nhiên và văn hóa bản địa gắn với việc giáo dục môi trường và có sự đóng góp nỗ lực cho bảo tồn và phát triển bền vững với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương.

- **Phân loại theo mục đích chuyến đi:**

- Thuần túy du lịch : tham quan, giải trí, nghỉ dưỡng, khám phá, thể thao, lễ hội...

- Mục đích kết hợp: tôn giáo, nghiên cứu, hội nghị, thể thao, chữa bệnh, thăm thân, kinh doanh...

- **Phân loại theo lãnh thổ hoạt động:**

- Du lịch quốc tế:

Du lịch quốc tế đến là chuyến đi của người nước ngoài đến tham quan du lịch.

Du lịch ra nước ngoài là chuyến đi của người trong nước ra tham quan du lịch ở nước ngoài

- Du lịch nội địa:

Du lịch nội địa được hiểu là các hoạt động tổ chức, phục vụ người trong nước đi du lịch, nghỉ ngơi và tham quan các đối tượng du lịch trong lãnh thổ quốc gia, về cơ bản không có sự giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ.

- Du lịch quốc gia:

Du lịch quốc gia bao gồm toàn bộ hoạt động du lịch của một quốc gia từ việc gửi khách ra nước ngoài đến việc phục vụ khách trong nước và ngoài nước tham quan. Du lịch trong phạm vi nước mình.

1.2 Quan điểm phát triển du lịch bền vững

1.2.1 Khái niệm du lịch bền vững

Phát triển bền vững đã trở thành mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội của toàn nhân loại trong thế kỷ XXI. Phát triển du lịch bền vững trở thành xu hướng và mục tiêu phát triển ngành kinh tế du lịch của nhiều quốc gia trên thế giới cũng như Việt Nam trong hiện tại và tương lai. Vì vậy quan điểm phát triển du lịch cần được soi sáng, vận dụng trong việc tổ chức quản lý, triển khai đánh giá các hoạt động du lịch và trong việc nghiên cứu tiến hành quy hoạch du lịch.

Theo Hội đồng thế giới về Môi trường và phát triển (WCED): “Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng của các thế hệ tương lai trong đáp ứng các nhu cầu của họ”. (8[1]).

Theo Khoản 21, Điều 4, Chương I – Luật Du lịch Việt Nam (năm 2005): “Du lịch bền vững là sự phát triển du lịch đáp ứng được các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch của tương lai”.

1.2.2 Mục tiêu của phát triển bền vững

- Phát triển bền vững về kinh tế: Du lịch là một ngành kinh tế, nên phát triển du lịch bền vững cần phải bền vững về kinh tế, thu nhập phải lớn hơn chi phí, phải đạt được sự tăng trưởng cao, ổn định trong thời gian dài, tối ưu hóa đóng góp của ngành du lịch vào thu nhập quốc dân, góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển.

- Phát triển bền vững về môi trường: Phải sử dụng bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch theo hướng tiết kiệm, bền vững, đảm bảo sự tái tạo và phục hồi của tài nguyên, nâng cao chất lượng của tài nguyên và môi trường, thu hút cộng đồng và du khách vào các hoạt động bảo tồn, tôn tạo tài nguyên.

- Phát triển bền vững về xã hội: Thu hút cộng đồng tham gia vào các hoạt động du lịch, tạo nhiều việc làm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương, cải thiện tính công bằng xã hội, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, đáp ứng cao độ nhu cầu của du khách.

Như vậy, các nhà quy hoạch trong quá trình quy hoạch du lịch cần xem xét đến việc đáp ứng các mục tiêu phát triển du lịch bền vững của các lãnh thổ được quy hoạch.

Để đạt được sự phát triển du lịch bền vững, trong quá trình phát triển du lịch và quy hoạch du lịch cần phải thực hiện có nguyên tắc.

1.2.3 Các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững

- Sử dụng nguồn lực một cách bền vững: Việc bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, văn hóa – xã hội là rất cần thiết, nó giúp cho việc kinh doanh phát triển lâu dài. Du lịch là ngành kinh tế có sự định hướng tài nguyên rõ rệt. Tài nguyên du lịch lại được coi là sản phẩm du lịch quan trọng nhất, là mục đích chuyến đi của du khách. Nhưng nhiều loại tài nguyên du lịch không thể đổi mới, tái chế hay thay thế được. Hoạt động du lịch đã mang lại hiệu quả về nhiều mặt, nhưng cũng gây nhiều tác động tiêu cực như: làm cạn kiệt, suy giảm tài nguyên môi trường...

Vì vậy, trong quá trình quy hoạch các dự án phát triển du lịch cần xây dựng những phương cách, chiến lược bảo tồn, tôn tạo, khai thác tài nguyên du lịch theo hướng tiết kiệm, hợp lý để lưu lại cho thế hệ tương lai một nguồn tài nguyên như thế hệ hiện tại được hưởng.

- Duy trì tính đa dạng: Việc duy trì và tăng cường tính đa dạng của thiên nhiên, văn hóa – xã hội là hết sức quan trọng đối với du lịch bền vững lâu dài; là cơ sở cho việc tồn tại, phát triển của ngành du lịch. Trong quá trình xây dựng và thực hiện các dự án quy hoạch du lịch, cũng như sự phát triển du lịch do nhiều nguyên nhân khác nhau nên dễ làm mất đi tính đa dạng của thiên nhiên, văn hóa – xã hội. Vì vậy trong quá trình quy hoạch du lịch cần xây dựng thực hiện các phương cách, chiến lược nhằm duy trì bảo tồn được tính đa dạng của tự nhiên và văn hóa xã hội.

- Giảm tiêu thụ quá mức và giảm chất thải: Sự tiêu thụ quá mức tài nguyên thiên nhiên và các tài nguyên khác không chỉ dẫn đến sự hủy hoại môi trường, làm cạn kiệt tài nguyên mà còn không đảm bảo nguồn tài nguyên cho sự phát triển lâu dài của ngành Du lịch. Các chất thải của phương tiện vận chuyển khách, chất tẩy rửa, dầu ăn, nước thải từ dịch vụ giặt đồ và nấu ăn, cùng với lượng chất thải khác từ các dịch vụ phục vụ du khách, cũng như của du khách. Nếu chúng không được thu gom xử lý đúng yêu cầu kỹ thuật, hoặc tái chế sẽ là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường. Do vậy, đối với các địa phương và các quốc gia hoạt động du lịch càng phát triển thì lượng du

khách càng nhiều dẫn đến lượng chất thải từ hoạt động này cũng ngày càng nhiều. Các dự án quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch được triển khai không có đánh giá tác động môi trường hoặc không thực thi những kiến nghị về đánh giá tác động của môi trường đã dẫn đến sự tiêu dùng lãng phí tài nguyên. Chính điều này đã gây ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên và xáo trộn về văn hóa – xã hội. Nhiều dự án quy hoạch du lịch không có kế hoạch, hay lập kế hoạch kém dẫn đến việc cộng đồng địa phương cùng với các cơ quan nhà nước phải làm công việc phục hồi tổn thất về môi trường.

Do vậy việc quy hoạch phát triển du lịch đúng đắn ngay từ khi lập dự án phải tiến hành đánh giá tác động từ hoạt động du lịch đến tài nguyên môi trường, từ đó dự kiến những biện pháp phòng ngừa hữu hiệu nhằm giảm tiêu thụ quá mức tài nguyên và giảm lượng chất thải vào môi trường là cần thiết.

- Hợp nhất quy hoạch du lịch vào quá trình quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội: Du lịch là một ngành kinh tế mang tính liên ngành, nó có mối quan hệ qua lại chặt chẽ với nhiều ngành kinh tế - xã hội. Ngành du lịch mang lại hiệu quả trực tiếp và gián tiếp đối với các ngành kinh tế - xã hội. Do vậy cần hợp nhất phát triển du lịch vào trong khuôn khổ hoạch định chiến lược của địa phương và quốc gia. Quy hoạch phát triển du lịch là một bộ phận của quy hoạch kinh tế – xã hội, nó làm tăng khả năng tồn tại, phát triển lâu dài của ngành du lịch.

Khi sự phát triển du lịch là một bộ phận hợp nhất của quy hoạch, kế hoạch phát triển cấp quốc gia hoặc địa phương, nếu coi việc phát triển du lịch là một tổng thể thì sẽ mang lại lợi ích tối đa và dài hạn hơn cho nền kinh tế – xã hội quốc gia và địa phương và cho cả phát triển du lịch. Điều này sẽ khuyến khích việc bảo tồn, tôn tạo và khai thác tài nguyên môi trường du lịch hiệu quả hơn, vừa góp phần hấp dẫn du khách và nâng cao đời sống cộng đồng địa phương. Khi hòa nhập phát triển quy hoạch du lịch vào quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội của quốc gia và địa phương, ngành du lịch sẽ được đầu tư, phát triển phù hợp, đồng thời tạo điều kiện thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển. Do vậy trong quá trình quy hoạch du lịch cần phải tính đến sự hòa hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Hỗ trợ kinh tế địa phương: Nguồn tài nguyên mà ngành du lịch sử dụng vốn thuộc quyền sở hữu của người dân bản địa như đường giao thông, điện nước, hệ thống xử lý chất thải, thông tin liên lạc... có thể không chỉ phục vụ riêng cho ngành du lịch nhưng vẫn thúc đẩy du lịch phát triển. Hoạt động du lịch một mặt mang lại hiệu quả tích cực kinh tế - xã hội của địa phương, mặt khác cũng để lại hiệu quả tiêu cực cho tài nguyên môi trường và kinh tế - xã hội của địa phương. Do vậy, ngành du lịch có trách nhiệm đóng góp một phần cho phát triển kinh tế địa phương, trong quá trình hoạch định các giải pháp chính sách khi quy hoạch du lịch cần phải tính đến đóng góp từ thu nhập du lịch cho kinh tế địa phương và quốc gia.

- Thu hút sự tham gia của cộng đồng địa phương: Việc tham gia của cộng đồng địa phương vào du lịch không chỉ mang lại lợi ích cho họ và môi trường; mà còn góp phần duy trì, phát triển du lịch, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, tạo ra sự hấp dẫn với du khách.

Sự tham gia của địa phương là cần thiết cho ngành du lịch. Dân cư, nền văn hóa, môi trường, lối sống và truyền thống của địa phương là những nhân tố quan trọng thu hút khách du lịch tới điểm du lịch. Sự tham gia thực sự của cộng đồng có thể làm phong phú thêm kinh nghiệm và sản phẩm du lịch. Khi cộng đồng được tham gia vào quá trình quy hoạch và chỉ đạo phát triển du lịch, thì họ có thể trở thành đối tác tích cực, tạo ra sự kiểm chứng và có nghĩa vụ với môi trường. Sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch có thể giúp cho họ xóa đói, giảm nghèo góp phần thu được nhiều ngoại tệ, có lợi cho cả cộng đồng địa phương và khách du lịch, đồng thời cũng nâng cao triển vọng phát triển lâu dài của sản phẩm du lịch.

Thực tế trong nhiều dự án quy hoạch du lịch, cộng đồng địa phương thường chỉ được tham gia những công việc có thu nhập thấp, nặng nhọc, mang tính mùa vụ. Trong khi họ lại chịu nhiều tác động tiêu cực cả về kinh tế - xã hội, văn hóa từ hoạt động du lịch. Do vậy ngay từ đầu khi tiến hành quy hoạch du lịch cần phải tính đến các phương cách, chiến lược để thu hút cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch.

- Lấy ý kiến quần chúng và các đối tượng liên quan: Việc lấy ý kiến của cộng đồng địa phương, các tổ chức và cơ quan khác nhau, các doanh nghiệp du lịch là rất

cần thiết. Đây là một bước nhằm nâng cao nhận thức của các bên tham gia với các dự án quy hoạch, cùng nhau giải quyết các mâu thuẫn tiềm ẩn về quyền lợi. Đồng thời, điều này giúp cho các bên tham gia có thể ủng hộ cho việc thực hiện các dự án quy hoạch. Do vậy, trong quá trình triển khai các dự án quy hoạch du lịch cần vận dụng nguyên tắc này trong điều tra xã hội học, lấy ý kiến của các đối tượng có liên quan vừa để giải tỏa các mâu thuẫn tiềm ẩn; vừa tìm thấy các nguyên nhân bất đồng, những vấn đề cần giải quyết; góp phần thu hút các bên tích cực tham gia vào việc thực hiện dự án quy hoạch du lịch.

- Đào tạo nhân viên: Nguồn nhân lực du lịch là lực lượng sản xuất quan trọng nhất, nó quyết định sự phát triển du lịch bền vững. Để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, các dự án quy hoạch ngay từ đầu cần phải hoạch định các chiến lược, giải pháp để đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực.

- Tiếp thị du lịch một cách có trách nhiệm: Để thực hiện được các mục tiêu phát triển du lịch bền vững, các dự án quy hoạch du lịch cần hoạch định các chiến lược, marketing, quảng bá cho du khách những thông tin đầy đủ và có trách nhiệm nâng cao sự tôn trọng của du khách với môi trường tự nhiên, văn hóa – xã hội tại điểm đến, đồng thời làm tăng sự thỏa mãn của du khách.

Tiến hành nghiên cứu: Thông tin số liệu để xây dựng dự án và ngay cả khi dự án được thực hiện đều không sẵn có. Để các dự án quy hoạch có hiệu quả, ngay từ thời kỳ tiền dự án đến khi thực hiện dự án cần: đầu tư nhiều cho công tác điều tra, giám sát, thống kê, so sánh tổng hợp mới có thể xây dựng được các mục tiêu, các định hướng, các giải pháp của dự án phù hợp. Công tác nghiên cứu còn giúp cho việc nhận thức rõ được những thiếu sót, hạn chế của dự án quy hoạch để từ đó có những giải pháp kế hoạch điều chỉnh bổ sung kịp thời.

1.2.4 Các loại hình du lịch bền vững

Có một số loại hình du lịch hiện đang hấp dẫn du khách và góp phần phát triển du lịch bền vững, đó là du lịch sinh thái hay còn gọi là “du lịch dựa vào thiên nhiên” và du lịch văn hóa hay “du lịch dựa vào văn hóa”.

Theo Khoản 19 và 20 Điều 4, Chương I – Luật Du lịch Việt Nam (năm 2005),

hai loại hình du lịch trên được định nghĩa như sau:

- “Du lịch sinh thái là hình thức du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc địa phương, với sự tham gia của cộng đồng nhằm phát triển bền vững”.
- “Du lịch văn hóa là hình thức du lịch dựa vào bản sắc dân tộc với sự tham gia của cộng đồng, nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống”.

Các loại hình du lịch sinh thái gồm:

- Du lịch nghỉ dưỡng;
- Du lịch tham quan;
- Du lịch mạo hiểm;
- Du lịch thể thao;
- Du lịch nghiên cứu;
- Vui chơi giải trí...

Các loại hình du lịch văn hóa gồm:

- Du lịch tham quan nghiên cứu;
- Du lịch hành hương lễ hội;
- Du lịch làng nghề;
- Du lịch làng bản...

Các loại hình du lịch bền vững là các loại hình du lịch mang tính giáo dục nhận thức cao, có trách nhiệm bảo tồn và phát triển cộng đồng. Do vậy, cần nghiên cứu các chiến lược phát triển, xây dựng kế hoạch và giải pháp cho việc phát triển các loại hình du lịch bền vững.

Trong Khoản 1, Điều 5, Chương I – Luật Du lịch Việt Nam (năm 2005) về các nguyên tắc phát triển du lịch có nêu: “Phát triển du lịch bền vững theo quy hoạch, kế hoạch đảm bảo hài hòa giữa kinh tế – xã hội và môi trường, phát triển có trọng tâm, trọng điểm theo hướng du lịch văn hóa lịch sử, du lịch sinh thái, bảo tồn, tôn tạo phát triển giá trị của tài nguyên”.

Như vậy, phát triển du lịch trở thành định hướng, mục tiêu chiến lược nguyên

tắc phát triển của du lịch Việt Nam. Vì vậy, trong quá trình quy hoạch các dự án phát triển du lịch Việt Nam, việc vận dụng quan điểm phát triển bền vững là cần thiết, nó giúp cho các dự án quy hoạch du lịch mang tính khả thi và có hiệu quả cao.

Tiểu kết

Du lịch đang phát triển mạnh mẽ và trở thành ngành kinh tế có đóng góp to lớn trong GDP và trở thành ngành kinh tế chủ đạo của nhiều quốc gia phát triển kinh tế bằng con đường du lịch. Và việc xây dựng kế hoạch phát triển bền vững chính là giải pháp tối ưu để đạt được các mục tiêu tăng trưởng nhanh trong khi vẫn sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên.

Ngày nay du lịch bền vững đang phát triển mạnh mẽ. Các đối tượng văn hóa, các tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn là cơ sở tạo nên các loại hình du lịch hấp dẫn. Nó đánh dấu sự độc đáo, hấp dẫn của từng vùng, từng địa phương, từng quốc gia, từng dân tộc...

CHƯƠNG 2

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH BỀN VỮNG Ở VQG PHONG NHA - KÊ BÀNG

2.1 Điều kiện tự nhiên

2.1.1 Vị trí địa lý

Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng được thành lập vào năm 2001, trên cơ sở chuyển đổi từ Khu bảo tồn thiên nhiên thành Vườn quốc gia, theo Quyết định số 189/2001/QĐ- TTg của Chính phủ. Theo đó, vùng lõi VQG Phong Nha - Kẻ Bàng, bao gồm ranh giới hành chính của các xã : Tân Trạch, Thượng Trạch, Phúc Trạch, Xuân Trạch và Sơn Trạch, thuộc huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, nằm về phía Tây Bắc tỉnh Quảng Bình, dọc biên giới Việt Nam – Lào, có tọa độ địa lý : Từ 17°21'12" đến 17°39'44" vĩ độ Bắc, Từ 105°57'53" đến 106°24'19" kinh độ Đông.

2.1.2 Địa hình

Phần lớn diện tích Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng là núi đá vôi (karst). Một phần nhỏ diện tích còn lại là phi karst, nằm ở các phạm vi giáp ranh, có độ cao trung bình khoảng 600 – 700 m, tạo thành một dải dài khoảng 50 km dọc biên giới Việt – Lào. Nhìn tổng quát trong khu vực có 3 kiểu địa hình chính:

+Kiểu địa hình núi đá vôi

Bao gồm khối núi đá vôi liên tục từ dãy núi Phu Toc Vu, đèo Mụ Giạ (huyện Minh Hóa) kéo dài tới hang Én, Rào Bụt, Cà Ròng (huyện Bố Trạch), dài khoảng 70 km. Phần nằm bên lãnh thổ có diện tích khoảng 200.000 ha. Nếu tính toàn bộ khối núi đá vôi cả về phía Việt Nam và Lào thì đây là một trong những khối núi đá rộng lớn nhất hành tinh (Piere G.,1966). Tại đây, các dãy núi đá vôi phát triển hầu như liên tục, thành phần tương đối đồng nhất, độ dày trên 1000 m.

Địa hình núi đá vôi bị chia cắt rất mạnh, cùng với quá trình karst do hòa tan và

ngung động carbonat hình thành nên các nhũ đá, măng đá, nấm đá, chuông đá, cột đá đa dạng phức tạp, đẹp kỳ lạ trong các hang động. Nhiều nơi đá bị bào mòn tạo nên những công trời, rùng đá, cầu đá rất kỳ thú. Giữa các vách đá thường là các khung kín dài và nhỏ, rộng khoảng 20 – 100 m.

Trong vùng núi đá vôi hầu như không có sông suối trên bề mặt, mà thấy ở vành ngoài. Các mắt hút rải rác trong các thung đưa nước thoát theo các sông ngầm. Vùng karst này còn chứa nhiều bí ẩn, hiện nay chưa thể khám phá hết được.

+Kiểu địa hình phi karst

Kiểu địa hình này chiếm tỷ lệ thấp, phân bố ở vùng ngoài núi đá vôi ở phía Bắc, Đông Bắc và Đông Nam Vườn quốc gia. Độ cao trung bình khoảng 600 – 700m. Có khá nhiều thung lũng hẹp chạy dài theo các suối như khe Am, khe Cha Lo, khe Chua Ngút và ở cực Tây Nam có thung lũng dọc Rào Thương.

Địa hình phi karst cũng là vùng đầu nguồn của các con sông, suối chảy vào sông Gianh. Nhìn chung dạng địa hình này thoải và mềm mại hơn vùng núi đá vôi. Độ chia cắt cũng không mạnh bằng.

+Kiểu địa hình chuyển tiếp

Đây là kiểu địa hình có sự xen kẽ phức tạp giữa các khối đá vôi và địa hình đá lục nguyên. Chúng phân bố rải rác, thường tập chung ở những vùng chuyển tiếp giữa núi đá vôi và đá lục nguyên. Địa hình thường là những đỉnh núi thấp dưới 800m, tuy không hiểm trở như kiểu địa hình karst nhưng cũng rất đa dạng phức tạp.

Hệ thống hang động ở VQG Phong Nha – Kẻ Bàng:

VQG Phong Nha – Kẻ Bàng là một trong hai khu vực đá vôi lớn nhất thế giới. So với 41 Di sản thế giới khác có karst, Phong Nha- Kẻ Bàng có các điều kiện địa hình, địa mạo và sinh vật khác biệt. Karst tại đây có niên đại từ thời kỳ Đại Cổ Sinh, 400 triệu năm trước, do đó Phong Nha – Kẻ Bàng là vùng karst lớn nhất châu Á. Nếu như khu vực Hin Namno, một khu vực bảo tồn thiên nhiên của tỉnh Khăm Muộn, Lào, giáp Phong Nha – Kẻ Bàng về phía Tây được kết hợp thành một khu bảo tồn liên tục, thì khu vực bảo tồn này sẽ là khu rừng karst còn tồn tại lớn nhất Đông Nam Á với diện tích 317.754 ha.

Tại Phong Nha – Kẻ Bàng có một hệ thống gồm khoảng 300 hang động lớn nhỏ. Hệ thống động Phong Nha đã được Hội nghiên cứu hang động Hoàng gia Anh (BCRA) đánh giá là hang động có giá trị hàng đầu thế giới với 4 điểm nhất: có các sông ngầm dài nhất, có cửa hang cao và rộng nhất, những bờ cát rộng và đẹp nhất, những thạch nhũ đẹp nhất.

So với 3 VQG khác đã được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới ở Đông Nam Á và một số khu vực karst khác ở Thái Lan, Trung Quốc, Papua New Guinea thì karst ở VQG Phong Nha – Kẻ Bàng có tuổi già hơn và có hệ thống sông ngầm đa dạng và phức tạp hơn.

2.1.3 Khí hậu

Nhiệt độ bình quân hàng năm biến động từ 23 độ – 25 độ. Nhiệt độ bình quân giữa các tháng dao động khá lớn, cực đại vào tháng 7, cực tiểu vào tháng 1. Các tháng lạnh nhất trong năm: 12,1,2. Các tháng nóng nhất trong năm là: 6,7,8. Biên độ nhiệt trong ngày khoảng 10 độ C vào mùa Hè, 8 độ C vào mùa Đông, lượng mưa bình quân: 2000 – 2500 mm/năm. Vùng núi cao: 3000 mm/năm. Lượng mưa lớn nhất vào tháng 9,10,11. Mùa khô, có tối thiểu 10 ngày mưa/tháng (mưa tiểu mãn). Lượng bốc hơi từ 1000 – 1300 mm/năm. Độ ẩm không khí: 83 – 84 % (độ ẩm ở mức trung bình). Mùa khô: 60 – 80 % cá biệt có những ngày chỉ 28% (đây là những ngày gió Lào thổi mạnh). Có hai mùa gió chính là gió mùa đông và gió mùa hạ. Gió mùa Đông từ tháng 11 đến tháng 1 năm sau, thịnh hành là gió Đông Bắc, xen lẫn gió Đông Nam. Gió mùa Hạ từ tháng 5 đến tháng 8, thịnh hành là gió Tây Nam gió rất khô và nóng. Khu vực VQG Phong Nha – Kẻ Bàng nằm trong lưu vực của các sông: Rào Thương, sông Chảy, sông Troóc, sông Son... đều là thượng nguồn lưu vực của sông Gianh. Mưa lũ từ tháng 9 đến tháng 11, lũ lớn xuất hiện vào tháng 9, 10. Ngoài mùa mưa lũ chính, lưu vực sông Son còn phải chịu ảnh hưởng của các đợt mưa phụ (mưa tiểu mãn) vào tháng 5, tháng 6. Mưa tiểu mãn đôi khi gây lũ lụt lớn. Mùa nước cạn vào tháng 1 – 7, mực nước thấp nhất và dòng chảy tối thiểu.

2.1.4 Thủy văn

Địa hình có sự phân hóa đa dạng và phức tạp nên ở đây có một hệ thống sông

suối khá dày đặc. Tất cả các sông suối chảy từ hệ thống các đỉnh giông về hướng Tây Đông đổ vào sông Son ra sông Gianh và ra biển Đông. Khu bảo tồn thiên nhiên VQG Phong Nha - Kẻ Bàng có hệ thống sông ngầm lớn. Các sông này thông thường đều có thể đi qua được nhưng khô về mùa lũ. Rất nhiều con suối nhánh bị khô cạn vào mùa khô. Phần lớn các con sông chảy rất nhanh có lớp đáy và bờ là đá cuội và đá tảng lớn. Con sông chính này có thể đi thuyền xuôi dòng được ở một số đoạn nhất định trong khu bảo tồn. Không có ao hồ nào trong khu bảo tồn mặc dù có một số vùng thung lũng bằng và bị lũ vào mùa mưa.

2.1.5 Động thực vật

Do những đặc điểm về điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý, đây là nơi giao thoa giữa các luồng di chuyển của sinh vật, giữa miền Bắc với miền Nam và giữa Việt Nam với Lào – Mianma. Nên đã tạo cho VQG Phong Nha - Kẻ Bàng có sự đa dạng sinh học cao, phong phú các loài đặc hữu.

+ Hệ động vật VQG Phong Nha - Kẻ Bàng

VQG Phong Nha - Kẻ Bàng là nơi sinh sống của 140 loài thú, nổi bật nhất là hổ và bò tót, loài bò rừng lớn nhất thế giới, 356 loài chim, trong đó có 35 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam và 19 loài nằm trong Sách đỏ thế giới; 150 loài bò sát và lưỡng cư, trong đó có 18 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam và 6 loài nằm trong Sách đỏ thế giới; 261 loài bướm; 162 loài cá, trong đó có 4 loài đặc hữu Việt Nam. Linh trưởng có 10 bộ linh trưởng, chiếm 50 % tổng số loài thuộc bộ linh trưởng ở Việt Nam, 7 loài nằm trong Sách đỏ Việt Nam, đặc biệt là voọc Hà Tĩnh, sao la, mang. Năm 2004 có 3 loại bò sát lần đầu tiên được tìm thấy là tắc kè Phong Nha, rắn lục song và rắn lục Trường Sơn. Phong Nha – Kẻ Bàng được đánh giá là có hệ tự nhiên đa dạng nhất trong tất cả các Vườn quốc gia và khu dự trữ sinh quyển quốc gia trên thế giới. Điển hình có các loài sau:

Lớp thú: voọc Hà Tĩnh, gấu chó, gấu ngựa,... đều ở cấp độ nguy hiểm. Đặc biệt mới phát hiện ra sói lửa ở Phong Nha - Kẻ Bàng.

Lớp chim: gà lôi lam, gà lôi hồng tía, gà lôi trắng, trĩ sao, hồng hoàng, niệc hung...

Lớp bò sát và lưỡng cư: rắn hổ mang chúa, rùa hộp trán vàng, kỳ đà, rắn hổ trâu, tắc kè, rắn hổ mang, ếch xanh, cóc rùng...

Lớp cá có: 162 loài thuộc 85 giống, 31 họ, 11 bộ, trong đó độc đáo nhất là tới 19 loài cá biển di nhập, 8 loài cá gặp trong hang động, 10 loài mới phát hiện cho khoa học. Có thể khẳng định Phong Nha - Kẻ Bàng là nơi có chỉ số đa dạng sinh học về các nước ngọt cao nhất và cao gấp 25 lần so với khu hệ cá nước ngọt ở Việt Nam. Có 4 loài cá đặc hữu hẹp chỉ gặp ở Phong Nha - Kẻ Bàng và vùng lân cận là cá dáy, cá gáy hoa, cá Phong Nha, cá nghét.

Nhóm bướm: Theo nghiên cứu bước đầu của trung tâm nhiệt đới Việt - Nga đã ghi nhận được 261 loài bướm thuộc 11 họ. Hầu hết các nhóm bướm đều có mặt tại đây, chiếm tới 1/5 tổng số loài bướm của Việt Nam.

Về động vật không xương sống chưa được nghiên cứu hệ thống, nhưng năm 1995 ông L. Deharveng đã sưu tầm được tiêu bản 1 loài cua mới ở Chà Nội - hang Tối khu vực động Phong Nha - Kẻ Bàng.

Đặc biệt VQG Phong - Nha Kẻ Bàng có sự đa dạng cao về động vật: Chiếm tới 5% loài thú, 36,6% loài chim, 30% loài cá nước ngọt, 49% loài bò sát và lưỡng cư của cả nước. Trong đó có nhiều loài đặc hữu như: mang lớn, rắn lục có song, rắn lục Trường Sơn, tắc kè Phong Nha. Vì vậy VQG Phong Nha - Kẻ Bàng được xếp loại đa dạng sinh học loại A ở Việt Nam.

Với tài nguyên sinh vật đa dạng, phong phú và đặc sắc của VQG, thuận lợi cho phát triển các loại hình du lịch như tham quan và nghiên cứu sinh vật.

+ Hệ thực vật VQG Phong Nha - Kẻ Bàng

VQG Phong Nha - Kẻ Bàng có hệ thảm thực vật với các kiểu chính phụ sau đây :

✓ Rừng kín thường xanh mưa ẩm, nhiệt đới, chủ yếu là cây lá rộng trên núi đá vôi (diện tích 61.079 ha), phân bố ở khu vực trung tâm vườn, có các loại đặc trưng: tấu mặt quỷ, trai, hoàng đàn, nghiến, lát hoa...

✓ Rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới chủ yếu là cây lá rộng trên núi đá vôi cao trên 800 m (diện tích 6.364ha). Thực vật ở đây hạn chế cả về độ cao và

đường kính, các loại chính lá re bời lờ, bời lờ xanh, sồi lá bạc, nghiến...

✓ Thứ sinh nhân tác trên núi đá vôi có diện tích 1.810 ha. Các loại rừng chủ yếu đã bị tàn phá, bị thay thế với các lớp cây: ba soi, cỏ tranh Lào, thung...

✓ Quần lạc cây bụi, cây gỗ rải rác trên núi đá vôi (diện tích 1.663 ha). Kiểu rừng này ở các chân dốc thoải hoặc các gò, đồng đỉnh tròn bằng, cây gỗ chỉ còn rất ít, rải rác, phần lớn là cây gỗ tạp như đa lông, trầm, bời lờ...

✓ Rừng kín mưa ẩm thường xanh trên núi đất (diện tích 7.784 ha). Tập trung thành hai khối. Thành phần thực vật chủ yếu là dầu ke, táu mặt quỷ, trò nhai... Tại đây có sự giao thoa với luồng thực vật phía bắc, đại diện là họ đậu, họ dẻ, họ re... với luồng thực vật phía nam là họ dầu, họ thị...

✓ Rừng kín thường xanh mưa ẩm nhiệt đới chủ yếu cây lá rộng trên núi đất, trên 800m (diện tích 458 ha). Tập trung ở các đỉnh U Bò, kiểu rừng này còn giữ nguyên tính nguyên sinh, với các loài họ ưu thế, họ dẻ, cà, ôi, sồi bạc lá, sến mật...

✓ Rừng thứ sinh tác nhân trên núi đá vùng thấp (diện tích 2.359 ha). Các loại cây có giá trị đã bị chặt, trở thành loài phức tạp gồm : họ dẻ, sồi, côm, chò nhai, lim xẹt...

✓ Quần lạc cây bụi, cây gỗ rải rác trên núi đất vùng thấp (diện tích 3.518ha). Kiểu thảm thực vật này có nguồn gốc sau nương rẫy hoặc bị chiến tranh tàn phá, thảm thực vật gồm cây bụi lẫn có như họ mua, bồ cu vẽ, lau, cỏ Lào...

✓ Rừng hành lang ngập nước định kỳ (diện tích 172 ha), phân bố dọc suối Rào Thung, dọc các sông suối với thành phần thực vật: bún, bời lờ, sung, chò nước...

Bước đầu điều tra khảo sát của Viện điều tra Quy hoạch rừng và dự án bảo tồn thiên nhiên quốc gia cho thấy hệ thực vật của VQG Phong Nha – Kẻ Bàng có khoảng 2400 loài thực vật, trong đó có 25% loài đặc hữu quý hiếm. Đặc biệt có 208 loài lan; năm 2004 đã tìm thấy loài lan mũi hài rất quý hiếm. Vườn có quần thể bách xanh núi đá thuần loài nguyên thủy hơn 500 tuổi, có ý nghĩa bảo tồn toàn cầu; có hơn 1700 loài thực vật bậc cao có mạch, những họ quen thuộc của hệ sinh thái rừng Việt Nam như thầu dầu, long não, dâu tằm, cà phê, đậu... đều thấy có số lượng lớn.

Hệ thực vật Phong Nha - Kẻ Bàng là nơi giao lưu của hai khu hệ thực vật phía

bắc và phía nam. Ở đây là ranh giới cuối cùng phía nam của một số loài như nghiến, chò nước và cũng là ranh giới cuối cùng phía bắc của một số loài như dầu ke, dầu đột tím.

Ở đây có 2 loại thực vật đặc hữu : tấu đá, mun sọc và huê mộc, cây gỗ lớn thuộc họ dầu...

VQG Phong Nha – Kẻ Bàng có 36 loài thực vật có nguy cơ bị tiêu diệt và được ghi trong Sách đỏ Việt Nam như: kim tuyến, trầu, trai, mạ sưa lá lớn, chò đải, sưa, cẩm lai nam, đinh, pơ mu, sến mật...

Hai loài thực vật đặc hữu quý hiếm đang bị khai thác nhiều, có nguy cơ bị tuyệt chủng nhưng chưa được ghi trong Sách đỏ Việt Nam là mun sọc và huê mộc.

2.2 Điều kiện xã hội

2.2.1 Dân cư

Khu vực vùng đệm VQG Phong Nha – Kẻ Bàng có dân của 10 xã thuộc huyện Minh Hóa: Trung Hóa, Thượng Hóa; huyện Bố Trạch: Tân Trạch, Thượng Trạch, Phúc Trạch, Xuân Trạch, Sơn Trạch, Phú Định, Hưng Trạch và huyện Quảng Ninh: Trường Sơn. Các khu vực dân cư này chủ yếu sống ven các sông lớn như sông Chày, sông Son và các thung lũng có suối phía Đông và Đông Bắc của VQG này. Các khu vực này thuộc khu vực vùng sâu vùng xa của Quảng Bình, có điều kiện hạ tầng cơ sở như đường giao thông, điện, giáo dục, y tế kém phát triển. Dân cư ở đây chủ yếu sống bằng nghề nông, khai thác lâm sản.

Có hai làng người dân tộc thiểu số Arem và Ma coong sinh sống ở trong vùng lõi của VQG Phong Nha – Kẻ Bàng. Bên trong vùng đệm của VQG này chủ yếu là người Kinh và một số nhỏ người Chứt và Vân Kiều sinh sống.

2.2.2 Kinh tế xã hội

Vùng đệm được xác định là các xã có đất trong hoặc có ranh giới trong Vườn quốc gia. Vùng đệm gồm 10 xã, thuộc 3 huyện. Huyện Bố Trạch: xã Hưng Trạch, xã Phúc Trạch, xã Sơn Trạch, xã Tân Trạch, xã Thượng Trạch, xã Xuân Trạch, xã Phú Định. Huyện Quảng Ninh: xã Trường Sơn. Huyện Minh Hóa: xã Thượng Hóa và xã Trung Hóa.

Vùng đệm được thành lập đồng thời với thời gian thành lập Vườn quốc gia. Vùng đệm có mục đích giảm các tác động tiêu cực từ bên ngoài tới VQG. Chức năng và nhiệm vụ của vùng đệm đã được xác định trong dự án đầu tư xây dựng VQG Phong Nha - Kẻ Bàng (năm 2001). Đất đai và các nguồn tài nguyên vùng đệm do chính quyền địa phương các cấp quản lý. Tổng dân số trên toàn vùng 51.865 khẩu, 10.752 hộ sinh sống trên diện tích của 10 xã nằm xung quanh VQG Phong Nha – Kẻ Bàng. Với diện tích toàn vùng là 288.999 ha tương đương với mật độ trung bình 49 người/km²

Toàn bộ các xã nằm trong chương trình ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội trong chương trình 135, dự án giảm nghèo khu vực miền Trung, Chương trình 661. Các dự án này đã hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, phục hồi rừng, phát triển kinh tế xã hội. Đặc biệt, Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Tái thiết Đức đã ký kết xây dựng một dự án phát triển kinh tế - xã hội tổng hợp tại các xã vùng đệm nhằm giảm các áp lực tới VQG.

2.2.3 Những tập quán văn hóa tiêu biểu

Người dân sinh sống quanh vùng đệm đều có đời sống văn hóa xã hội phong phú đa dạng, điều này cũng thật dễ hiểu bởi đây là khu vực mà trong một địa bàn cư trú sinh sống với nhau. Dưới đây là một số tập quán, sinh hoạt văn hóa của các cư dân sinh sống khá đông trong vùng đệm của VQG:

Sự ưa thích con trai: Có con trai là nhu cầu quan trọng của hầu hết các gia đình các dân tộc. Con trai là người nối dõi tông đường, là người chăm sóc cha mẹ, tổ tiên nên việc có con trai là rất quan trọng đối với các gia đình. Hiện nay, thậm chí đối với cả những cặp vợ chồng tuy không muốn sinh nhiều con nhưng nếu sinh con một bề vẫn có thể cố gắng sinh thêm con hy vọng có con trai. Điều đó duy trì quan niệm truyền thống không thể thay thế của con trai, làm giảm vị thế của con gái và ảnh hưởng đến địa vị và sức khỏe của người phụ nữ. Để củng cố địa vị của họ trong gia đình nhà chồng người phụ nữ thường cố gắng để có con trai bất chấp tình trạng sức khỏe của mình và điều kiện kinh tế của gia đình.

Các nghi lễ truyền thống kéo dài và tốn kém: Hiếu hỷ và các lễ mừng (mừng

sinh con, mừng nhà mới, cơm mới, năm mới, cưới hỏi, ma chay...) đóng vai trò quan trọng trong đời sống cộng đồng. So với mức sống của người dân, các chi phí cho các lễ hội này chiếm một khoản kinh phí khá lớn (rượu, lợn, bò, gà, gạo...). Trong khi phần lớn người dân lại có mức sống thấp, thì những khoản chi phí này có thể phải tìm kiếm ở nguồn khác để trang trải trong đó có khả năng cao sẽ là khai thác gỗ hay sản phẩm có giá trị của rừng.

Lối sống của người dân mang tính cộng đồng cao. Trong những lễ nghi cưới xin, ma chay, các lễ mừng hay là làm nhà, sửa nhà đều có sự tham dự và đóng góp của các hộ gia đình trong thôn. Vì vậy, mỗi hộ gia đình khi gia đình có việc dù nghèo cũng phải cố gắng tổ chức bà con trong thôn tới dự.

Một nét văn hóa đáng lưu ý là tuổi kết hôn khá sớm của người phụ nữ nhu cầu sinh con trai nối dõi và thờ cúng tổ tiên. Với tuổi kết hôn sớm như vậy, nếu không thực hiện kế hoạch hóa gia đình, độ tuổi sinh con của người phụ nữ sẽ dài hơn, sinh nở sớm sẽ ảnh hưởng tới sức khỏe của người phụ nữ và cơ hội phát triển của họ. Vì mong muốn có con trai mà nhiều cặp vợ chồng đã cố gắng sinh thêm con. Một số nghiên cứu đã chứng minh phần lớn các cặp vợ chồng sinh con thứ 3, thứ 4 là do mong muốn có con trai. Đây là những yếu tố cần được lưu ý bởi chúng có thể gây ảnh hưởng lớn đến việc sinh nhiều con trong các dân tộc đặc biệt là các dân tộc thiểu số.

Đặc sắc là nét văn hóa của người Chứt:

Cưới xin: Trai gái đều đến tuổi trưởng thành, được tự do tìm hiểu yêu đương. Trước khi cưới, nhà trai phải chọn ông mối đi dạm hỏi vài lần. Lễ cưới được tổ chức bên nhà gái sau đó mới đón dâu. Lễ vật quan trọng nhất thiết phải có thịt khỉ sấy khô. Người Chứt không có tục ở rể.

Sinh đẻ: Sắp đến ngày ở cữ, người chồng thường dựng một cái lều nhỏ cho vợ ở ngoài rừng. Thỉnh thoảng anh ta đến thăm nom, tiếp tế lương thực và đồ ăn uống cho vợ. Phụ nữ quen đẻ đứng và tự xoay sở lấy hết mọi việc. Đẻ xong, người sản phụ tự mình nhóm lửa đốt nóng một hòn đá cuội để sẵn rồi dội nước lã vào cho bốc hơi nóng để xông khói. Sau 7 ngày, người chồng mới đến đón vợ con vào nhà.

Ma chay: Nhà giàu làm quan tài bằng thân cây khoét rỗng; nhà nghèo chỉ bó

người chết bằng vỏ cây.

Thờ cúng: Tổ tiên được thờ tại nhà tộc trưởng. Khi tộc trưởng chết, việc thờ cúng chuyển sang người em trai kế. Khi nào các thế hệ trên không còn ai thì việc thờ cúng mới chuyển sang cho người ở thế hệ dưới.

Tin vào các loại ma rừng ma suối, thổ công, ma bếp... trong đó quan trọng nhất là ma làng.

Các nghi lễ nông nghiệp thường được thực hiện như lễ xuống giống, lễ gieo hạt, lễ cúng hồn lúa, lễ ăn mừng được mùa.

Có thể nói các dân tộc sinh sống quanh vùng đèo và trong khu bảo tồn thiên nhiên VQG Phong Nha – Kẻ Bàng có một nền văn hóa phong phú và đậm đà bản sắc dân tộc. Mỗi dân tộc đều có nét văn hóa đặc sắc riêng của mình song họ vẫn giao lưu và giao thoa văn hóa, học tập, tiếp nhận những mặt tích cực của văn hóa các dân tộc và bên cạnh đó những hủ tục, những phong tục tập quán lạc hậu cũng dần được loại bỏ, tạo nên một nét rất đặc trưng của cư dân nơi đây.

2.2.4 Cơ sở hạ tầng

Về giao thông vận tải: Phong Nha – Kẻ Bàng thuộc huyện miền Núi của tỉnh Quảng Bình nằm về phía Tây – Bắc của tỉnh do vậy chỉ thuận lợi về đường bộ nên việc đi lại giao lưu của người dân chủ yếu bằng loại hình đường này còn các loại hình đường khác không phổ biến hoặc không được hình thành. Do vậy mà đây cũng là hạn chế chung của địa hình khu vực trung du miền Núi tỉnh Quảng Bình nói chung và Phong Nha – Kẻ Bàng nói riêng và nó đã ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, mạng lưới giao thông đường bộ ở huyện này cũng khá phát triển và toàn diện. Trục giao thông huyết mạch đó là đường mòn Hồ Chí Minh có vai trò to lớn để giao lưu văn hóa kinh tế - xã hội.

Về thông tin liên lạc: Hiện nay hệ thống thông tin liên lạc cũng khá phát triển nếu không nói là toàn diện tất cả các huyện đều có hệ thống bưu điện tận huyện, xã đáp ứng nhu cầu cần thiết về thông tin liên lạc cho người dân. Tại các thị trấn thì mạng điện thoại di động và mạng internet đã được phủ sóng. Mạng lưới bưu chính đầy đủ các dịch vụ như: phát hành báo chí, EMS, chuyển tiền nhanh, điện hoa... Dịch vụ

viễn thông quốc tế, liên tỉnh và nội tỉnh có thể liên lạc đi mọi nơi.

2.2.5 Giáo dục

Là khu vực vùng cao nên đây không có các trường đại học, cao đẳng nhưng giáo dục phổ biến đến cơ sở ở đây cũng khá phát triển đáp ứng nhu cầu học tập của con em. Đặc biệt là Quảng Bình được xem là vùng đất “Địa linh nhân kiệt” với truyền thống cần cù hiếu học. Nhiều người con của quê hương Quảng Bình nói chung, các huyện trung du miền núi nói riêng đang sinh sống và học tập trên khắp mọi miền của đất nước, không ngừng đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và làm giàu quê hương.

Tiểu kết

VQG Phong Nha – Kẻ Bàng nằm ở khu vực núi đá vôi rộng lớn thuộc lãnh thổ Việt Nam. VQG bao gồm vùng lõi với 85.754 ha và một vùng đệm rộng trên 200.000 ha.

VQG Phong Nha – Kẻ Bàng được thiết lập để bảo vệ một trong hai vùng karst lớn nhất thế giới khoảng 300 hang động và bảo tồn hệ sinh thái Bắc Trường Sơn ở khu vực Bắc Trung Bộ Việt Nam. Đặc trưng của VQG này là các kiến tạo đá vôi, 300 hang động, các sông ngầm và hệ thống động thực vật quý hiếm nằm trong Sách đỏ Việt Nam và Sách đỏ thế giới. Các hang động ở đây có tổng chiều dài khoảng hơn 80 km nhưng các nhà thám hiểm hang động Anh và Việt Nam mới chỉ thám hiểm 20 km, trong đó 17 km ở khu vực Phong Nha và 3 km ở khu vực Kẻ Bàng.

CHƯƠNG 3

TIỀM NĂNG DU LỊCH VÀ THỰC TRẠNG KHAI THÁC DU LỊCH TẠI VQG PHONG NHA- KÊ BÀNG

3.1 Tiềm năng du lịch của VQG Phong Nha – Kẻ Bàng

3.1.1 Tài nguyên du lịch của VQG Phong Nha – Kẻ Bàng

Khu Phong Nha - Kẻ Bàng nằm trong vùng sinh thái Bắc Trường Sơn thuộc địa bàn các huyện Quảng Ninh, Bố Trạch, Minh Hoá, được đánh giá là một trong 238 vùng sinh thái quan trọng trên toàn cầu, với các dãy núi đá vôi phát triển hầu như liên tục và tương đối đồng nhất, được đánh giá là vùng Karst rộng nhất thế giới với diện tích trên 200.000 ha, là một mẫu điển hình của quá trình địa chất về thể loại Karst và hình thành hang động đang diễn biến toàn cầu không chỉ ở lĩnh vực đa dạng sinh học mà còn là một khu vực thắng cảnh hang động bậc nhất thế giới.

Khu Phong Nha – Kẻ Bàng có một quần thể hơn 300 hang động lớn nhỏ phong phú, kỳ vĩ được mệnh danh là “Vương quốc hang động”, nơi tiềm ẩn nhiều điều kỳ lạ và hấp dẫn, là thiên đường cho các nhà khoa học hang động, các nhà thám hiểm và du lịch.

Đến nay, 20 hang động với tổng chiều dài trên 70km đã được đoàn khảo sát Hoàng gia Anh phối hợp với Khoa Địa lý Đại học Quốc gia Hà Nội khảo sát có hệ thống, kỹ lưỡng và được đánh giá là một trong những cảnh quan đẹp nhất với các đặc trưng: có sông ngầm đẹp nhất, có cửa hang cao và rộng nhất, các bãi cát, bãi đá ngầm đẹp nhất, có hồ nước ngầm đẹp nhất, có hang khô rộng và đẹp nhất, có hệ thống thạch nhũ tráng lệ và kỳ ảo nhất, là hang nước dài nhất.

Trong các hang thì Phong Nha thực sự nổi bật với chiều dài khảo sát gần 8km, chủ yếu với sông ngầm. Hang Vòm (dài trên 15km) được xếp vào danh sách hang động có sông ngầm dài nhất thế giới. Cùng với hệ thống hang động kỳ diệu, sông Troóc, sông Chày, sông Son trong khu vực Phong Nha – Kẻ Bàng với dòng nước

trong xanh chảy giữa vùng núi đá có rừng tạo nên cảnh đẹp thơ mộng như bức tranh thủy mặc quyến rũ du khách. Rừng nguyên sinh Phong Nha – Kẻ Bàng có hàng chục đỉnh núi cao trên 1.000 m, hiểm trở chưa từng có vết chân người, là các điểm hấp dẫn thể thao leo núi và thám hiểm. Địa hình là các đỉnh Co Rilata cao 1.128 m, Co Preu cao 1.213 m. Xen kẽ giữa các đỉnh núi trên 1.000m là những thung lũng và các đỉnh núi cao từ 800 m đến 1000 m, thích hợp cho du lịch sinh thái và leo núi như Phu Sinh 965 m, Ma Ma 835m. Đặc biệt, đỉnh Mã Tác cao 721m có thung lũng với mặt bằng rộng 70 ha.

Trong Vườn Quốc Gia Phong Nha – Kẻ Bàng còn tồn tại một khu rừng nhiệt đới nguyên sinh ít bị tác động với độ che phủ trên 96,2% và có tính đa dạng sinh học cao. Tại vùng này theo số liệu điều tra, bước đầu có nhiều loài thực vật đặc hữu của rừng núi đá vôi như Chò đãi, Chò nước, Trầm hương, Nghiến, Sắng, Ba kích và Sao... Thực vật bậc cao có hơn 1.700 loài có mạch. Gần đây, các nhà khoa học phát hiện thêm nhiều loài thực vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng cao ngoài tự nhiên như Bách xanh đá, Lan hài đốm, Lan hài xanh, Lan hài xoắn và nhiều loài thực vật quý hiếm khác cũng được ghi nhận.

Ngoài tài nguyên thực vật đa dạng, đối với động vật, đã xác định được 140 loài thú lớn, nổi bật nhất là hổ và bò tót, có loài bò rừng lớn nhất Việt Nam; 356 loài chim, có 35 loài được ghi trong Sách đỏ Việt Nam, 19 loài được liệt kê trong Sách đỏ thế giới; 150 loài bò sát và lưỡng cư, trong đó 4 loài bò sát mới được phát hiện như Thần lằn tai, Tắc kè Phong Nha, Rắn lục Trường Sơn, Rắn mai gầm thanh, có 18 loài được liệt kê trong Sách đỏ Việt Nam và 6 loài được đưa vào Sách đỏ thế giới, 261 loài bướm, 162 loài cá, trong đó có 4 loài đặc hữu Việt Nam 47 loài ếch nhái. Đặc biệt, rừng trên núi đá vôi là nơi phân bố nhiều loài Linh trưởng nhất Việt Nam, gồm 10 loài được ghi nhận, chiếm khoảng 50% tổng số loài thuộc bộ Linh trưởng ở Việt Nam, 7 loài Linh trưởng thuộc bộ Linh trưởng được liệt kê vào Sách đỏ Việt Nam và 3 loài phụ có tính đặc hữu hẹp ở Việt Nam.

So với các khu bảo tồn và Vườn quốc gia khác ở Việt nam thì độ phong phú của các loài động vật ở phong Nha – Kẻ Bàng còn khá cao. Các loài quý hiếm, đặc biệt

Linh trưởng có số lượng cao nhất trong nước. Hiện nay Chính phủ Việt Nam đang lập hồ sơ khoa học Di sản thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng để đệ trình UNESCO xem xét tiếp tục công nhận Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng là Di sản thiên nhiên thế giới về tiêu chí đa dạng sinh học.

Trong những năm qua, Khu du lịch Phong Nha – Kẻ Bàng đã trở thành địa chỉ yêu thích của du khách. Số lượng khách du lịch đến tham quan Phong Nha – Kẻ Bàng ngày càng đông, nhất là từ khi Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới.

VQG Phong Nha - Kẻ Bàng là một trong những khu vực ưu tiên cho bảo tồn đa dạng sinh học cấp quốc gia, quốc tế và khu vực. VQG Phong Nha – Kẻ Bàng có ý nghĩa quan trọng trong bảo tồn hệ sinh thái dãy Trường Sơn, đặc biệt là nằm gần về với khu bảo tồn đa dạng sinh học có diện tích 200.000 ha cho nên toàn bộ khu vực đã hợp thành một diện tích rộng lớn mang ý nghĩa quan trọng trong việc bảo tồn xuyên biên giới.

VQG Phong Nha – Kẻ Bàng bao gồm các vùng sinh thái núi thấp và hầu hết các khu vực này đều tạo nên các thung lũng có hệ sinh thái quan trọng với sự đa dạng tổ thành thú lớn do đó đây là khu vực được ưu tiên nhất trong công tác bảo tồn.

Hiện tại săn bắn là mối đe dọa lớn nhất đến đa dạng sinh học ở Phong Nha – Kẻ Bàng. Săn bắn diễn ra khắp nơi trong VQG, mặc dù vậy phổ biến nhất vẫn là ở những vùng sinh cảnh nằm trong vòng bán kính khoảng một ngày đi bộ. Hầu hết các hoạt động săn bắn nhằm mục đích thương mại với hệ thống đường dây buôn bán động vật hoang dã được thiết lập chặt chẽ. Săn bắn các loài Linh trưởng diễn ra ở mức nguy hiểm đã dẫn đến quần thể của các loài này bị suy giảm mạnh.

Ngoài ra, bẫy treo được sử dụng phổ biến do có hiệu quả cao đối với các loài động vật và các loài chim kiếm ăn trên mặt đất. Một số loài thú lớn có thể đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng trong vùng do săn bắn quá mức. Phong Nha – Kẻ Bàng hiện không có ý nghĩa đối với bảo tồn Hổ (*Panthera tigris*), Voi (*Elephas maximus*) và các loài Bò hoang dã (Timmins et al. 1999).

Lực lượng Ban quản lý VQG hiện không đủ mạnh để có thể thực thi hiệu quả

các quy định và pháp luật về quản lý bảo vệ VQG. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến các hoạt động khai thác diễn ra phổ biến trong khu bảo tồn. Buôn bán gỗ trái phép được tổ chức thành các mạng lưới, điều này giải thích tại sao trung bình mỗi ngày có đến hàng trăm mét khối gỗ được khai thác trong vùng.

Hoạt động khai thác gỗ tập trung vào một số loài có giá trị thương mại như Mun (*Diospyros* spp), Gáng Hương (*Pterocarpus macrocarpus*). Thông tin từ những người đi chặt gỗ cho thấy loài này đang ngày một khan hiếm, chỉ gặp chúng trong rừng sâu địa hình hiểm trở (J. Hardcastle pé. comm).

Tỷ lệ mất rừng ở Phong Nha – Kẻ Bàng hiện tại ở mức thấp so với một số vùng khác trong khu vực, và diện tích rừng bị mất được giới hạn ở những nơi dễ tiếp cận thuộc vùng ngoại vi của VQG (Timmins et al. 1999).

Tuy nhiên, trong tương lai việc phát triển cơ sở hạ tầng sẽ dẫn đến tỷ lệ mất rừng và sinh cảnh bị tác động trong vùng sẽ càng cao. Hai tuyến đường đã được quy hoạch sẽ chạy sát hoặc cắt ngang VQG. Một trong những tuyến đường trên sẽ gây nên sự tác động đến vùng cư trú của loài Voọc Hà Tĩnh (J. Hardcastle. 2000).

Phát triển du lịch sinh thái cũng là mối đe dọa đến đa dạng sinh học của khu bảo tồn. Công ty du lịch Quảng Bình đang nỗ lực tăng cường khai thác các giá trị tự nhiên của Phong Nha – Kẻ Bàng và số lượng du khách đến thăm ngày một tăng. Các nghiên cứu về du lịch sinh thái của dự án WWF LINC cho thấy bộc lộ những rủi ro tiềm năng của việc phát triển du lịch sinh thái không được kiểm soát của việc mở các tuyến phục vụ cho du lịch và đã ngoại vào rừng. VQG Phong Nha - Kẻ Bàng nằm cạnh Vùng Bảo tồn Đa dạng Sinh học Quốc gia Hin Namno của Lào và được nối với khu này bởi vùng núi đá vôi Kẻ Bàng tại huyện Minh Hóa. Cả ba vùng trên có sinh cảnh núi đá vôi tương tự nhau và việc bảo tồn đa dạng sinh học ở ba vùng trên có liên quan chặt chẽ với nhau. Hợp tác bảo tồn liên quốc gia là một ưu tiên cao cho vùng, chẳng hạn tài nguyên rừng của nước này có thể bị khai thác bởi công dân của nước khác. Kế hoạch giai đoạn đầu hướng tới sự hợp tác trên đã được xây dựng bởi dự án WWK LINC. Trong khuôn khổ của kế hoạch dự án, một cuộc họp giữa lãnh đạo các tỉnh có liên quan và giám đốc các khu bảo vệ của hai nước đã được tổ chức trong năm 1998.

Cảnh quan vùng núi đá vôi Phong Nha – Kẻ Bàng hùng vĩ ngoạn mục với hệ thống hang động dài rộng tạo cho khu vực này trở thành một vùng có đặc điểm địa chất nổi bật nhất Việt Nam. Trung tâm của vùng là Động Phong Nha, có dòng sông ngầm chảy qua. Cửa động rộng tới 30m và cao tới 18m, chiều dài của động có thể lên tới 1,5 km (Limber et al 1990). Ngoài ra Động Phong Nha, và 16 hang khác trong khu vực cũng đã được khảo sát với tổng chiều dài lên tới trên 60km (Nguyễn Ngọc Chính et al.eds.1998).

Với việc đầu tư nâng cấp đường và những thuận lợi khác cho hoạt động du lịch, hệ thống hang động Phong Nha đang là điểm thu hút khách du lịch ngày một tăng. Hiện tại ước tính trung bình có 700 khách du lịch đến thăm Động Phong Nha mỗi ngày. Diện tích lớn VQG đã được đánh dấu quy hoạch cho phát triển du lịch trong tương lai có thể mang lại những tác động tiêu cực đến hệ sinh thái rừng trên núi đá vôi. Tuy vậy, có thể thấy rõ rằng tiềm năng cho sự phát triển thành công du lịch sinh thái đã mang lại lợi ích nhiều mặt cho VQG và người dân địa phương (J. Hardcastle per.comm).

Khu vực Phong Nha - Kẻ Bàng là nơi sinh sống của cộng đồng người Rục và người Arem là các nhánh của dân tộc thiểu số Chứt. Cho đến những năm gần đây, cộng đồng dân tộc này vẫn sinh sống trong hang động và có cuộc sống hoang sơ. Hiện nay họ đã định cư thành các làng bản. Có rất ít thông tin, hiểu biết về tập tục sinh sống của những người dân này.

3.1.2 Các điểm du lịch và tính hấp dẫn của nó

3.1.2.1 Động Phong Nha

Giấu mình trong núi đá vôi được che chở bởi những cánh rừng nhiệt đới, Phong Nha giờ đây đã trở nên nổi tiếng bởi sự hào phóng của tạo hóa đã ban tặng cho vùng đất này một hệ thống hang động thật lộng lẫy với con sông ngầm được xác định là dài nhất thế giới.

Động nằm ở vùng đá vôi Kẻ Bàng, cách thị xã Đồng Hới 50km về phía Tây Bắc. Từ Đồng Hới, đi ô tô đến xã Sơn Trạch, sau đó đi thuyền trên sông Sơn, khoảng 30 phút thì đến động. Chỉ cách đây vài năm, đây còn là một con đường đất đỏ, mưa thì

lầy lội, nắng thì bụi bặm. Nơi mà một thời bom đạn chiến tranh đã không chừa một tác đất, một nhánh cây, một ngọn cỏ. Nhưng giờ đây chính con đường này đã thổi một luồng sinh khí mới cho bộ mặt của cả vùng núi hoang sơ này.

Nếu như đấng tạo hóa đã tạo ra con người thì hình như chính tạo hóa lại chờ che cho chúng. Trải qua bao cuộc chiến, Động Phong Nha vẫn còn đó, nguyên sơ như hàng triệu năm về trước.

Những làng quê yên bình nằm xen kẽ giữa những lùm tre thấp thoáng mái nhà nâu đỏ bên hữu ngạn sông Son. Những O thôn nữ đứng gọi đò bên bến nước, những chiếc thuyền đưa khách ngược xuôi, chào hỏi nhau bằng ngôn ngữ của nhiều vùng làm sống động cả bên sông. Thuyền cập bến cũng là lúc du khách bắt đầu cuộc hành trình khám phá một mê hồn cung giữa chốn đời thường.

Động Phong Nha có rất nhiều nhánh với chiều dài lên đến khoảng trên 20km, nhưng hiện nay người ta mới khám phá nhánh dài nhất là một phần của con sông ngầm có tên là Nậm Aki mà sông Son là phần lộ ra mặt đất, nó chui ngầm dưới đất ở vùng núi Pu-Pha-Đam cách đó hơn 20 km về phía Nam. Trước cửa động, cảnh núi non sông nước càng thêm quyến rũ, thiên nhiên hùng vĩ với vô vàn hình ảnh kỳ thú hiện ra như kêu gọi trí tưởng tượng của con người. Người ta đã khéo đặt tên cho cảnh đẹp nơi đây là Động Phong Nha (Động Răng Gió).

Tương truyền hơn một trăm năm về trước, vua Hàm Nghi đã ẩn mình ở đây cùng một số cận thần ra chiếu Cần Vương kêu gọi chống Pháp. Cũng trong thời kỳ chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, một đơn vị của Binh đoàn Trường Sơn 559 đã đóng quân ở trong động để làm nhiệm vụ vận tải, thông đường.

Vào mùa nước lớn, nước sông Son dâng cao che khuất cửa hang, thuyền du lịch không vào đây được. Cửa động rộng khoảng 30m, cao 18m, có nhũ đá lô nhô. Bơi thuyền qua cửa hang, động rộng như một cái bát úp trên mặt nước. Nước sông trong veo và phẳng lặng như mặt gương, càng vào sâu ánh sáng càng nhạt dần rồi mất hẳn. Xen lẫn với tiếng mái chèo như có tiếng chiêng “bi...tùng...bi” vẳng lên, người bản địa cho rằng đó là âm nhạc trong tiệc rượu của Thần Núi vọng ra... tất cả hợp thành tiếng nhạc, lúc âm u như tiếng chiêng, lúc bập bùng như tiếng trống. Động chính của

động Phong Nha gồm 14 buồng nối liền bởi một hành lang nước dài đến 1.500m. Từ buồng thứ 14 ta có thể theo những hành lang hẹp khác đi vào sâu hơn nữa đến những buồng cũng to rộng không kém nhưng có phần nguy hiểm hơn, nơi mà quá trình phong hóa đá vôi vẫn còn tiếp tục. Thuyền ngược dòng độ 800 m thì đến chỗ cạn gọi là Hang nước cạn: nước biến đi nhường chỗ cho đá cát. Nhũ đá từ trên rủ xuống, măng đá từ dưới nhô lên tua tủa như cây rừng với những hình dáng kỳ lạ kích thích trí tưởng tượng.

Phong Nha không giống như những điểm du lịch khác ở Việt Nam, động nằm trong khu rừng nguyên sinh Kẻ Bàng dường như còn nguyên sơ và tinh khôi. Trong con mắt của các vị khách du lịch, những cư dân nơi đây mang một phong cách rất riêng. Họ cư xử thân thiện và tình cảm mang tính cách của người nông dân thuần khiết hơn là nhìn nhận du khách như là một cơ hội để tìm kiếm một nguồn tài chính. Điều này càng làm cho Phong Nha thêm hấp dẫn khách du lịch.

Tháng 4 – 1997, một hội thảo khoa học về di tích danh thắng Phong Nha – Xuân Sơn được tổ chức tại Quảng Bình. Kết quả nghiên cứu khảo sát cho biết Phong Nha có 7 cái nhất:

1. Hang nước dài nhất
2. Cửa hang cao và rộng nhất
3. Bãi cát và đá rộng đẹp nhất
4. Hồ ngầm đẹp nhất
5. Thạch nhũ trắng lệt và kỳ ảo nhất
6. Dòng sông ngầm dài nhất (13.969m)
7. Hang khô rộng và đẹp nhất.

3.1.2.2 Động Tiên Sơn

Trong Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng nổi tiếng này, ngoài động nước Phong Nha tuyệt đẹp, được mệnh danh là Phong Nha đệ nhất kỳ quan hay Phong Nha đệ nhất thắng cảnh, còn có động khô Tiên Sơn nằm lưng chừng núi, chéch về phía Tây trên trần động Phong Nha, được mệnh danh là Tiên Sơn chốn bồng lai tiên cảnh hay Tiên Sơn chốn tiên cung.

Động Tiên sơn hay động khô là một động đẹp nổi tiếng ở khu vực Phong Nha – Kẻ Bàng. Cửa vào động Tiên Sơn nằm cách cửa động Phong Nha khoảng 1.000 m, ở độ cao so với mực nước biển khoảng 200 m. Động Tiên Sơn có chiều dài 980 m. Từ cửa động đi vào khoảng 400 m có một vực sâu chừng 10 m, và sau đó là động đá ngầm tiếp tục dài gần 500 m, khá nguy hiểm nên du khách chưa được phép đến khu vực này mà chỉ tham quan tới khoảng cách 400 m tính từ cửa động. Động này được phát hiện năm 1935, ban đầu, cư dân địa phương gọi động này là động Tiên do vẻ đẹp kỳ bí thần tiên của nó. Sau này động Tiên Sơn được gọi là động Khô để phân biệt với động Phong Nha là động nước. Động Tiên Sơn là nơi có cảnh thạch nhũ và măng đá kỳ vĩ huyền ảo như trong động Phong Nha nhưng lại có nét riêng là các âm thanh phát ra từ phiến đá và cột đá khi được gõ vào vang vọng như tiếng cồng chiêng và tiếng trống. Theo các nhà khoa học thuộc Hội hang động Hoàng gia Anh, động Tiên Sơn được hình thành cách đây hàng chục triệu năm, khi một dòng nước chảy qua quả núi đá vôi đục rỗng, bào mòn núi đá vôi Kẻ Bàng. Sau đó, do kiến tạo địa chất khối núi này hoặc đã được nâng lên, hoặc đã bị hạ xuống khiến các khối đá đổ sụp ngăn chặn dòng chảy làm nên động Tiên Sơn ở phía trên. Còn có phần sông ngầm chảy qua tạo ra hang động Phong Nha. Dù động Phong Nha và động Tiên Sơn nằm liền kề nhau nhưng giữa hang động này lại không thông nhau. Cư dân địa phương đã nhặt được một số hiện vật có thể là di chỉ của người xưa ở trên bãi đất bằng phẳng trước cửa.

Gọi Tiên Sơn là động khô vì nó không ăn thông với Phong Nha, mà treo ở độ cao 200 mét trên trần động Phong Nha. Động Tiên Sơn là cặp song sinh với động Phong Nha, cũng là tuyệt tác của thạch nhũ. Nếu Phong Nha đẹp như thủy cung của vua Thủy Tề thì Tiên Sơn đẹp như tiên giới của Ngọc Hoàng thượng đế và động Tiên Sơn này đã gắn liền với một truyền thuyết mà không phải mấy ai cũng biết đến.

Đó là câu chuyện về tình yêu giữa người con trai dũng cảm của trần gian với nàng tiên giữ thanh bảo kiếm của nhà Trời. Chàng trai đã một phen liều mình vượt núi cao vực thẳm đi tìm các tiên nữ để mượn bảo kiếm về trừ diệt loài thủy quái đang làm hại dân lành. Thờ lúc các nàng tiên bỏ xiêm y trên bờ để xuống suối tắm, chàng lén lấy được bảo kiếm, nhờ đó diệt được yêu quái trừ hại cho dân. Khi trở lại nơi ở của

các tiên nữ để trả kiếm thiêng, thấy tiên nữ nọ ngồi khóc mà không dám bay về Trời vì tội để mất kiếm, chàng trai đã thổ lộ hết sự tình. Nghe xong, nàng tiên cảm phục mà đem lòng yêu chàng, thạch động này từ đó trở thành nơi hò hẹn của hai người. Thiên đình biết chuyện, bèn triệu tiên nữ về Trời để trừng phạt. Từ khi về Trời tiên nữ ngày đêm u buồn sâu thẳm vì nhớ chàng trai, còn chàng trai cũng đêm ngày khắc khoải mong gặp tiên nữ. tình cảm của họ đã làm động lòng Trời, Ngọc Hoàng bèn sai các vị tiên tạo ra cho thạch động nơi đây có vẻ đẹp giống như thiên đình và cho phép tiên nữ xuống trần kết duyên với chàng trai, mang theo cả bảo kiếm để hai người chăm lo cuộc sống muôn dân. Cho nên nói Tiên Sơn đẹp như tiên giới là vậy.

Phong Nha và Tiên Sơn là một cặp động song sinh, một chĩnh thể thống nhất của tạo hóa ban tặng. Chính vì sự kỳ vĩ của Tiên Sơn lại làm cho du khách ngỡ ngàng bối rối bởi không biết so sánh động nào đẹp hơn.

3.1.2.3 Dòng sông Sơn

Tại trung tâm đón tiếp khách du lịch của di tích Phong Nha – Kẻ Bàng, du khách xuống thuyền máy đi theo sông Sơn vào động Phong Nha. Sông Sơn rộng khoảng 35 – 40 mét, nước xanh ngắt trong thấu đáy, nhìn rõ cả những đàn cá đang bơi. Nước thì xanh như màu xanh đồng, nhưng lại gọi là sông Sơn vì vào mùa mưa, nước bào mòn đất đá ở các triền núi đổ xuống làm cho nước sông đỏ như màu gạch son. Sông Sơn chảy từ động Phong Nha và nối vào sông Gianh.

Dòng sông Sơn thơ mộng uốn lượn quanh những dãy núi đá vôi Kẻ Bàng làm tô điểm thêm nét độc đáo mỗi khi du khách đến thăm Di sản Động Phong Nha và sông Sơn gắn với bao huyền thoại nhưng huyền thoại về sự chung thủy trong tình yêu luôn để lại nhiều kỷ niệm trong lòng du khách.

Thửa ấy ở vùng rừng núi trùng điệp này có một ông lão làm nghề săn bắn chỉ sinh được một cô con gái. Vừa độ trăng tròn cô đã là một tuyệt sắc giai nhân và có tài thổi sáo. Mỗi khi tiếng sáo cất lên khiến vạn vật như im lặng để lắng nghe. Có rất nhiều chàng trai tuấn tú tài hoa giàu có đến hỏi cưới nàng nhưng đều bị nàng từ chối vì nàng đã có chồng sắp cưới. Đó là con trai của Ngọc Hoàng.

Chuyện kể rằng vào một đêm hè cô gái ngồi thổi sáo ở trên một mô đá nhô ra

giữa con suối bỗng nhiên có ngôi sao băng rạch một đường sáng xuất hiện một chàng trai tuấn tú dũng mãnh cưới con tuấn mã kiêu hùng. Chàng trai ngỏ lời cầu hôn và cô gái đã đồng ý. Hai người đang dạo chơi thì phụ mẫu chàng trai gọi về Ngọc Điện. Trước khi ra về chàng trai trao cho cô một chiếc nhẫn và nói nếu có chuyện nguy cấp đe dọa đến tính mạng thì hãy nhìn vào mặt nhẫn gọi lên ba tiếng “Về với em” thì chàng trai sẽ đến cứu nàng.

Trong thời gian chàng trai về Ngọc Điện thì cô gái ở nhà đã bị một tên lãnh chúa sau nhiều lần cầu hôn không được đã bắt cóc cô về làm vợ. Hắn giam cô ở tầng cao nhất trong tòa lâu đài của hắn và xin cô trao tình yêu nhưng cô không cho vì cô đã có chồng sắp cưới. Trong tình thế nguy nan cô nhớ ra chiếc nhẫn thì không tìm thấy đâu để giữ trọn tình yêu chung thủy với chồng sắp cưới cô đã không tiếc thân mình nhào mình ra cửa sổ, bay như con thiên nga xuống lòng hồ. Ngay lập tức tòa lâu đài đã bị nhấn chìm, sức nước đột phá bờ hồ thành một dòng chảy thông ra biển. Dòng nước chảy đến đâu thì ở đó ít lâu sau mọc lên những làng quê trù phú.

Có một vị đạo sĩ trên đường đi tìm thuốc “Trường sinh bất lão” đã dừng lại nơi này một thời gian vì mến cảnh sinh tình. Nghe được câu chuyện này vì cảm động trước tấm lòng “Son sắt thủy chung” của cô gái với người mình yêu nên vị đạo sĩ bèn đặt tên cho dòng sông này là sông Son.

Nhưng có một câu chuyện ly kỳ khác, có lẽ ra đời từ thời khai thiên lập địa, cũng giải thích về tên của dòng sông Son. Chuyện kể ngày xưa, có vị tiên sư đại pháp người Trời thường xuống du ngoạn cảnh hạ giới thấy yêu mến nơi này bèn ở lại rồi dạy dân cách làm ăn. Một năm kia xảy ra đại hạn, muôn vật khô héo; để cứu dân, vị tiên sư đại pháp lên về trời khơi trộm nguồn nước từ thiên cung chảy xuống nơi là dòng sông Son bây giờ. Dòng nước tươi mát cỏ cây, cứu sống muôn loài nhưng vị đại sư bị triệu về Trời chịu hình phạt. Dân làng cảm kích tấm lòng son của vị đại sư nên đặt tên cho sông này là sông Son.

3.1.2.4 Bến phà Xuân Sơn

Khách thập phương đến tham quan Di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha – Kẻ Bàng ở Quảng Bình, ai cũng trầm trồ thán phục phong cảnh non xanh nước biếc và

hang động kỳ vĩ của xứ sở đẹp tựa thần tiên.

Ngồi trên du thuyền vào cửa động, nhìn về bờ Nam sông Sơn, nếu để ý thì sẽ thấy một bến phà cũ, tuy cây cối rậm rạp nhưng vẫn trông rõ dòng chữ khắc trên vách đá: “Bến phà Nguyễn Văn Trỗi”. Đây chính là bến B của phà Xuân Sơn, được vinh dự mang tên người anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi, cũng là nơi đã in dấu giày của hàng vạn chiến sĩ vào Nam ra Bắc thời đánh Mỹ.

Gần vị trí cầu Xuân Sơn trên đường Hồ Chí Minh hiện nay là bến phà Xuân Sơn, Một địa danh bị đánh phá ác liệt được ví như “túi bom” của vùng chảo lửa. Năm 1966, do yêu cầu chi viện cho chiến trường miền Nam, cùng với việc mở đường 20 Quyết Thắng nối Đông – Tây Trường Sơn, phà Xuân Sơn trọng tải 18 tấn do ty Giao thông Quảng Bình phụ trách.

Đến tháng 12-1966 thì đại đội 16 của Binh trạm 14 thuộc Đoàn 559 đảm nhiệm bến phà này. Đại đội có 125 người, lực lượng chủ yếu là bộ đội công binh và thanh niên xung phong, phương tiện gồm ca nô và cầu phao, chủ yếu hoạt động từ 7 giờ tối hôm trước đến 4 giờ sáng hôm sau. Ban ngày tránh máy bay địch, tháo dỡ phà cho ca nô kéo máy vào trú ẩn trong động Phong Nha. Vũ khí đạn dược có khi cũng tập kết cất giữ luôn trong đó.

Nhận thấy phà Xuân Sơn trên quốc lộ 1A có vị trí chiến lược quan trọng, giặc Mỹ đã tập trung đánh phá rất ác liệt cả ngày lẫn đêm nhằm nung chảy cái yết hầu của vùng “cán xoong”, hòng cắt đứt mạch máu giao thông của ta. Bao đồng đội đã hy sinh, bao chuyến hàng đã bị cháy nhưng ý chí của cán bộ, chiến sĩ Đại đội 16 vẫn vững vàng. Năm 1967, Binh trạm quyết định mở thêm bến phà B mang tên Nguyễn Văn Trỗi, nhằm noi theo tấm gương anh hùng bất khuất trước kẻ thù của anh. Đảng ủy, Chi bộ lựa chọn những người ưu tú, gan dạ và dũng cảm, dám hy sinh để trực tiếp và chiến đấu trên bến phà này. Bến phà B cách bến phà A chừng 4km về phía thượng.

Không quân Mỹ tìm mọi cách để ném bom hủy diệt bến phà A và B. Riêng tại bến phà Nguyễn Văn Trỗi, ngoài bom tấn bom tạ chúng còn thả nhiều thủy lô cùng các loại bom nổ chậm tinh vi và nguy hiểm khác. Đơn vị thành lập “Đội cảm tử” thường xuyên rà phá bom nổ chậm để thông phà, thông xe. Không ít đồng chí đã anh

dũng hy sinh trên khúc sông này, máu của các chiến sĩ Đại đội 16 hòa vào dòng sông Son đỏ thắm.

Du khách đã vào tham quan “Phong Nha đệ nhất động” một lần hoặc nhiều lần, được thưởng ngoạn bao kỳ quan do thiên nhiên ban tặng, xin hãy một lần dừng chân ngắm bến phà B. Đây chính là kỳ quan được tạc bằng trí thông minh, óc sáng tạo, lòng dũng cảm của chiến sĩ và bằng sương máu của biết bao đồng đội đã ngã xuống vì huyết mạch giao thông, vì miền Nam ruột thịt. 40 năm đã trôi qua, cảnh vật còn đó, bến phà còn đây, dòng sông Son bình dị vẫn đọng đầy bao kỷ niệm khó quên. Không những Di sản thiên nhiên thế giới, Phong Nha còn chứa đựng trong đó bao huyền thoại lịch sử mà ta chưa khám phá hết.

3.2.1.5 Thung lũng sinh tồn

Thung lũng Sinh Tồn thuộc địa phận Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng tỉnh Quảng Bình, cách động Phong Nha 15km về hướng tây nam là một thung lũng khá bằng phẳng, mọc đầy cỏ tranh và tre nứa, nơi đa dạng về sinh học và sinh thái nhân văn.

Thung lũng Sinh Tồn có tên địa phương là thung Tre bởi ở đây mọc rất nhiều tre, nứa. Thung lũng được bao quanh bởi hệ thống núi đá vôi hùng vĩ. Với diện tích chỉ 2000 ha, nhưng nơi đây hội tụ nhiều dạng địa hình, từ núi đá vôi, địa hình phi karst (karst là hiện tượng phong hóa đặc trưng của những miền núi đá vôi bị nước chảy xói mòn), đất bằng, hang động đến suối ngầm, rừng nguyên sinh. Đây là nơi có địa chất, địa mạo và hệ động, thực vật được thiên nhiên bảo tồn một cách hoàn hảo. Với những giá trị to lớn như vậy, thung lũng Sinh Tồn thực sự trở thành Bảo tàng sống của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Đến với thung lũng Sinh Tồn, du khách được khám phá vương quốc của các loài chim. Rất nhiều loài chim quý hiếm có tên trong sách Đỏ của Việt Nam và thế giới như gà lôi lam, niệc hung, hồng hoàng... Ngoài ra, thung lũng này còn có nhiều loài thực vật quý hiếm như quần thể cây dầu rái đã được Trung tâm nghiên cứu khoa học

và Cứu hộ Phong Nha - Kẻ Bàng phát hiện vào năm 2008; các loài nấm đặc biệt là nấm mối - một loại thức ăn rất ngon và bổ dưỡng.

Với tiềm năng đa dạng sinh học và cảnh quan môi trường trong lành, thung lũng Sinh Tồn thích hợp để khai thác và phát triển loại hình du lịch sinh thái, khám phá thiên nhiên kết hợp với nghỉ dưỡng.

3.1.2.6 Khu tái hòa nhập Linh trưởng

Phong Nha-Kẻ Bàng là nơi có cộng đồng linh trưởng phong phú bậc nhất Đông Nam Á

Khu này có diện tích 20 ha được bao bọc bởi hàng rào bằng lưới là nơi nuôi giữ linh trưởng trong môi trường bán hoang dã có rừng nguyên sinh.

Khu nuôi thả linh trưởng là khu sinh thái, nghiên cứu khoa học, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho nhân dân trong việc bảo vệ động vật quý hiếm.

3.1.2.7 Hang Tám cô

Hang Tám cô nằm ở Km 16+500 trên đường 20 - Quyết Thắng, Quảng Bình. Nơi đây ngày 14/11/1972 bom B52 của gạc Mỹ đã giải thảm nhằm phá vỡ tuyến giao thông huyết mạch chi viện cho miền Nam. 13 chiến sĩ có 5 là bộ đội và 8 Thanh niên xung phong (trong đó có 4 nữ) đóng chốt giữ vững tuyến đường trên, ẩn nấp trong một hang gần đó. Bom nổ rung chuyển đất trời. Một tảng đá lớn như trái núi nhỏ lấp cửa hang. Đồng đội của các chiến sĩ đã tìm mọi cách phá đá, cứu người nhưng không có kết quả. Các chiến sĩ đã hy sinh. Để ghi nhớ sự hy sinh anh dũng đó, nhân dân gọi đó là hang Tám cô. Hiện nay ở đây đã có bia tưởng niệm.

3.1.2.8 Suối nước Mọc

Các cột nước mọc lên từ sâu trong lòng đất khiến suối nước này được người dân địa phương gọi là "Nước Mọc". Hàng chục dòng suối nhỏ trong vắt đan hòa vào

nhau giữa khu rừng nguyên sinh xanh mát của Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng vẽ nên cảnh quan tuyệt thú.

Bảy cây cầu gỗ bắc ngang qua các dòng suối do Tổ chức Hợp tác kỹ thuật Đức (GTZ) xây dựng vào giữa năm 2008. Từ đó khu vực suối Nước Moọc đã trở thành điểm du lịch sinh thái dài gần 2km.

3.1.3 Các loại hình du lịch

VQG Phong Nha – Kẻ Bàng với đặc thù là khu bảo tồn thiên nhiên do vậy tại vườn có thể phát triển các loại hình du lịch sau:

- + Du lịch tham quan, khám phá hang động bằng xuồng.
- + Du lịch sinh thái, khám phá hệ động thực vật.
- + Du lịch leo núi mạo hiểm.
- + Du lịch tìm hiểu văn hóa lịch sử.
- + Du lịch tham gia vào các hoạt động vui chơi giải trí, cắm trại.

3.1.4 Các tour du lịch

Việc hình thành các điểm du lịch là điều kiện để hình thành các tour du lịch. Hiện nay tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng đã hình thành các tour du lịch:

Đường tới Phong Nha – Kẻ Bàng:

Đường bộ : Từ Hà Nội chạy dọc Quốc lộ 1A về phía Nam, từ thị trấn Hoàn Lão đi thẳng theo hướng Tây 30 km.

Tàu hỏa : Rời ga Đồng Hới và đi khoảng 45 km theo đường Hồ Chí Minh

Các tour du lịch :

1. Tour tham quan hang động :

Thời gian từ 3 -4 giờ

Lộ trình : Từ trung tâm du lịch Văn hoá và sinh thái ở Phong Nha đi thuyền ngược dòng sông Sơn tới động Phong Nha và động Tiên Sơn, tận hưởng cảnh quan núi đá vôi ngoạn mục và hệ thống sông ngầm dài nhất thế giới.

Phương tiện : thuyền

2. Tour du lịch sinh thái – lịch sử

Thời gian : 5 – 6 giờ, 60 km

Lộ trình : Bắt đầu từ trung tâm du lịch Văn hóa và Sinh thái, thăm bên phà Xuân Sơn, lái xe dọc đường 20 Quyết Thắng, dừng chân ở khu tái hòa nhập Linh trưởng. Tận hưởng cảnh quan thiên nhiên tuyệt đẹp Thác Gió, thăm khu tưởng niệm Tám Thanh Niên Xung phong. Tiếp tục hành trình tới suối nước Moọc.

Phương tiện : Xe ô tô hoặc xe máy.

Tour du lịch mạo hiểm

Thời gian : 1 ngày; phương tiện : xe đạp địa hình + đi bộ

Lộ trình: Tuyến đường 20 - cây gừa đường kính 5m - thung lũng Sinh Tồn là tuyến chinh phục dãy núi đá cao trên 300m, với địa hình hiểm trở phát triển trên núi đá vôi và xuyên rừng rậm hoang dã. Những vách núi đá vôi ở đây có độ dốc trên 45 độ. Muốn vượt qua vách núi cheo leo hiểm trở này, du khách phải chịu được áp lực của độ cao trên sườn núi đá vôi sắc nhọn. Lên tới đỉnh sẽ tiếp cận bề mặt đỉnh với những cánh rừng nhiệt đới hoang sơ rậm rạp. Ngay trên đỉnh núi có một cây gừa gốc đường kính tới 12 người ôm mới xuể (to 5m).

Sau khi ngắm rừng núi thỏa thích từ độ cao trên 300m, khách du lịch sẽ đi xuyên rừng hơn 4km để khám phá vẻ đẹp hoang sơ và tiếp tục thử thách mình trên địa hình núi đá vôi hiểm trở, sắc nhọn và những vách đá cheo leo. Qua hết đoạn đường núi đá sẽ tới thung lũng Sinh Tồn.

4. Tour du lịch nghỉ tại nhà dân

Thời gian: 1 -3 ngày trong ngôi làng nhỏ, thuộc vùng đệm của Vườn quốc gia. Trải nghiệm cuộc sống hàng ngày của những người dân bằng cách sống trong ngôi nhà của họ làm việc với họ trong vườn, ngoài đồng và vui chơi với những đứa trẻ hiếu kỳ. Đây thực sự là một trải nghiệm âm áp tình người.

3.1.5 Tổ chức quản lý du lịch của VQG Phong Nha – Kẻ Bàng

Ngày 28 tháng 11 năm 2003 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ra Quyết định số 65/2003/QĐ-UB về việc tổ chức lại bộ máy Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

Ban quản lý Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng có chức năng và nhiệm vụ trọng tâm sau :

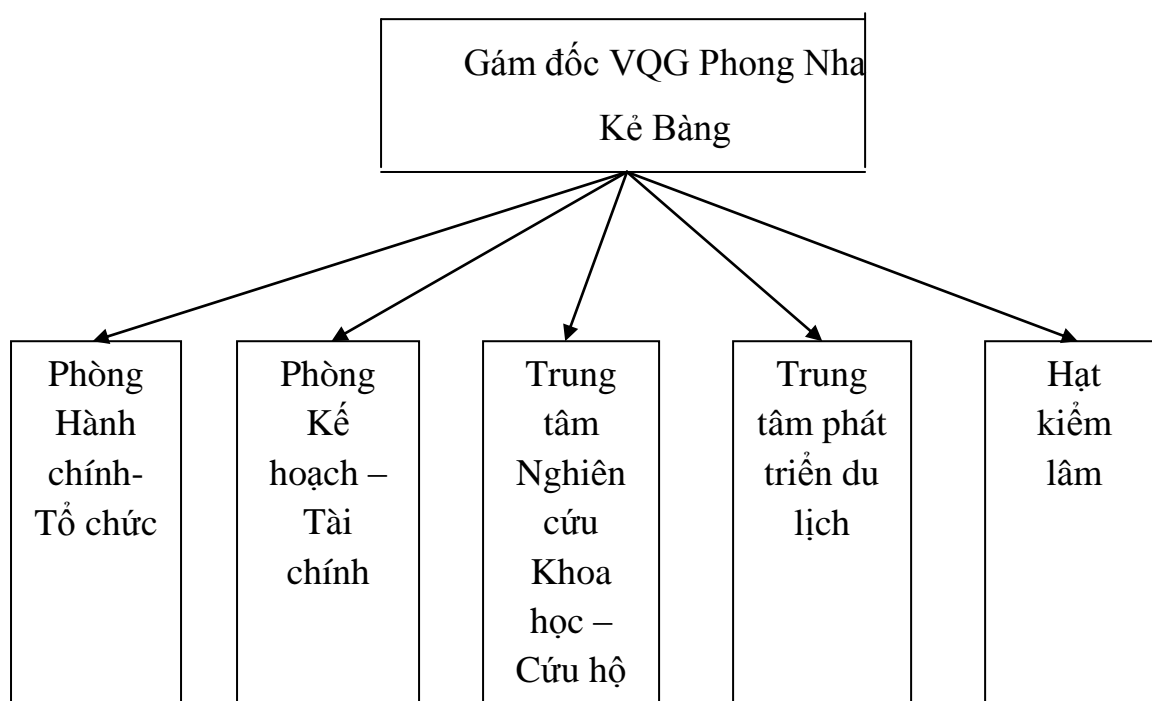
- Quản lý, bảo vệ, xây dựng và khai thác khu Vườn quốc gia theo Luật Di sản văn hóa và theo "Quy chế quản lý rừng" được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006.

- Tổ chức bán vé, thu phí trong khu vực Vườn; quản lý và sử dụng phí theo quy định của Trung ương và của tỉnh.

- Tổ chức hướng dẫn các hoạt động du lịch văn hóa, sinh thái; các hoạt động bảo tồn môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học và cảnh quan.

- Quản lý tài sản, tài chính và cán bộ, viên chức theo phân cấp của UBND tỉnh.

Sơ đồ cơ cấu tổ chức Ban quản lý VQG Phong Nha – Kẻ Bàng



1. Phòng hành chính - Tổ chức

Tham mưu công tác tổ chức, cán bộ, lao động tiền lương, hành chính, quản trị, tổng hợp.

2. Phòng kế hoạch – Tài chính

Tham mưu xây dựng kế hoạch hoạt động của Vườn quốc gia, thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản.

3. Trung tâm nghiên cứu Khoa học và Cứu hộ

Chức năng: Nghiên cứu khoa học – kỹ thuật; Cứu hộ động, thực vật hoang dã; Giáo dục môi trường.

Nhiệm vụ: Lập đề án nghiên cứu khoa học hàng năm và dài hạn về đa dạng sinh học, kinh tế xã hội, địa chất, du lịch sinh thái... trình Giám đốc VQG và các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Theo dõi đánh giá tình hình diễn biến tài nguyên rừng, kinh tế xã hội vùng đệm và các tác động lên VQG; đề xuất các giải pháp thích hợp cho việc quản lý bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên trình Giám đốc VQG

- Nghiên cứu, xây dựng quy trình cứu hộ và phát triển các loài động thực vật hoang dã. Lập kế hoạch tổ chức thực hiện cứu hộ các loài động thực vật được các cơ quan chức năng bàn giao.

4. Trung tâm phát triển Du lịch

Chức năng:

- Tổ chức các hoạt động dịch vụ du lịch văn hóa và sinh thái trong VQG.
- Thực hiện tư vấn, hướng dẫn và giám sát các cá nhân, tổ chức thực hiện hoạt động du lịch, kinh doanh buôn bán trong phạm vi đơn vị quản lý.

Nhiệm vụ:

- Tổ chức các hoạt động đưa, đón, hướng dẫn du khách tham quan. Thông qua các hoạt động du lịch để tuyên truyền, quảng bá các giá trị của Di sản cho du khách.

- Tổ chức bán vé, thu phí và lệ phí tham quan trong khu vực quản lý của VQG. Quản lý, sử dụng nguồn thu theo đúng các quy định quản lý tài chính của nhà nước.

- Tổ chức khai thác các dịch vụ khác để phục vụ, thu hút du khách tham quan

5. Hạt kiểm lâm

Chức năng: Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản trong phạm vi hoạt động được phân công, tham mưu, giúp Ban quản lý VQG về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Nhiệm vụ:

- Tổ chức bảo vệ tài nguyên rừng, chống chặt phá rừng; phòng cháy, chữa cháy

rừng, phòng, trừ sâu bệnh hại rừng trong VQG.

- Kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về rừng theo quy định của pháp luật.

3.2 Thực trạng hoạt động DLBV tại VQG Phong Nha - Kẻ Bàng

3.2.1 Hiện trạng khai thác tài nguyên du lịch, dịch vụ du lịch tại VQG

3.2.1.1 Hiện trạng khai thác tài nguyên du lịch

Quảng Bình được nhắc đến nhiều bởi có Di sản thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Chưa kể, tháng 4 năm 2009, đoàn thám hiểm hang động Hoàng gia Anh công bố việc phát hiện, khám phá một phần hang vòm lớn nhất thế giới được đặt tên là Sơn Đoòng ở VQG Phong Nha – Kẻ Bàng.

Theo thống kê trong 3 năm liền: 2004, 2005, 2006 sau khi được UNESCO công nhận, lượng du khách đến tham quan VQG Phong Nha – Kẻ Bàng đã gia tăng nhanh chóng. Sân bay Đồng Hới đã được xây dựng và đưa vào hoạt động từ ngày 18/5/2008 để đáp ứng nhu cầu khách du lịch, với tuyến bay nối với sân bay quốc tế Nội Bài ở Hà Nội từ ngày 01/9/2008 và sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất ở thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 01/7/2009. Việc Phong Nha – Kẻ Bàng được công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới như một cách quảng cáo tự nhiên, là một động lực cho phát triển du lịch, đặc biệt là thu hút khách du lịch quốc tế. Tỉnh Quảng Bình cũng đã cấp phép cho một số dự án du lịch lớn như: khu biệt thự nghỉ dưỡng sông Son, khu nghỉ mát Đá Nhảy, khu nghỉ mát 4 sao Sun Spa... để tăng chất lượng phục vụ khách du lịch. Phong Nha – Kẻ Bàng cùng với các Di sản thế giới khác tại miền Trung như : Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên, cũng là một tuyến điểm quan trọng trong chương trình quốc gia về du lịch mang tên Con đường Di sản miền Trung do Tổng cục Du lịch khởi xướng và phát động.

Tuy nhiên do công tác quảng bá, cung ứng dịch vụ, tiện ích cho khách du lịch đến thăm Vườn quốc gia này còn yếu kém nên khách đến tham quan Phong Nha – Kẻ Bàng bắt đầu chững lại và giảm dần, chủ yếu là khách nội địa, trong đó lượng khách đến lần thứ hai chỉ chiếm 10%.

Việc bố trí đèn chiếu sáng trong các hang động vẫn chưa được thực hiện một

cách khoa học, không làm nổi bật nét đẹp huyền ảo tự nhiên của thạch nhũ. Bên trong hang động vẫn chưa bố trí hợp lý nhà vệ sinh dành cho du khách tham quan.

Các dịch vụ khác đi kèm ở Vườn quốc gia cũng như vùng phụ cận hầu như không có, chưa có sự đầu tư lớn trong quảng bá, các hoạt động đơn điệu chủ yếu là bán vé tham quan. Trong khi theo các nhà tư vấn du lịch, rất nhiều dịch vụ khác có thể khai thác như cáp treo, trượt nước, bơi thuyền...

3.2.1.2 Hiện trạng khai thác cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

- **Hệ thống các cơ sở lưu trú**

Cơ sở hạ tầng hiện có của khu trung tâm VQG gồm 40 phòng khép kín, có thể phục vụ cho 80 – 90 khách nghỉ, một nhà hàng phục vụ cho 100 – 200 người ăn; Hội trường đào tạo phục vụ 60 – 80 người. Ngoài ra Vườn có hệ thống nhà nghỉ, khách sạn, nhà hàng của doanh nghiệp tư nhân xây dựng nhằm khai thác có hiệu quả cao trong hoạt động du lịch của địa phương. Dọc theo tuyến đường đi vào khu du lịch VQG Phong Nha – Kẻ Bàng hệ thống nhà nghỉ, khách sạn được mọc lên có quy mô lớn nhằm phục vụ cho khách du lịch hài lòng khi đến với Phong Nha – Kẻ Bàng, hệ thống sân bãi chơi thể thao, sân khấu phục vụ cho các buổi giao lưu. Quanh vùng đệm đã có một số nhà nghỉ. Tuy nhiên nhà nghỉ ở đây còn thô sơ, chất lượng phục vụ, dịch vụ chưa cao.

- **Hệ thống các nhà hàng**

Trong bất kỳ một chuyến du lịch nào thì ngoài việc để lưu trú thì ăn uống cũng là một nhân tố quan trọng không thể thiếu. Hoạt động du lịch sinh thái lại càng có yêu cầu cao trong ẩm thực, du khách muốn thưởng thức những món ăn truyền thống đậm đà hương vị thiên nhiên và văn hóa địa phương.

Do vậy mà hầu hết các cơ sở lưu trú của Vườn đều có những món ăn được chế biến từ những sản phẩm của người dân vừa làm nông nghiệp vừa làm ngư nghiệp bên sông, suối; món nộm hoa chuối rừng, măng luộc, được hái từ những trại rừng, những hoa quả đặc trưng do người dân nơi đây trồng được và những món ăn đặc trưng của vùng miền đó là món Cháo Hàu (Quảng Ninh), Cháo Canh (Ba Đồn), Bánh Đúc, Bánh Xèo (Quảng Hòa, Quảng Trạch)...Tuy nhiên số lượng nhà hàng lớn còn quá ít, các

món ăn đặc trưng của vùng miền chưa được chú ý nhiều để giới thiệu đặc sản cho du khách. Hơn nữa nhà ăn của khu trung tâm chỉ đáp ứng phục vụ cho các cuộc hội nghị, tập huấn hội họp với số lượng lớn hoặc các đoàn khách nghỉ đông. Các đoàn khách đến ít, hoặc khách báo ăn muộn đều không được phục vụ, rất ít dịch vụ ăn sáng. Nhìn chung hệ thống các nhà hàng ở VQG Phong Nha – Kẻ Bàng và quanh vùng còn rất nhỏ chưa đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

- **Các phương tiện vận chuyển**

Các phương tiện vận chuyển tham quan như: thuyền... là của người dân, qua đó khoảng 1.000 người dân khu vực Xuân Sơn đã sống bằng nghề du lịch (dịch vụ thuyền tham quan, hướng dẫn viên, nhiếp ảnh...).

Khu vực VQG Phong Nha – Kẻ Bàng hiện có 248 thuyền, tạo việc làm cho 500 cư dân địa phương, với mỗi thuyền bao gồm 2 người được huấn luyện các kỹ năng an toàn và hướng dẫn du khách và có thu nhập khoảng 70.000 đồng mỗi ngày. Giá vé vào động Phong Nha 30.000 đồng, động Tiên Sơn 20.000 đồng, vé thuê thuyền cả tuyến đi về cho đoàn từ 1 – 14 người là 150.000 đồng.

3.2.1.4 Hiện trạng khách du lịch

VQG Phong Nha – Kẻ Bàng đã được vinh dự đón nhiều đoàn khách lớn là các lãnh đạo nguyên thủ của Đảng, Nhà nước, các chuyên gia nghiên cứu địa chất địa mạo trên thế giới, qua các lần phục vụ được đánh giá khá tốt. Đặc biệt là lễ công bố các khám phá mang giá trị tầm vóc trên thế giới như khám phá các hang động đẹp chỉ có duy nhất tại Phong Nha – Kẻ Bàng và các loại động thực vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng trên thế giới xuất hiện tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng đã góp phần quảng cáo VQG Phong Nha – Kẻ Bàng là một trong những điểm tham quan chính của du lịch Quảng Bình. Bên cạnh đó thông qua các phương tiện thông tin đại chúng hình ảnh của VQG Phong Nha – Kẻ Bàng được quảng bá rất nhiều. Khách du lịch muốn đến VQG Phong Nha – Kẻ Bàng để hòa mình vào tiểu vũ trụ màu xanh, một nơi yên tĩnh.

Chính vì vậy, lượng khách du lịch hàng năm đã tăng lên khá nhanh nhất là hai năm gần đây và dự kiến trong các năm tiếp theo sẽ không giảm mà lại có xu hướng tăng đều. Hiện nay khách du lịch đến VQG Phong Nha – Kẻ Bàng đa phần là đến

tham quan thắng cảnh, các điểm du lịch đã có từ lâu. Còn các điểm du lịch mới ở dạng tiềm năng chưa được khai thác đúng mức. Các điểm du lịch ở đây chủ yếu hoạt động theo mùa vụ và tính mùa vụ ảnh hưởng nhiều đến lượng khách du lịch tham quan.

Bảng 1: Lượng khách du lịch đến VQG Phong Nha Kẻ Bàng qua một số năm

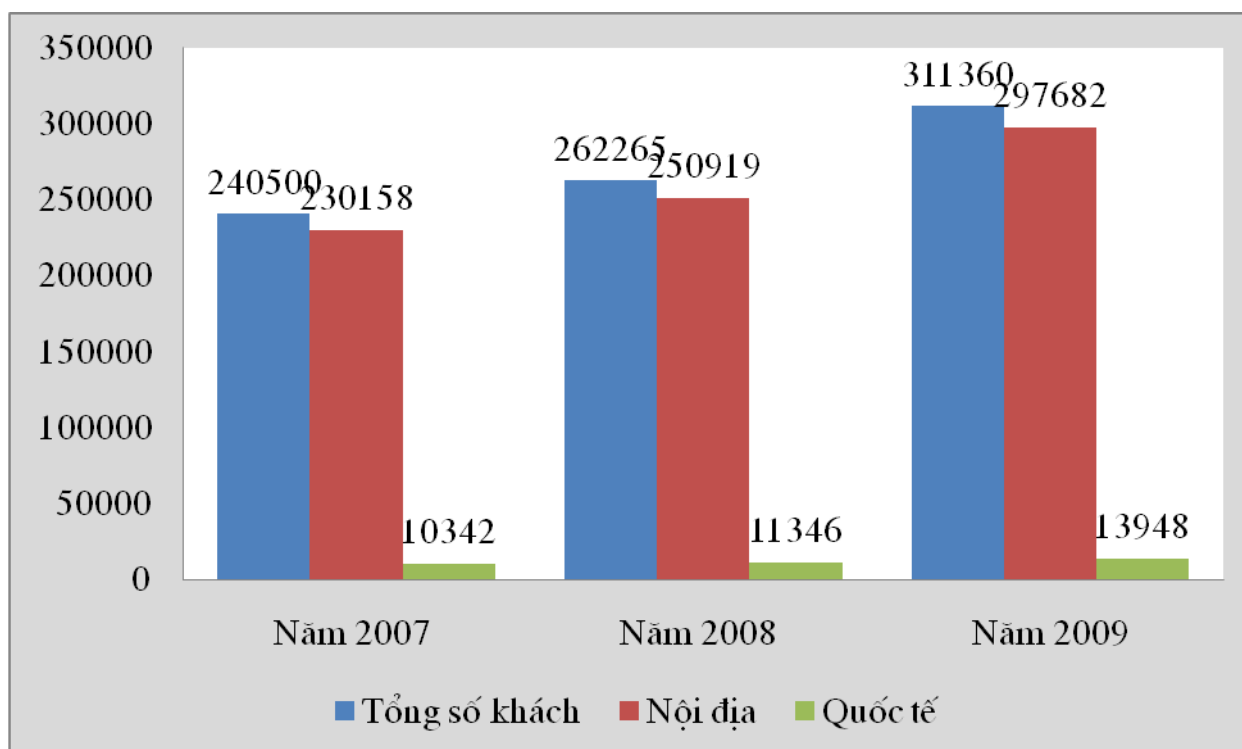
Đơn vị tính : lượt khách

Năm	2007		2008		2009	
	Số khách	% Tổng số khách	Số khách	% Tổng số khách	Số khách	% Tổng số khách
Tổng số khách	240.500	100	262.265	100	311.630	100
Nội địa	230.158	95,7	250.919	95,7	297.682	95,5
Quốc tế	10.342	4,3	11.346	4,3	13.948	4,5

(Nguồn : Số liệu thống kê của Trung tâm phát triển DL, VQG Phong Nha Kẻ Bàng)

Biểu đồ : So sánh số lượng khách đến thăm VQG Phong Nha Kẻ Bàng qua một số năm

Đơn vị : lượt khách



Đánh giá về lượng khách đến VQG Phong Nha Kẻ Bàng :

Nhìn vào biểu đồ chúng ta thấy rằng lượng khách đến với VQG Phong Nha Kẻ Bàng đều tăng qua các năm. Năm 2007 VQG đón tiếp 240.500 lượt khách trong đó khách nội địa chiếm 230.158 lượt, khách nước ngoài chiếm 10.342 lượt. Đến năm 2008 tổ chức đón tiếp 262.265 lượt khách đến tham quan tăng 9,05% so với năm 2007, trong đó khách nội địa chiếm 250.919 lượt, khách nước ngoài chiếm 11.346 lượt. Năm 2009 VQG Phong Nha – Kẻ Bàng đón tiếp được 311.630 lượt khách đến tham quan, tăng 18,9% so với năm 2008 trong đó khách nội địa chiếm 297.682 lượt, khách nước ngoài chiếm 13.948 lượt. Như vậy thì từ năm 2007 đến năm 2009 lượng khách đến với VQG Phong Nha Kẻ Bàng tăng lên 71.130 lượt khách và tương ứng là tăng 30% trong đó khách quốc tế tăng lên 3.650 lượt khách và tương ứng là tăng 35%, khách nội địa tăng lên 67.480 lượt khách và tương ứng là tăng 29%. Với kết quả này chúng ta thấy rằng khách du lịch quốc tế có tốc độ tăng nhanh hơn so với khách nội địa do khách quốc tế ngày càng quan tâm đến VQG Phong Nha – Kẻ Bàng và đến

ngày một đông hơn. Điều này góp phần làm tăng doanh thu từ hoạt động du lịch của VQG lên rất nhiều.

Thành phần khách tham quan đa dạng phong phú:

✓ Khách trong nước:

Khách du lịch là học sinh trong các trường Phổ thông, sinh viên trong các trường Đại học trong cả nước chiếm số lượng lớn khách đến Vườn. Loại khách này thường đi tập trung theo đoàn từ 30 đến 50 người. Thời gian tham quan vào dịp nghỉ hè, nghỉ lễ hoặc thời gian đi thực tế tham quan học tập của trường.

Khách du lịch chuyên đề, nghiên cứu khoa học, là những nhà khoa học nghiên cứu về các lĩnh vực trong VQG như hang động, hệ động thực vật... đi theo nhóm nhỏ khoảng từ 3 đến 10 người, đi vào thời gian bất kỳ trong năm và lưu trú lâu.

Cán bộ công nhân viên của các cơ quan, các tổ chức các ngành, các địa phương thường tổ chức đi theo đoàn đến tham quan hoặc nghỉ dưỡng.

Khách du lịch tự do thường đi từ 2 đến 10 người với phương tiện là ô tô nhỏ hoặc xe máy.

✓ Khách nước ngoài:

Khách du lịch chuyên đề: gồm các chuyên gia nghiên cứu khoa học về hang động, động thực vật, địa chất, công tác bảo tồn, công tác phát triển đời sống cộng đồng... Thời gian lưu trú có thể từ 1 tháng đến 1 năm hoặc đến vài năm.

Khách du lịch thuần túy tìm hiểu thiên nhiên, thăm hang động, tìm hiểu văn hóa địa phương... Đối tượng khách này chỉ lưu trú trong thời gian ngắn từ 1 đến 3 ngày.

Nhận xét tổng hợp 30 phiếu khảo sát do cá nhân em thực hiện về khách du lịch đến VQG Phong Nha - Kẻ Bàng ngày 27/4/2010 :

- Lứa tuổi : + <25 : 7 khách = 23,3%
+ 25 – 45 : 18 khách = 60%
+ > 45 : 5 khách = 16,7%

- Giới tính : Nam : 17 khách = 56,7% Nữ : 13 khách = 43,3%

- Quốc tịch : Việt Nam : 26 khách = 86,7%

Quốc tịch khác : 4 khách = 13,3%

- Lần đầu đến VQG Phong Nha – Kẻ Bàng : 25 khách = 83,3%

- Loại hình du lịch ưa thích :

+ Du lịch sinh thái : 22 khách = 73,3%

+ Du lịch văn hóa : 6 khách = 20%

+ Du lịch mạo hiểm : 2 khách = 6,7%

- Điểm đến ưa thích :

+ Động Phong Nha : 18 khách = 60%

+ Động Tiên Sơn : 11 khách = 36,7%

+ Nơi khác : 1 khách = 3,3%

- Đánh giá chất lượng nhà hàng, khách sạn ở VQG :

+ Rất tốt : 2 khách = 6,7%

+ Tốt : 23 khách = 76,7%

+ Trung bình : 5 khách = 16,6%

+ Kém : 0 khách = 0%

Nhìn chung du khách đến VQG Phong Nha – Kẻ Bàng đa phần là đến lần đầu, ưa thích loại hình du lịch sinh thái và hầu hết không phàn nàn gì về chất lượng phục vụ của các khách sạn, nhà hàng hay đội ngũ hướng dẫn viên ở đây.

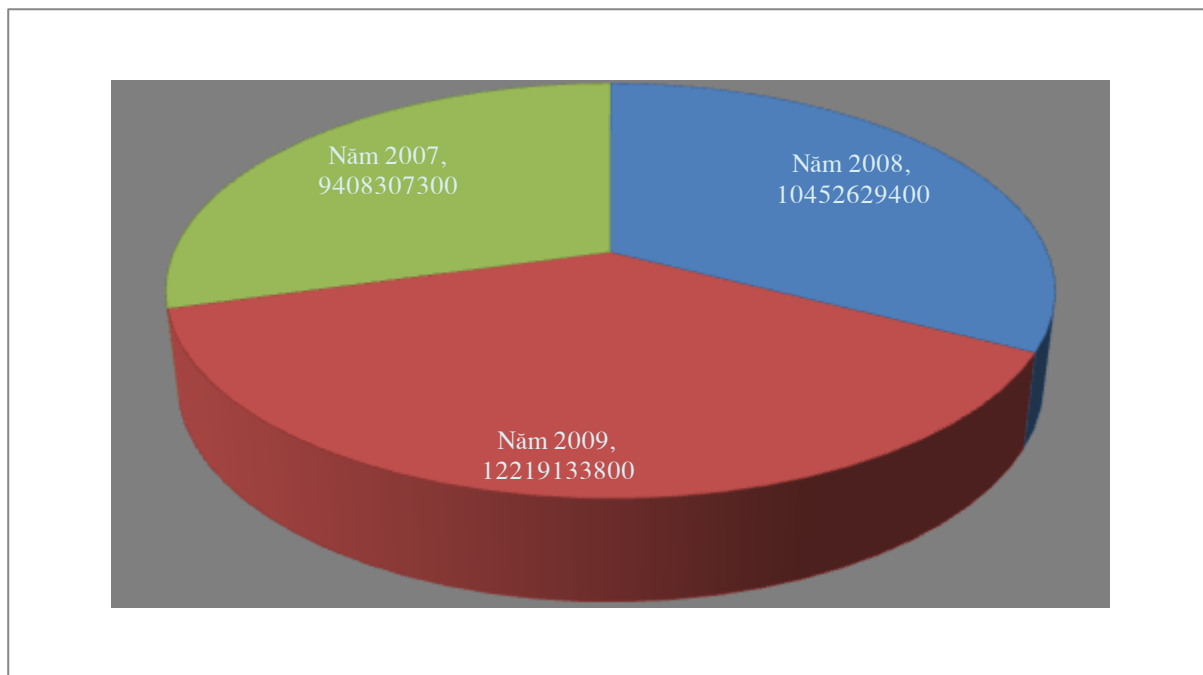
Bảng 2: Doanh thu du lịch của VQG Phong Nha – Kẻ Bàng qua một số năm

Năm	2007	2008	2009
Số tiền (VND)	9.408.307.300	10.452.629.400	12.219.133.800

(Nguồn: Số liệu thống kê của Trung tâm phát triển DL VQG Phong Nha Kẻ Bàng)

**Biểu đồ so sánh Doanh thu du lịch của VQG Phong Nha – Kẻ Bàng
qua một số Năm:**

Đơn vị: đồng



Đánh giá về doanh thu du lịch của VQG Phong Nha – Kẻ Bàng trong 3 năm: 2007, 2008, 2009:

Doanh thu từ du lịch của VQG ngày càng tăng, do lượng khách tham quan tăng lên. Năm 2007 VQG đón tiếp 240500 lượt khách với doanh thu đạt 9.408.307.300 đồng. Thì đến năm 2008 Tổ chức đón tiếp 262.265 lượt khách đến tham quan với doanh thu đạt 10.452.629.400 đồng (đạt 95,02% kế hoạch, tăng 11,1% so với năm 2007). Cho đến năm 2009 VQG Phong Nha Kẻ Bàng đón tiếp được 311.630 lượt khách đến thăm quan với doanh thu đạt 12.219.133.800 đồng, tăng 16,9% so với năm 2008.

Có được những con số như vậy là do năm 2003 VQG được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới đã góp phần quảng bá hình ảnh của VQG Phong Nha – Kẻ Bàng đến với các nước trên thế giới. Đồng thời Ban quản lý đã chủ động thực hiện các chương trình khuyến mãi, ưu đãi đối với các Công ty Du lịch lữ hành, giảm giá vé đối với cựu thanh niên xung phong và đẩy mạnh công tác giới thiệu, quảng bá hình ảnh VQG Phong Nha – Kẻ Bàng trong và ngoài nước qua trang thông

tin điện tử của Vườn, các đài truyền hình trong và ngoài nước.

3.2.1.4 Hiện trạng thông tin quảng bá, tiếp thị và xúc tiến du lịch

Vai trò quan trọng của việc thông tin quảng bá tiếp thị có ý nghĩa rất lớn cho việc tuyên truyền để tìm kiếm thị trường, giới thiệu các điểm du lịch tự nhiên. Hiện nay hình ảnh của VQG Phong Nha – Kẻ Bàng chủ yếu thông qua trang web Di sản thiên nhiên thế giới VQG Phong Nha – Kẻ Bàng, du lịch Việt Nam, du lịch Quảng Bình, qua thông tin của phương tiện thông tin đại chúng hoặc qua các hội nghị hội thảo của địa phương, quốc gia.

Việc quảng bá điểm đến Phong Nha – Kẻ Bàng đã phát hành ấn phẩm, tờ rơi bằng tiếng Việt với nội dung đơn giản, hoặc quảng cáo trên báo chí địa phương, chủ yếu tập trung vào thị trường khách du lịch từ các tỉnh lân cận và cư dân trên địa bàn tỉnh. Do đó chưa tiếp cận được với thị trường khách quốc tế để thu hút nguồn khách đến VQG Phong Nha – Kẻ Bàng.

VQG Phong Nha – Kẻ Bàng được khách du lịch biết đến nhiều là du lịch sinh thái, tham quan thắng cảnh chứ chưa khai thác sâu giá trị văn hóa ẩn mình trong những nét đẹp quy mô, huyền bí của giá trị văn hóa mà lịch sử đã để lại cho Phong Nha – Kẻ Bàng một tài nguyên văn hóa vô giá.

Thế giới chỉ biết đến VQG Phong Nha – Kẻ Bàng với những nét đẹp hữu hình mà chưa khám phá ra được nét đẹp vô hình ẩn chứa trong nét đẹp hữu hình đó.

3.2.2 Đánh giá chung về hiện trạng phát triển DLBV ở VQG

3.2.2.1 Kết quả đạt được

Tài nguyên du lịch sinh thái ở VQG Phong Nha – Kẻ Bàng đang từng bước được khai thác có hiệu quả. Hệ thống cơ sở vật chất đang trong quá trình xây dựng, các dự án đầu tư cho du lịch bền vững tăng nhanh về số lượng và chất lượng. Nhiều loại hình du lịch bền vững hình thành và phát triển mạnh.

Việc quy hoạch hệ thống giao thông, hạ tầng cơ sở đến các điểm du lịch sinh thái đã góp phần đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương, phát triển du lịch bền vững đã góp phần hạn chế các ngành nghề thủ công nghiệp truyền thống có khả năng gây ô nhiễm môi trường như khai thác khoáng sản, vật liệu xây

dựng, đánh bắt hải sản...

Hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch được tiến hành đã góp phần quan trọng trong việc thu hút khách du lịch, các nhà đầu tư, bước đầu nâng cao thương hiệu du lịch Phong Nha – Kẻ Bàng, góp phần đáng kể phát triển du lịch Quảng Bình.

Phát triển du lịch đã góp phần thu hút lực lượng lao động góp phần không nhỏ vào việc giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương, đồng thời đã nâng cao nhận thức về bảo tồn, tôn tạo tài nguyên du lịch, cảnh quan môi trường của người dân địa phương.

3.2.2.2 Những hạn chế

Sản phẩm du lịch chưa đa dạng, chưa tương xứng với tiềm năng. Cơ sở dịch vụ lưu trú, ăn uống, các khu vui chơi giải trí chưa được trú trọng xây dựng, các mặt hàng lưu niệm chưa phong phú. Do đó mức chi tiêu của khách du lịch đặc biệt là khách du lịch quốc tế còn thấp.

Môi trường đầu tư khuyến khích phát triển du lịch bền vững tuy đã có những biến đổi theo hướng thông thoáng nhưng chưa có giải pháp đồng bộ, nên chưa thúc đẩy mạnh được đầu tư từ nhiều phía.

Hoạt động du lịch phát triển đồng nghĩa với việc gia tăng số lượng du khách tại các điểm du lịch, làm cho áp lực của du lịch với môi trường tăng cao, gây ra hiện tượng ô nhiễm cục bộ suy thoái các nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tính đa dạng sinh học của VQG Phong Nha – Kẻ Bàng.

Việc xây dựng các công trình công cộng, các công trình kiến trúc không có sự hướng dẫn quản lý chặt chẽ đang làm mất đi vẻ đẹp của phong cảnh thiên nhiên, phá vỡ cảnh quan tự nhiên.

Nhìn chung trong quá trình phát triển du lịch bền vững VQG Phong Nha- Kẻ Bàng đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, song nó cũng nảy sinh nhiều vấn đề đòi hỏi người làm du lịch phải có những hướng phát triển hợp lý nhằm đem lại hiệu quả cao trong khai thác, bảo tồn tài nguyên du lịch.

Tiểu kết

VQG Phong Nha – Kẻ Bàng có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển du lịch

của Quảng Bình và của quốc gia. VQG này có giá trị rất cao về tự nhiên, lịch sử, văn hóa... đã thúc đẩy du lịch phát triển mạnh. Tuy nhiên những hoạt động tiêu cực gây ra đối với công tác bảo tồn ở VQG là không thể tránh khỏi. Các đợt nghiên cứu tác động của hoạt động du lịch đối với môi trường, cảnh quan và các loài động, thực vật gần đây cho kết quả là : môi trường đất, nước , hồ chưa bị ô nhiễm, các loài động thực vật đã chịu tác động do hoạt động du lịch nhưng chưa bị xâm hại... Đòi hỏi Ban quản lý VQG, các cấp các ngành của tỉnh Quảng Bình có những giải pháp hữu hiệu nhằm bảo tồn, khai thác và đầu tư một cách hợp lý nguồn tài nguyên của VQG.

CHƯƠNG 4

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DLBV Ở VQG PHONG NHA – KÊ BÀNG

4.1 Quan điểm phát triển

Hình thức du lịch sinh thái đã có từ lâu trong hoạt động du lịch nói chung. Tuy nhiên hoạt động du lịch sinh thái ở Quảng Bình nói chung và ở VQG Phong Nha – Kẻ Bàng nói riêng chỉ mới mấy năm gần đây quan tâm phát triển. Trong một thời gian dài những người làm du lịch Quảng Bình chủ yếu khai thác nguồn tài nguyên sinh thái nhân văn mà chưa chú ý đến khai thác tài nguyên tự nhiên cho du lịch sinh thái. Điều này cũng thật dễ hiểu bởi Quảng Bình xưa nay người ta chỉ biết và xem đây là vùng đất “Địa linh nhân kiệt”, giàu truyền thống cách mạng mà coi đây là thế mạnh để phát triển loại hình du lịch nhân văn.

Ngày nay, du lịch bền vững được hiểu là một quan điểm phát triển du lịch nhằm vừa thỏa mãn nhu cầu hiện tại của du khách đồng thời quan tâm đến việc bảo tồn, tôn tạo các tài nguyên cho phát triển du lịch trong tương lai. Nó trở thành xu hướng phát triển du lịch tất yếu của toàn thế giới.

Để du lịch bền vững phát triển đúng hướng và đạt hiệu quả cao, du lịch Quảng Bình, khu bảo tồn thiên nhiên VQG Phong Nha – Kẻ Bàng đã đưa ra một số quan điểm cụ thể như sau:

- Gắn chặt việc khai thác hợp lý các tài nguyên tự nhiên với công tác bảo tồn, giải quyết hài hoà mối quan hệ lợi ích giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường du lịch; thu hút sự quan tâm của cư dân địa phương, khách du lịch, các công ty du lịch và cơ quan hữu quan vào hoạt động bảo tồn tài nguyên tự nhiên, văn hóa và môi trường.

- Phát triển du lịch sinh thái phải có sự liên kết với du lịch văn hóa để phát huy được giá trị, vai trò cộng hưởng của hai loại đó trong phát triển du lịch bền vững.

- Ưu tiên phát triển các loại hình du lịch bền vững chất lượng cao, phát triển du lịch bền vững có chọn lọc, không chạy theo số lượng.

4.2 Định hướng phát triển DLBV tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng trong thời gian

tới

4.2.1 Cơ hội và thách thức trong phát triển DLBV tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng hiện nay

Cơ hội: Du lịch sinh thái đang là hướng phát triển tất yếu của du lịch thế giới, ngày càng thu hút được lượng du khách đông đảo, dòng khách du lịch trong những năm qua đến Quảng Bình nói chung, VQG Phong Nha- Kẻ Bàng nói riêng tiếp tục tăng với tốc độ cao. Điều này thúc đẩy du lịch sinh thái ở VQG Phong Nha- Kẻ Bàng phát triển nhanh. Nhiều tài nguyên du lịch tự nhiên và khu du lịch sinh thái được đầu tư khai thác trên quy mô lớn. Trong thời gian tới các điểm du lịch, các tour du lịch được hoàn thành sẽ là những địa chỉ du lịch hấp dẫn. Đồng thời cư dân địa phương vùng đệm quanh Vườn cũng rất chú ý đến hệ thống cơ sở hạ tầng: Các tuyến đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống thông tin liên lạc đang tiếp tục được đầu tư nâng cấp và mở rộng.

Công tác tuyên truyền quảng bá sẽ được tăng cường với sự ra đời của trang web du lịch Quảng Bình, mà một trong những nội dung sẽ được chú trọng là giới thiệu, cung cấp về các điểm du lịch sinh thái ở đây. Mặt khác sự phát triển của các ngành kinh tế nông – lâm – ngư nghiệp, công nghiệp khai thác chế biến...đang phát triển mạnh sẽ góp phần thúc đẩy du lịch sinh thái phát triển. Bên cạnh đó còn phải kể đến hệ thống đào tạo nguồn nhân lực từ các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học nghiệp vụ du lịch trong tương lai sẽ cung cấp cho du lịch nói chung, du lịch sinh thái nói riêng, đội ngũ nhân viên lành nghề chắc chắn sẽ làm vừa lòng du khách.

Đồng thời qua đó Phong Nha- Kẻ Bàng vừa là đầu nguồn cho các tour du lịch con đường Di sản miền Trung, đây cũng là lợi thế và tầm quan trọng cho chiến lược phát triển thúc đẩy ngành du lịch của Quảng Bình phát triển mạnh trong tương lai.

Thách thức: Có thể nói đa phần những người làm du lịch sinh thái ở Quảng Bình, ở VQG Phong Nha – Kẻ Bàng chưa có nhận thức đầy đủ về hoạt động khai thác và bảo tồn của du lịch sinh thái, làm cho hoạt động bền vững gặp rất nhiều khó khăn và rất dễ đi chệch hướng, gây tổn hại đến tài nguyên du lịch sinh thái của vùng; du lịch bền vững chưa thu hút được cộng đồng địa phương tham gia, làm mất đi một phần

ý nghĩa quan trọng của loại hình du lịch này. Tại các khu, các điểm du lịch sinh thái còn thiếu đội ngũ quản lý, các nhà hoạch định và điều hành hoạt động du lịch sinh thái có chuyên môn để tổ chức du lịch sinh thái đạt hiệu quả cao. Chưa tạo ra được những sản phẩm đặc trưng vùng miền.

Ngoài ra còn phải kể đến những mâu thuẫn về lợi ích kinh tế giữa các ngành kinh tế khai thác tài nguyên du lịch sinh thái, có thể gây những tác động đến ô nhiễm tài nguyên nói riêng, môi trường sinh thái nói chung. Bên cạnh đó là sức ép về sự gia tăng dân số và cải thiện đời sống của cư dân địa phương dẫn đến khai thác quá mức các hệ sinh thái có giá trị mà không chú trọng đến bảo tồn, làm mất cân bằng sinh thái, phá hủy cảnh quan môi trường, đe dọa sự phát triển du lịch sinh thái trong tương lai.

4.2.2 Định hướng phát triển DLBV tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng

Từ yêu cầu bảo tồn VQG Phong Nha – Kẻ Bàng và nhu cầu phát triển du lịch hiện nay, từ thực tiễn đã phân tích ở trên, có thể nêu lên một số định hướng để phát triển du lịch bền vững tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng như sau:

Phát triển du lịch gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái phát triển bền vững, bảo vệ và phát triển vốn rừng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội vùng biên giới quốc gia. Thay đổi một bước cơ bản cơ cấu kinh tế của đồng bào các dân tộc thiểu số xung quanh VQG Phong Nha- Kẻ Bàng, thu hút lao động từ nông lâm nghiệp sang cung cấp các sản phẩm dịch vụ du lịch, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái bền vững và phát triển dịch vụ du lịch tại VQG Phong Nha- Kẻ Bàng. Đổi mới phương pháp quản lý, chỉ đạo phương thức làm việc của cán bộ quản lý cũng như cán bộ công nhân viên trong VQG Phong Nha – Kẻ Bàng, để đáp ứng với đòi hỏi của công việc và phù hợp định hướng phát triển của nhà nước đối với các VQG.

Để thực hiện tốt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và thu hút khách du lịch năm 2010, Ban quản lý Vườn đã đề ra một số nhiệm vụ chính là: Tổ chức tốt công tác tuyên truyền vận động nhân dân vùng đệm tham gia tốt công tác quản lý bảo vệ rừng đặc biệt là các vùng xung yếu hiện là điểm nóng; tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát ngăn chặn người vào rừng săn bắt động vật, khai thác gỗ và các loại lâm sản; tiếp tục công tác nghiên cứu, bảo tồn, cứu hộ thực vật hoang dã, giáo dục môi trường và

phát triển cộng đồng; đa dạng hóa các loại hình du lịch; tăng cường quảng bá giới thiệu tiềm năng du lịch của Di sản; chú trọng công tác xây dựng cơ sở vật chất phục vụ khách du lịch; thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo nhân lực thuộc Ban quản lý Vườn quản lý giai đoạn 2010 – 2015.

Từ thực trạng thị trường khách du lịch và định hướng phát triển DLBV trên em xin đưa ra một số dự đoán về lượng khách du lịch sẽ đến VQG Phong Nha - Kẻ Bàng và doanh thu từ hoạt động du lịch trong một số năm tới: từ năm 2010 - 2012 trung bình mỗi năm lượng khách du lịch đến tham quan sẽ tăng lên khoảng 15% một năm và doanh thu tăng lên khoảng 14% một năm:

**Bảng 3: Bảng dự kiến phát triển DL tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng
(Thời kỳ 2010-2012)**

Năm	2010	2011	2012
Chỉ tiêu			
Số khách (lượt khách)	360.000	410.000	480.000
Doanh thu (tỷ VND)	14	16	18,5

4.3 Một số giải pháp cơ bản để phát triển du lịch bền vững

4.3.1 Giải pháp về xây dựng quy hoạch phát triển du lịch

Tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng Quy hoạch phát triển du lịch bền vững khu vực VQG Phong Nha – Kẻ Bàng. Trước hết phải phù hợp với các tiêu chí Di sản thiên nhiên của UNESCO, phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội, Quy hoạch phát triển du lịch bền vững tỉnh Quảng Bình. Mặt khác, việc xây dựng quy hoạch này cần hướng tới sự bảo tồn đa dạng sinh học, hạn chế tối đa sự can thiệp của con người vào sự vận động của tự nhiên. Quy hoạch phát triển du lịch bền vững VQG Phong Nha – Kẻ Bàng cần phát huy một cách tích cực các giá trị tiềm năng của Vườn như giá trị về mặt khoa học, lịch sử, văn hóa và các giá trị truyền thống đặc trưng của mỗi vùng, miền... nhằm tạo ra các giá trị tăng trưởng cho kinh tế du lịch. Quy hoạch

phát triển du lịch bền vững VQG Phong Nha – Kẻ Bàng cần phải hướng tới lợi ích của người dân sống trong khu vực nhằm giảm áp lực của cộng đồng đối với nguồn tài nguyên thiên nhiên VQG Phong Nha – Kẻ Bàng. Mỗi hoạt động đầu tư trong khu vực cần hướng tới sự phát triển bền vững, hướng tới việc giáo dục và nâng cao ý thức bảo vệ môi sinh, môi trường, các giá trị của Di sản...

Cụ thể quy hoạch về Khu du lịch thung lũng Phong Nha là vừa phải bảo tồn, vừa phải phát huy giá trị Di sản thiên nhiên thế giới. Khu vực này rất nhạy cảm, tuy là phân khu hành chính, nhưng cần hạn chế tối đa sự tác động của con người vào thiên nhiên; Cần tuân thủ các nguyên tắc bảo vệ hiện trạng tự nhiên, hạn chế tối đa việc san gạt mặt bằng, chặt phá cây xanh; Cần sử dụng vật liệu địa phương và hạn chế bê tông hóa. Khu du lịch này khi đưa vào khai thác sử dụng sẽ tạo ra được sản phẩm du lịch và điểm du lịch mới tại Khu du lịch Phong Nha.

Quy hoạch chi tiết phân khu chức năng, trong đó đặc biệt quan tâm tới khu nuôi thú. Khu khách sạn, nhà nghỉ không làm hai tầng mà chỉ xây dựng một tầng có mái lợp lá nhằm tạo sự thân thiện với môi trường xung quanh. Giao thông nội vùng nên sử dụng xe điện và đường đi bộ để đi lại.

Quy hoạch khu vực phụ cận VQG Phong Nha – Kẻ Bàng cần được thực hiện bài bản. Hiện nay công tác quản lý quy hoạch xây dựng trong khu vực phụ cận này bộc lộ nhiều vấn đề. Việc cấp sổ đỏ tràn lan cho dân địa phương, hàng loạt ngôi nhà và hàng quán được dân xây dựng một cách tự phát, lộn xộn. Do vậy nên thuê tư vấn về quy hoạch xây dựng và phát triển du lịch khu vực phụ cận VQG Phong Nha – Kẻ Bàng để đạt hiệu quả tối ưu. Đồng thời coi Quy hoạch tổng thể, chi tiết được duyệt có tính pháp lý, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, có thưởng phạt minh bạch.

4.3.2 Giải pháp về đầu tư và chính sách đầu tư

Phát triển du lịch sinh thái ở VQG Phong Nha – Kẻ Bàng cần phải có những chính sách đồng bộ khuyến khích việc khai thác tiềm năng du lịch sinh thái, tạo môi trường thuận lợi với những cơ chế cụ thể mọi thành phần kinh tế có thể đầu tư xây dựng, kinh doanh ở các khu du lịch sinh thái.

Cần đầu tư mở rộng không gian hoạt động du lịch, đa dạng hóa các loại hình

kinh doanh du lịch. Vì vậy cần tăng cường kêu gọi đầu tư. Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, mà quan trọng nhất là hệ thống đường giao thông, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật như: khách sạn, nhà hàng và đầu tư đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý.

Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Hứa Đức Nhị và ông Guenter Riethmacher, Giám đốc Văn phòng đại diện Tổ chức hợp tác kỹ thuật Đức (GTZ) đã ký dự án khai thác và bảo tồn các VQG.

Dự án có tổng kinh phí 4,4 triệu euro, trong đó Chính phủ Đức thông qua GTZ tài trợ không hoàn lại 4 triệu euro phần còn lại là vốn góp của Việt Nam. Dự án được thực hiện trong 3 năm, bắt đầu từ tháng 9/2009 ở Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn và các tỉnh Yên Bái, Quảng Ninh, Ninh Thuận, Đắk Lắk và Kon Tum.

Mục tiêu của giai đoạn 2 là nâng cao hiệu quả và tính bền vững trong quản lý rừng, chế biến lâm sản tại đây và cải thiện việc tiếp thị các sản phẩm của ngành lâm nghiệp. Thông qua dự án này, người dân nông thôn tại các địa phương trong vùng dự án và cán bộ, nhân viên của các cơ sở lâm nghiệp quốc doanh và tư nhân sẽ được tiếp cận với các chuẩn mực và phương pháp quản lý rừng bền vững. Bên cạnh đó, các cán bộ lâm nghiệp này còn được tiếp cận với các phương pháp cải tiến trong khâu chế biến theo hướng sử dụng rừng bền vững và tiếp thị các mặt hàng lâm sản, đồng thời được tư vấn về chính sách lâm nghiệp, hỗ trợ công tác quản lý bền vững.

Để thực hiện mục tiêu này, dự án chú trọng vào công tác quản lý, sử dụng tài nguyên rừng bền vững kết hợp với tư vấn chính sách và tăng cường năng lực thể chế ở cấp Trung ương và địa phương. Cùng với việc nâng cao năng lực quản lý tài nguyên thiên nhiên thông qua các phương pháp kỹ thuật nhằm phục hồi, khai thác và sử dụng bền vững tài nguyên rừng, phát triển kinh tế từ các sản phẩm rừng nhằm nâng cao giá trị lâm sản.

Ngoài ra VQG Phong nha – Kẻ Bàng cần có thêm các giải pháp về hợp tác và kêu gọi đầu tư để phát triển DLBV một cách có hiệu quả hơn nữa:

- Nên tăng cường hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế về nghiên cứu đào tạo, trao đổi kinh nghiệm trong quy hoạch, quản lý vận hành DLBV có hiệu quả.

Đặc biệt cần tranh thủ sự hỗ trợ của dự án bảo tồn VQG Phong Nha – Kẻ Bàng.

- Cần phải hợp tác và kêu gọi sự hỗ trợ của các cấp các ngành, các chuyên gia trong việc lập dự án nghiên cứu, quy hoạch phát triển bền vững.

- VQG Phong Nha – Kẻ Bàng cần xây dựng dự án đầu tư cụ thể và kêu gọi vốn đầu tư từ Tổng cục Du lịch Việt Nam, từ các tổ chức phi chính phủ, từ địa phương và các cá nhân trong cộng đồng.

4.3.3 Giải pháp về lao động

Du lịch bền vững không chỉ cần một lực lượng lao động lớn, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao mà còn đòi hỏi ở họ sự tâm huyết với nghề nghiệp để phát huy ý nghĩa của hoạt động này.

Ban quản lý khu bảo tồn VQG Phong Nha – Kẻ Bàng nên phối hợp với các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học có đào tạo ngành du lịch, nhất là trường Đại học Quảng Bình, khoa Việt Nam học chuyên ngành Văn hóa du lịch. Đây sẽ là điều kiện để cung cấp cán bộ chuyên môn nghiệp vụ cho Vườn. Đầu tư nâng cao trình độ cho các cán bộ quản lý có chính sách ưu đãi kêu gọi sinh viên ngành du lịch về công tác.

Nhân lực cho các hoạt động du lịch phải được khai thác tại chỗ từ nguồn lực lao động tại địa phương. Nhân viên của Ban quản lý VQG nên là người của các xã vùng đệm và trong VQG.

Đặc biệt đội ngũ hướng dẫn viên và thuyết minh viên du lịch phải được tập huấn kỹ càng các kiến thức về du lịch sinh thái, các quy định bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên... Các nhân viên hướng dẫn và nhân viên kiểm lâm phải được đào tạo thành thạo về ngoại ngữ, nên được tập huấn về thuyết minh và xử lý các tình huống khác nhau liên quan tới khách tham quan.

Nên có các chính sách đãi ngộ, thưởng phần trăm cho các hướng dẫn viên khi dẫn đoàn có nhiều khách hoặc xử lý giải quyết tốt các tình huống đem lại lợi ích cho VQG...

Khi các hướng dẫn viên vi phạm hoặc để cho khách vi phạm các nguyên tắc và quy định thì tùy theo mức độ mà có các biện pháp kỷ luật, phạt hoặc rút thẻ.

Các nhân viên kiểm lâm nên mặc đồng phục tại nơi đón tiếp khách, trên tàu thuyền, sẽ tạo ra một hình ảnh về sự hiện diện của quản lý nhà nước như một chủ thể sở hữu, một nhân vật trực trách sẽ gây những hiệu ứng tốt đối với du khách về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường nơi họ đến.

4.3.4 Giải pháp về môi trường

Muốn phát triển du lịch bền vững phải tạo ra sự cân bằng giữa tài nguyên và môi trường với các giải pháp sau:

- Tăng cường năng lực đội ngũ kiểm lâm từ các huyện xuống đến xã, Cần có biên chế cán bộ kiểm lâm xã cho tất cả các xã.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, nhiệm vụ bảo vệ rừng đối với đời sống, kinh tế xã hội, môi trường sinh thái.

- Đối với các hành vi cố tình vi phạm các quy định như chặt phá rừng, đốt rừng, săn bắn động vật trái phép... thì cần có các biện pháp như phạt tiền mạnh gấp 3 lần trở lên đối với giá trị của từng loại.

- Đối với đội ngũ hướng dẫn viên, thuyền viên: Khi đưa khách vào các phân khu du lịch đặc biệt là vùng lõi VQG thì bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên hoàn toàn phụ thuộc vào đội ngũ hướng dẫn viên, thuyền viên này. Vì vậy đội ngũ này cần phải thường xuyên nhắc nhở du khách về bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

- + Các quy định về chất thải rắn một nguyên tắc cơ bản là vứt rác đúng nơi quy định hoặc gói rác mang theo nếu ở khu đó không có thùng rác.

- + Các tàu, thuyền, ô tô phải có thùng rác riêng phục vụ khách du lịch.

- + Các quy định về khoảng cách an toàn xem ngắm các động vật hoang dã, sử dụng máy quay phim, chụp ảnh đối với các tiêu cự xa...

Đối với hệ thống nhà hàng khách sạn: cần tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường với các nội dung như các quy định về đổ chất thải rắn, xả nước thải, các quy định chung về bảo vệ môi trường trong các phân khu du lịch.

Cần tăng cường thông tin trên các đường mòn thiên nhiên, các phương tiện cho nhu cầu vệ sinh, rác thải, các điều kiện giảm thiểu tác động đến môi trường như:

- Dùng các biển báo, với sơ đồ của điểm, tuyển tham quan và những điều cần

lưu ý ngay ở đầu đường mòn. Các biển báo phải được thiết kế sao cho hài hòa với môi trường tự nhiên, dễ nhận biết, truyền tải được thông tin, đảm bảo bền về vật liệu.

- Đường mòn phải được duy trì sạch sẽ, có các thùng rác cùng với những lời nhắc nhở đặt ở đầu thuyên và tại các điểm dừng chân.

Một biện pháp mang lại hiệu quả giáo dục cao đó là việc thu nhận và đào tạo hướng dẫn viên là người địa phương. Những lợi thế về các kỹ năng và kiến thức hiểu biết thông qua kinh nghiệm thực tiễn của người địa phương dễ dàng hấp dẫn du khách hơn là những hướng dẫn viên nơi khác đến. Nếu được đào tạo tốt, họ còn trở thành những tuyên truyền viên giáo dục môi trường tích cực trong cộng đồng, một cách lôi kéo có hiệu quả người dân địa phương cùng tham gia bảo tồn.

4.3.5 Giải pháp về quảng bá

Khu du lịch VQG Phong Nha – Kẻ Bàng muốn phát triển thu hút khách du lịch hơn nữa, hoạt động tuyên truyền quảng bá là không thể thiếu được. Và việc tuyên truyền quảng bá cho hoạt động du lịch ở VQG phải được tiến hành kiên trì và đa dạng về hình thức.

Phát hành những tờ rơi tập gấp với kiểu dáng, mẫu mã đẹp mang một số thông tin cần thiết về các điểm tham quan trong VQG bằng ít nhất hai ngôn ngữ.

Sử dụng các thông tin đại chúng như báo, đài, truyền hình,... là các phương tiện có khả năng truyền thông tin rộng rãi đến mọi du khách cả trong nước và ngoài nước.

Nâng cao chất lượng website về Di sản thiên nhiên thế giới VQG Phong Nha – Kẻ Bàng. Thường xuyên cập nhật thông tin mới về sản phẩm du lịch mới, phát hiện khoa học mới của VQG bằng tiếng Việt và một số ngôn ngữ thông dụng khác: Anh, Pháp, Trung...

Đưa khách du lịch trở thành kênh quảng cáo hữu hiệu. Những thông tin truyền miệng phản hồi từ phía du khách đã đến VQG Phong Nha – Kẻ Bàng là một hình thức quảng cáo rất hiệu quả và mang lại lợi nhuận. Vì vậy cần phải xây dựng hình ảnh tốt đẹp về chất lượng hoạt động, về khu du lịch.

Tổ chức định kỳ các buổi hội thảo khoa học, các triển lãm văn hóa nghệ thuật nhằm khuyến khích trưng quảng bá giới thiệu hình ảnh của khu du lịch VQG Phong Nha

– Kẻ Bàn với du khách trong và ngoài nước.

Thông qua chương trình du lịch Con đường Di sản miền Trung do Tổng cục Du lịch phát động nhằm giới thiệu với du khách nguồn di sản thiên nhiên quý giá của Quảng Bình.

Công tác tuyên truyền quảng bá cần được diễn ra thường xuyên, lâu dài và luôn có sự sáng tạo và đổi mới.

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ từ ngân sách của Nhà nước cho hoạt động quảng bá hình ảnh VQG Phong Nha – Kẻ Bàn.

4.3.6 Giải pháp về tổ chức, cơ chế quản lý du lịch của VQG

Vấn đề tổ chức quản lý cần phải phát triển đồng bộ từ hệ thống các nguyên tắc, tổ chức điều hành du lịch, tổ chức nhân sự, tập huấn và phát triển nguồn nhân lực đến các vấn đề kinh tế, các vấn đề cộng đồng...

Do có rất nhiều đối tượng và thành phần tham gia vào các hoạt động du lịch nên cần xây dựng một hệ thống các nguyên tắc và quy định quản lý đối với các đối tượng, các vùng tham gia vào hoạt động du lịch.

✓ Đối với hoạt động du lịch trong phạm vi VQG

- Chỉ được thực hiện tour du lịch VQG khi có hướng dẫn viên đã được cấp thẻ của Tổng cục Du lịch.

- Ban quản lý VQG tập huấn cho hướng dẫn viên và cấp thẻ xanh về môi trường cho hướng dẫn viên và thuyết minh viên.

- Khách du lịch vào VQG phải đăng ký tại Trung tâm Điều hành Du lịch của VQG.

- Tại nơi đăng ký phải có sơ đồ điểm, tuyến du lịch và các hướng dẫn kèm theo.

- Ban quản lý VQG chịu trách nhiệm cấp phép cho khách vào khu nguyên sơ.

- Quy định cụ thể tại điểm du lịch: Tại nơi cổng vào hoặc đường mòn, phải có các nội quy, biển báo, quy định, hướng dẫn các kỹ thuật tác động tối thiểu đến hệ sinh thái và môi trường đối với khách du lịch về những việc được làm và những việc

không nên làm tại khu du lịch này. Cụ thể:

+ Quy định về chất thải rắn như: “chỉ để lại dấu chân”, “mang đi những gì mang đến”, gói chúng lại, mang chúng theo và đưa chúng ra, không nên để lại bất kỳ thứ gì: rác rưởi, đồ dùng bỏ đi, rác thải từ nấu ăn, chất thải, thức ăn thừa, thậm chí mẫu thuốc lá.

+ Quy định và hướng dẫn về việc xem, ngắm động vật hoang dã và các loài thực vật quý hiếm. Nên có quy định cụ thể về khoảng cách an toàn đối với chúng để ngắm xem đối với từng loại động vật. Quy định cả việc sử dụng máy ảnh với cự ly càng dài càng tốt, tránh sử dụng đèn nháy đối với hầu hết các con thú.

+ Quy định và hướng dẫn việc cắm trại nơi hoang dã.

+ Quy định về số lượng khách trên tàu, thuyền.

+ Quy định đối với những người sưu tầm: chỉ lấy quà lưu niệm là ảnh, không sưu tầm động vật, thực vật, vật hóa thạch, đồ gọt đẽo từ các vật lấy trong thiên nhiên.

- Hệ thống thu lệ phí: áp dụng cho từng phân khu chức năng nhằm để điều chỉnh phân tán số lượng khách vào mỗi phân khu. Lệ phí có thể để giới hạn hoặc phân tán khách tham quan khi một khu nhất định nào đó bị quá tải, khi giá cả tăng số lượng khách tham quan sẽ thấp và ngược lại.

Các hình thức thu lệ phí như:

+ Thu lệ phí trực tiếp nơi tham quan

+ Thu lệ phí gián tiếp thông qua các nhà điều hành du lịch

+ Thu lệ phí gián tiếp thông qua các thành phần khác của ngành du lịch như hệ thống khách sạn, nhà trọ các phương tiện đi lại...

Tuy nhiên, mức lệ phí và các hình thức thu lệ phí phải đảm bảo thu hút được khách từ nhiều mức thu nhập khác nhau. Ví dụ phí vào cổng có thể thấp, nhưng bù lại phí hướng dẫn viên cao cho những người muốn có hướng dẫn viên riêng để những người có thu nhập thấp cũng vào tham quan được.

✓ **Đối với hoạt động du lịch bên ngoài phạm vi VQG**

- Quy định về địa điểm, kiến trúc, sản phẩm du lịch đối với các nhà trọ,

khách sạn, nhà hàng, công ty lữ hành, chất lượng các phương tiện vận chuyển, nơi đón trả khách...

- Đặc biệt quy định về bảo vệ môi trường và tài nguyên du lịch của các đối tượng phục vụ khách du lịch nói trên.

Các quy định trên phải kèm theo chế tài thưởng phạt cụ thể đối với các đối tượng làm tốt hoặc vi phạm. Tùy theo nội dung quy định mà do Ủy ban nhân dân tỉnh, chính quyền sở tại vùng đệm, Ban quản lý VQG ban hành.

4.3.7 Một số đề xuất, kiến nghị với UBND tỉnh Quảng Bình

Hoàn thiện, duyệt quy hoạch du lịch tổng thể và chi tiết VQG và vùng phụ cận, làm cơ sở pháp lý cho quản lý và kêu gọi đầu tư du lịch.

Đề xuất Chương trình phát triển Nông thôn và Miền núi có cơ chế chính sách hỗ trợ tài chính cho nhân dân các xã vùng lõi VQG: Tân Trạch, Thượng Trạch, Phúc Trạch, Xuân Trạch và Sơn Trạch thuộc huyện Bố Trạch phát triển du lịch.

Xây dựng và ban hành các quy chế bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên VQG Phong Nha – Kẻ Bàng có chế tài cụ thể.

Quy định việc xây dựng khách sạn, nhà hàng, phương tiện vận chuyển phù hợp quy hoạch VQG.

Trích ngân sách địa phương hàng năm để phục vụ cho việc tuyên truyền, quảng bá du lịch cho VQG.

Trích ngân sách địa phương hàng năm cho việc tu bổ VQG, tăng số lượng, nâng cao chất lượng và thu nhập cho lao động phục vụ trong VQG.

Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch quy định tiêu chuẩn hóa các dịch vụ lưu trú, ăn uống, vận chuyển, các chức danh lao động phục vụ cho VQG: Trình độ, tuổi tác, hình thức, đãi ngộ...

Tiểu kết

Những giải pháp trên chỉ là một số vấn đề chủ yếu cần tập trung giải quyết. Để thực hiện có hiệu quả phải có kế hoạch cụ thể và chỉ đạo quyết liệt thì mới làm cho VQG Phong Nha – Kẻ Bàng trở thành khu du lịch hấp dẫn du khách và phát triển bền vững

KẾT LUẬN

Để có được hôm nay ít ai nghĩ rằng VQG Phong Nha – Kẻ Bàng đã trải qua bao nhiêu lần thử thách của chiến tranh và sự tàn phá của thiên nhiên vốn đã khắc nghiệt của rừng nhiệt đới. Nhưng với đặc thù là một khu rừng sinh thái tự nhiên có khả năng duy trì phục hồi nhanh chóng, với số động vật và thực vật hoang dã sinh sống trong đó có cả động vật và thực vật quý hiếm cho nên từ khi thành lập VQG Phong Nha – Kẻ Bàng đã được ngành du lịch quan tâm.

Theo thống kê của trung tâm bảo tồn thiên nhiên VQG Phong Nha – Kẻ Bàng, hàng năm có hàng ngàn lượt khách đến đây và có rất nhiều chuyên gia là khách du lịch nghiên cứu, trong đó không ít nhà khoa học nghiên cứu thành công về đề tài Phong Nha – Kẻ Bàng mang lại kinh tế đáng kể cho đất nước nhất là cư dân quanh vùng.

VQG Phong Nha – Kẻ Bàng đã có nhiều cố gắng nỗ lực trong việc bảo vệ rừng và các loài động thực vật, đặc biệt những loài trong Sách đỏ, những loài có nguy cơ tuyệt chủng. Hạn chế đến mức thấp nhất việc phát triển du lịch làm ảnh hưởng đến công tác bảo tồn.

DLBV ở VQG Phong Nha – Kẻ Bàng bước đầu được hình thành, tuy nhiên còn nhiều điểm yếu kém và hạn chế. Việc giáo dục bảo vệ môi trường cho khách du lịch và nâng cao nhận thức về phát triển du lịch cho người dân địa phương chưa được thường xuyên, hiệu quả thấp.

Để phát triển du lịch bền vững VQG Phong Nha – Kẻ Bàng có hiệu quả cao phải thực hiện nghiêm túc định hướng: Thống nhất khai thác nguồn tài nguyên và quản lý du lịch với yêu cầu bảo tồn thông qua việc tổ chức hoạt động du lịch trên các điểm, tuyển tham quan phù hợp với mức độ sử dụng của mỗi vùng, đảm bảo sự ủng hộ bảo tồn và hỗ trợ của cộng đồng địa phương.

Giải pháp cần tập trung để phát triển du lịch tại VQG Phong Nha – Kẻ Bàng trong thời gian tới là: Trên cơ sở hoàn thiện Quy hoạch phát triển du lịch có các dự án đầu tư cụ thể để nâng cấp các điểm du lịch, tăng cơ sở hạ tầng nhất là giao thông, chấn chỉnh và nâng cao chất lượng của các cơ sở dịch vụ, mở rộng quảng bá trong và ngoài

nước, tăng cường công tác quản lý về du lịch trên địa bàn.

Các biện pháp thực hiện nêu trên rất đa dạng phải được thực hiện đồng bộ và có sự phối hợp chặt chẽ của các tổ chức các cấp, các ngành, địa phương, những cơ quan quản lý của Trung ương, của các nhà khoa học và cộng đồng dân cư sở tại.

Chắc chắn rằng trong tương lai VQG Phong Nha – Kẻ Bàng sẽ là khu du lịch quốc gia hấp dẫn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Hải Yến, Quy hoạch du lịch, Nxb Giáo dục – 2009.
2. Bùi Thị Hải Yến (chủ biên), Tài nguyên du lịch, Nxb Giáo dục – 2009.
3. Nguyễn Quang Hà, Sổ tay địa lý các tỉnh Trung bộ, Nxb Giáo dục – 2001.
4. Đỗ Thanh Hoa, “Kinh nghiệm của một số quốc gia về phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường”, Tạp chí du lịch Việt Nam, số 12/2005.
5. Phạm Trung Lương, Du lịch sinh thái – những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam, Nxb Giáo dục – 2002.
6. Nguyễn Văn Mỹ, “Ngôn ngữ du lịch sinh thái”, Tạp chí du lịch tiếng nói của ngành du lịch thành phố Hồ Chí Minh, số 6/2004.
7. Trần Nghi (chủ biên), Di sản thiên nhiên thế giới: Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Hà Nội – 2003.
8. Trung tâm bản đồ và tranh ảnh giáo dục, Kỳ quan hang động Việt Nam, Hà Nội – 2002.
9. Meijboom, M. và Hồ Thị Ngọc Lanh, Hệ động thực vật ở Phong Nha – Kẻ Bàng và Hin Namno, Phong Nha – Ke Bang National Park with WWF, Hà Nội – 2002.
10. Luật du lịch, Nxb Chính trị Quốc gia – 2005.
11. Luật Di sản văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành, Nxb Chính trị Quốc gia – 2001.
12. Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch Quảng Bình, Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Quảng Bình giai đoạn 2000 – 2010.
13. PTS. Nguyễn Minh Tuệ, Địa lý du lịch, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh – 2004.

14. Thế Đạt, Du lịch và du lịch sinh thái, Nxb Lao động – 2003.

Website:

15. www.phongnhakebang.vn

PHỤ LỤC

TRUYỀN THUYẾT, HUYỀN THOẠI VỀ MỘT SỐ ĐIỂM THAM QUAN

Huyền thoại dòng sông Son

Thửa ấy ở vùng rừng núi trùng điệp này có một ông lão làm nghề săn bắn chỉ sinh được một cô con gái. Mới vừa độ tuổi trăng tròn, cô đã là một nữ lưu thuộc loại tuyệt thế giai nhân. Bên cạnh đó cô còn có biệt tài thổi sáo. Mỗi khi tiếng sáo của cô cất lên thì cá đang lặn dưới sâu bỗng ngoi lên mặt nước, chim đang bay trên trời bỗng sà xuống cành cây. Lạ nữa là bao nhiêu muông thú đang gặm gù, gào thét, đánh nhau loạn xạ trong rừng tất thảy đều im lặng để lắng nghe. Tiếng lành đồn xa về người con gái tài sắc vẹn toàn đó chẳng bao lâu đã lan từ rừng xuống biển, thậm chí đã loan sang nước Lão Qua (Lào).

Dĩ nhiên, không biết bao nhiêu chàng trai tuấn tú tài hoa, xuất thân trong các gia đình thuộc loại “danh gia vọng tộc” tìm đến đây, mong được lọt vào đôi mắt xanh của cô, nhưng tất cả đều từ chối, vì nguyên do cô đã có chồng sắp cưới. Khổ nỗi, chẳng một ai gần xa trong vùng biết người chồng sắp cưới của cô là ai, ở đâu cả. Nhưng đây lại là sự thật, nói đúng hơn đây là một sự thật mang tính huyền thoại.

Dò tìm mãi dân làng mới biết rằng: Một đêm hè trăng thanh gió mát, người đẹp trèo lên các mô đá hình đầu voi nhô ra giữa con suối chảy vòng sau núi ngồi ngắm cảnh, rồi lấy sáo ra thổi. Lát sau, cô chợt thấy có cái gì như ngôi sao băng rạch một đường sáng rực rỡ từ phía dòng sông ngân hà thẳng đến khu rừng mà cô đang ở. Từ trong quầng sáng một chàng trai tuấn tú, dững mãnh cưỡi con tuấn mã kiêu hùng đi đến bên mô đá hình đầu voi.

“Đừng sợ ! Ta đến đây để cầu hôn nàng. Nếu không từ chối thì mời nàng lên ngựa cùng ta dạo chơi một chuyến trên trời trước khi về ra mắt thân phụ của nàng”.

Lạ thay, chỉ với những lời đơn sơ mộc mạc như thế của chàng trai, mà đã làm cho trái tim nàng rung động. Rồi, như bị một phép màu nào sai khiến, nàng ngoan ngoãn trèo lên lưng ngựa, tin tưởng ngồi phía sau chàng trai. Thoáng chốc con tuấn mã tung vó lao đi, rồi phóng vun vút giữa chòm sao này qua chòm sao khác giữa cõi thiên hà trong tiếng reo vui hớn hởi của đôi trai tài gái sắc. Nhưng bất thành linh, chàng trai cho dừng ngựa với khuôn mặt bất chợt trở nên buồn rầu, sầu não, chàng quay lại nói với nàng:

“Chúng ta không thể tiếp tục cuộc vui chơi nữa rồi, vì phụ mẫu ta có lệnh gọi ta về Ngọc Điện”.

Sao chàng biết ? - Cô gái ngơ ngác hỏi.

Nàng nhìn vào đây thì rõ. Nói rồi, chàng trai đưa ngón tay đeo nhẫn lên trước mặt cô gái. Cô gái nhìn vào cái mặt ngọc ngũ sắc trên nhẫn và nhìn thấy hai cụ già đẹp lão lạ lùng, đang giơ tay vẫy gọi và nói bằng một thứ tiếng gì đó mà nàng không hiểu được. Đang vui, bỗng đứt giây đàn. Chàng trai ngậm ngùi nói tiếp:

“Chúng ta tạm chia tay nhau nhé, ta tặng nàng chiếc nhẫn này, nên nhớ bao giờ có chuyện nguy cấp đe dọa đến tính mạng thì nàng ghé miệng vào mặt nhẫn gọi lên ba tiếng “Về với em” dù xa xôi cách trở đến mấy, ta cũng dâng mây giá vũ đến cứu nàng”.

Con tuấn mã chở hai người về đến hạ giới, và cặp uyên ương chia tay nhau trong niềm hối tiếc, thẫn thờ.

Vào thời kỳ này, lời đồn ở phía tây Châu Bó Chính Động Phong Nha có một người con gái tài sắc vẹn toàn đã đến tai một tên lãnh chúa. Tên này có một toà lâu đài uy nghi tráng lệ xây cất trên ngọn núi cao bốn mùa mây phủ. Hắn ta giàu thuộc loại “phú gia địch quốc” uy quyền ngang trời dọc đất.

Tuy vợ lớn, vợ bé đã hàng đồng nhưng nghe đến chuyện người con gái trẻ đẹp hẳn đã vô cùng thèm khát và rắp tâm chiếm đoạt nàng bằng được. Sau nhiều lần cắt cử gia nhân, lính tráng đem sính lễ đến ra mắt ông lão thợ săn để cầu hôn cô gái, nhưng không được. Tên lãnh chúa cử một bọn tâm phúc đầu trâu mặt ngựa đến rình rập, rồi nhân lúc cô gái ra bờ suối ngồi thổi sáo, đã bắt cóc cô gái đặt lên mình voi chở về lâu đài. Từ đó, ngày hai lần, tên lãnh chúa đến ra mắt cô gái và lần nào hẳn cũng mang theo một mâm ngọc ngà châu báu đến cầu xin nàng trao tình yêu cho hẳn, nhưng cô gái một mặt từ chối, vì lý do *“Tôi đã có chồng chưa cưới. Tôi không thể lấy ngài được”*. Cuối cùng, tên lãnh chúa tức giận hét lên:

“Giống lừa ưa nặng, nói ngọt không nghe! Người tưởng ta dễ dàng để một miếng mồi ngon như người lọt qua khỏi tay ta sao?”.

Cặp mắt ốc nhồi lồng lên sòng sọc, cả giọng nói rít qua kẽ răng và điệu cười độc ác của tên lãnh chúa khiến cô gái biết rằng mình đã ở thế nguy nan. Giây phút đó, cô nhớ đến chiếc nhẫn mà người yêu trao tặng và lời căn dặn của chàng. Lạ thay, nhìn vào ngón tay, chiếc nhẫn đã bị mất từ bao giờ, không còn nhẫn quý. Cô gái hốt hoảng đưa mắt nhìn quanh và nhanh chóng nhận ra, gian phòng cô bị giam nằm trong tầng cao nhất toà lâu đài của tên lãnh chúa. Phía sau là vách núi dựng đứng cao nghìn thước, thẳng xuống một hồ nước ngập trong sương khói mờ mờ. Trong khi tên lãnh chúa dần tiến về phía cô, thì cô từng bước lùi về phía cửa sổ cuối phòng.

“Này ngài lãnh chúa hãy dừng lại”. Cô thét lên: *“Tôi đã có chồng chưa cưới. Nếu ngài tiến đến nữa, thì ngài sẽ tìm thấy một xác chết”*. Nhưng lãnh chúa vẫn tiến tới. Nhanh như cắt, cô gái nhảy thoát lên khung cửa sổ. *“Tình quân ơi! Hãy về đây với em!”*. Nàng kêu lên câu đó và nhào mình ra khỏi cửa, bay đi như con thiên nga xuống lòng hồ. Ngay lập tức cả toà lâu đài uy nghi, đường bệ tự nhiên rung rinh, chao đảo, phát ra những tiếng kêu lắc rắc, rồi sụt dần, sụt dần xuống tận âm ty địa ngục nào đó. Đồng thời, nước từ các con khe, ngọn suối nhiều nơi trong vùng núi đá ào ạt đổ xuống hồ. Tức nước vỡ bờ, sức nước đã đột phá bờ hồ thành một dòng chảy, ào ạt đổ

về xuôi, chảy thông ra biển. Dòng nước chảy đến đâu thì phía trên những con cò, con hạc, con vạc, con sếu và phía dưới là những con cá hanh, cá trắm, cá vược, cá chình tung lượn về theo đó. Dòng nước chảy đến đâu thì ở đó ít lâu sau, những nương dâu, bãi mía, những cánh đồng lúa, nương khoai, những làng quê trù phú mọc lên và chẳng bao lâu đã trở thành một vùng quê thanh bình cảnh sắc xinh tươi, ít nơi nào sánh kịp.

Lúc đó, có một vị đạo sĩ từ phương bắc trên đường đi tìm thuốc “*Trùng sinh bất lão*” đã dừng lại đây một thời gian vì mến cảnh sinh tình. Ngài hết sức ngạc nhiên vì con sông xanh biếc mà chưa có tên gọi. Lắng nghe dân làng kể chuyện, ngài hiểu rằng, sự ra đời dòng sông thơ mộng này gắn với sự quyên sinh chung thủy của người con gái miền sơn cước tài hoa mà bạc mệnh thuở nào, nên ngài nảy ý định lấy tên nàng đặt tên cho dòng sông. Oái ăm thay, chẳng một ai ở đây biết tên nàng là gì. Ngẫm ra, ngài thấy nàng chết khi còn son trẻ, lại quyên sinh để giữ cho được tấm lòng “*Son sắt thủy chung*” với người mình yêu.

Do vậy, vị đạo sĩ bèn đặt tên cho dòng sông này là Son. Dân làng vô cùng cảm kích, xúc động với cái chết của người con gái tài hoa, đoan chính, với tên gọi ân nghĩa được đặt cho dòng sông, nên từ đó dòng sông được dân làng truyền gọi là sông Son. Mãi mãi cho đến ngày nay dòng sông vẫn giữ được màu lục thủy, xanh ngắt, thủy chung của mình.

Truyện thuyết động Tiên Sơn VQG Phong Nha - Kẻ Bàng

Tương truyền rằng: Ngày xưa ngày xưa cách đây lâu lắm khi mà trời đất còn gập gủi, ở nơi cuối dòng sông có một chàng trai mồ côi, sống độc thân từ nhỏ và làm nghề đánh cá. Chàng quen khổ cực, sống tự lập và được cái trời phú cho chàng một cơ thể cường tráng. Chàng luôn có ý thức cứu giúp mọi người. Một ngày nọ, trời kéo mây đen kịt và mưa tầm tã, nước sông đổ ngầu rồi dâng cao. Loài thủy quái hung hăng nhảy múa bắt gia súc. Chúng xô nước ngập đồng đe dọa uy hiếp cuộc sống của dân lành. Chàng trai giận lắm! Nghe già làng kể lại rằng làng có nàng Tiên Nữ người được Ngọc Hoàng giao cho trông coi thanh bảo kiếm của Thiên Triều cùng với các Tiên Nữ thường hay giáng trần dạo chơi, tắm gội trong một thạch động (động Phong Nha bây giờ) ở cuối nguồn của dòng sông. Chỉ có thanh bảo kiếm mà nàng đang cất giữ mới diệt được loài Thủy quái. Thanh bảo kiếm này luôn được nàng mang theo bên mình. Chàng trai quyết tâm vượt qua sóng dữ và muôn trùng gian khó ngược dòng sông để đi tìm thanh bảo kiếm. Cuối cùng chàng cũng tìm được thạch động nơi mà các Tiên Nữ thường nô đùa. Ròng rã chờ đợi, rồi cuối cùng nàng Tiên Nữ cũng xuất hiện. Sau khi để ý và không phát hiện được nơi chàng ẩn nấp, các Tiên Nữ cùng nhau đục đá trên trần thạch động để cất dấu đôi cánh thần tiên, thanh bảo kiếm và trút bỏ xiêm y rồi cùng nhau vô thạch động ở dưới thỏa thích nô nghịch, đùa giỡn. Không bỏ mất thời cơ, chàng trai vội lặn vào hốc đá, nơi cất dấu các bộ xiêm y và thanh bảo kiếm, rồi nhanh chóng đánh cắp bảo vật và vội vã trở về. Nhờ có thanh bảo kiếm bày Thủy quái run sợ, bỏ chạy tán loạn về biển đông. Dòng sông trong dần êm đềm trôi, người dân được trở lại cuộc sông bình yên hạnh phúc.

Sau khi diệt trừ xong loài thủy quái, chàng trai ngược dòng sông tìm lại Tiên Nữ để trao trả bảo vật. Khi trở lại chốn xưa chàng trai thấy Tiên Nữ ngồi khóc buồn tủi bởi không dám về trời. Thấu hiểu do mình mà để nàng tiên bị liên lụy, chàng trai bèn kể hết sự tình và mong nàng lượng thứ. Cảm thông trước nghĩa cử cao đẹp, hành động hào hiệp của chàng, Tiên Nữ tỏ ra cảm phục và đem lòng yêu mến. Từ đó thạch động nhỏ này trở thành điểm hẹn, nơi gặp gỡ của đôi lứa tiên nhân.

Khi hay tin mất thanh bảo kiếm, Ngọc Hoàng nổi giận lôi đình sai Thiên Sứ xuống trần gian, triệu hồi Tiên Nữ về cung chịu tội không được chậm trễ. Trong lúc Tiên Nữ cùng Thiên Sứ bay lên chỉ có dải tóc của nàng như lưu luyến với trần gian mà dệt lòng khắc khoải. Chàng trai vội ôm lấy mái tóc để mong giữ được nàng, không may Thiên Sứ trông thấy bèn lấy nọ cắt đứt nguồn giao cảm để từ nay tiên nhân đôi ngả.

Người ta cũng kể rằng từ khi quay trở về trời, do thương nhớ chàng trai đã điết nên Tiên Nữ ngày đêm luôn u buồn sâu thẳm, còn chàng trai ở miền hạ giới thì khắc khoải chờ mong. Cảm kích trước mối tình sắc son thủy chung nồng thắm đó, Ngọc Hoàng bèn xá tội và cho Tiên Nữ trở lại trần gian để xe tơ kết tóc cùng chàng. Sợ rằng Tiên Nữ chưa quen nơi miền Hạ giới, Ngọc Hoàng sai các bậc Tiên Đế tạo lại khung cảnh nơi thạch động có những vẻ đẹp như ở cõi Thiên Đình (động Tiên Sơn bây giờ). Ngài còn ban cho thanh bảo kiếm và giao cho hai người trông coi công việc ở trần gian, chăm lo cuộc sống muôn dân. Thạch động nơi hai người chung sống từ đó có tên Động Tiên Sơn.

Hang Tám cô

Ngày 14 tháng 11 năm 1972, một buổi chiều cuối thu, mây mù bao phủ các đỉnh lèn đá. Không gian màu xám như dự báo một trận bom toạ độ B52 - Những kiểu oanh tạc mà người dưới mặt đất chỉ có thể dự đoán bằng linh cảm. Chưa nghe thấy tiếng phi cơ hoặc mới mơ hồ tiếng ì ì đâu đó, bom đã rơi như mưa, nổ như sấm sét ở trên đầu... Vào buổi chiều hôm ấy, B52 đã rải thảm xuống khu vực này. Không gian rung chuyển vỡ vụn trong tiếng bom. Mặt đường 20 bị bom quật nát đứt đoạn, đất đá tung lên mù mịt... những vách núi đá dựng đứng lắc lư. Tan khói bom, người ta kiểm tra lại quân số, đào bới những người bị vùi lấp, chôn cất những người hy sinh... mà vẫn thiếu 13 người.

Khi những loạt bom B52 dội xuống, 13 chiến sỹ vào hang đá bên đường để ẩn nấp - Họ là thanh niên xung phong và bộ đội đang làm nhiệm vụ trên cung đường này, không ngờ loạt bom nổ đã làm rung chuyển vách núi đá, một khối đá khổng lồ đổ sập xuống lấp kín cửa hang và giam chặt 13 chiến sỹ trong đó. Trận bom kết thúc, đồng đội của các anh, các chị đã tìm đủ mọi cách để cứu họ nhưng không một phương tiện nào có thể làm xoay chuyển được khối núi đá hàng trăm tấn chặn trước cửa hang. Với điều kiện lúc bấy giờ thì không thể có cách nào để cứu được các đồng chí của mình đang bị chôn sống trong hang. Các đồng đội ở bên ngoài chỉ an ủi lòng mình bằng cách nghiền cháo, đổ sữa ... vào ống Ty ô để luồn qua khe đá. Tất cả các việc làm đều hướng vào sự hy vọng kéo dài thêm sự sống của đồng đội mình. Các anh, các chị đã không còn, sức trẻ của họ mãi mãi nằm lại trong hang đá, với nỗi đau của chiến tranh. Giữa thăm thẳm rừng già, núi dựng bốn bề, tiếng suối rừng ngân nga, gió lay động ngàn cây, trời vẫn trong xanh, mây trắng vờn bay - Các anh chị đã nằm lại đây với mãi mãi tuổi 20, với con đường mang tên sức trẻ của chính mình...

Trong số 13 chiến sỹ có tám Thanh niên xung phong thuộc đơn vị C217 Ban 67 và năm chiến sỹ bộ đội Trường Sơn. Cả tám Thanh niên xung phong đều quê ở huyện Hoàng Hoá, tỉnh Thanh Hoá. Tất cả các anh, các chị đều chưa qua tuổi 20, có cô mới chớm tuổi 18. Trong 13 liệt sỹ, chỉ có 4 nữ Thanh niên xung phong, nhưng người đời

vẫn đặt cho cái hang định mệnh này cái tên: “ Hang tám cô”. Từ đó, Hang tám cô trở thành một địa chỉ thiêng liêng của những người đang sống.

Chiến tranh đã lùi xa, cuộc sống đã hồi sinh trên vùng trọng điểm năm xưa, nhưng tấm gương chiến đấu và sự hy sinh của 13 chiến sỹ, thanh niên xung phong tại Km 16+500 trên đường 20-Quyết Thắng vẫn còn vang vọng mãi đến mai sau, còn ghi đậm mãi trong tâm khảm của mỗi người dân, mỗi cán bộ, chiến sỹ đã từng sống và chiến đấu trên vùng đất lịch sử này. Đất nước đang trên đường đổi mới, đường 20-Quyết Thắng đã được nâng cấp, một cửa khẩu Việt Nam- Lào (Quảng Bình và Khăm Muộn) được mở ra tại km 68- cửa khẩu Cà Roòng - Noọng Ma hàng ngày đón những chuyến xe, những đoàn người đi qua, ký ức về những năm tháng hào hùng, bi tráng của Trường Sơn vẫn tràn về. Tại hang tám cô, Khu tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ được dựng lên, các trọng điểm trên đường 20 Quyết Thắng, bến phà Xuân Sơn, động Phong Nha và đường Hồ Chí Minh khắc sâu bao sự kiện, bao chiến công hiển hách của bộ đội Trường Sơn, của Thanh niên xung phong đã và đang trở thành địa chỉ cho bao thế hệ có dịp thăm lại chiến trường xưa, kính cẩn thấp nén hương tưởng niệm trước vong linh những người đã khuất.

Diện tích dân số của các xã Vùng đệm VQG Phong Nha – Kẻ Bàng

STT	Xã	Diện tích (ha)		Số hộ		Số khẩu		Mật độ người/km ²
		Toàn xã	Trong VQG	Toàn xã	Trong VQG	Toàn xã	Trong VQG	
1	Hưng Trạch	9.512		2287		10917		115
2	Phúc Trạch	6.010	1.147	2065		9767		163
3	Sơn Trạch	10.120	4.005	2026		9833		97
4	Tân Trạch	36.281	25.986	46	46	202	202	1
5	Thượng Trạch	72.571	51.471	358		1818		3
6	Xuân Trạch	17.697	3.145	1058		5033		28
7	Phú Định	15.358		583		2641		17
8	Trường sơn	77.384		737		3567		5
9	Thượng hoá	34.626		598		2925		8
10	Trung hoá	9.440		994		5162		55
	Cộng	288.999	85.754	10752	46	51865	202	49

PHIẾU KHẢO SÁT KHÁCH ĐẾN VQG PHONG NHA KÊ BÀNG

Họ và tên (Name):

Năm sinh (Born year):

Giới tính (Sex): Nam (Male): Nữ (Female):

Từ đâu đến? (where are you from)? Việt Nam: Nước khác (Foreigner) :

Đang đi làm hay đi học (working or learning)?

Đi làm (Working):

Đi học (Learning) :

Đến VQG Phong Nha - Kẻ Bàng lần đầu (VQG Phong Nha Ke Bang first time come):

Loại hình du lịch ưa thích nhất ở VQG Phong Nha Kẻ Bàng (Preferred of tourist form in VQG Phong Nha Ke Bang) :

- Du lịch sinh thái (Eco-tourism) :
- Du lịch văn hóa (Calture tourism) :
- Du lịch mạo hiểm (Adventure tourism) :

Điểm du lịch ưa thích nhất ở VQG Phong Nha Kẻ Bàng(Preferred of tourist destination in VQG Phong Nha Ke Bang)

- Động Phong Nha:
- Động Tiên Sơn:
- Các điểm du lịch khác ở VQG (different place of VQG) :

Đánh giá chất lượng nhà hàng, khách sạn ở VQG Phong Nha – Kẻ Bàng (Appraise the quality of restaurants, hotels in VQG Phong Nha – Ke Bang):

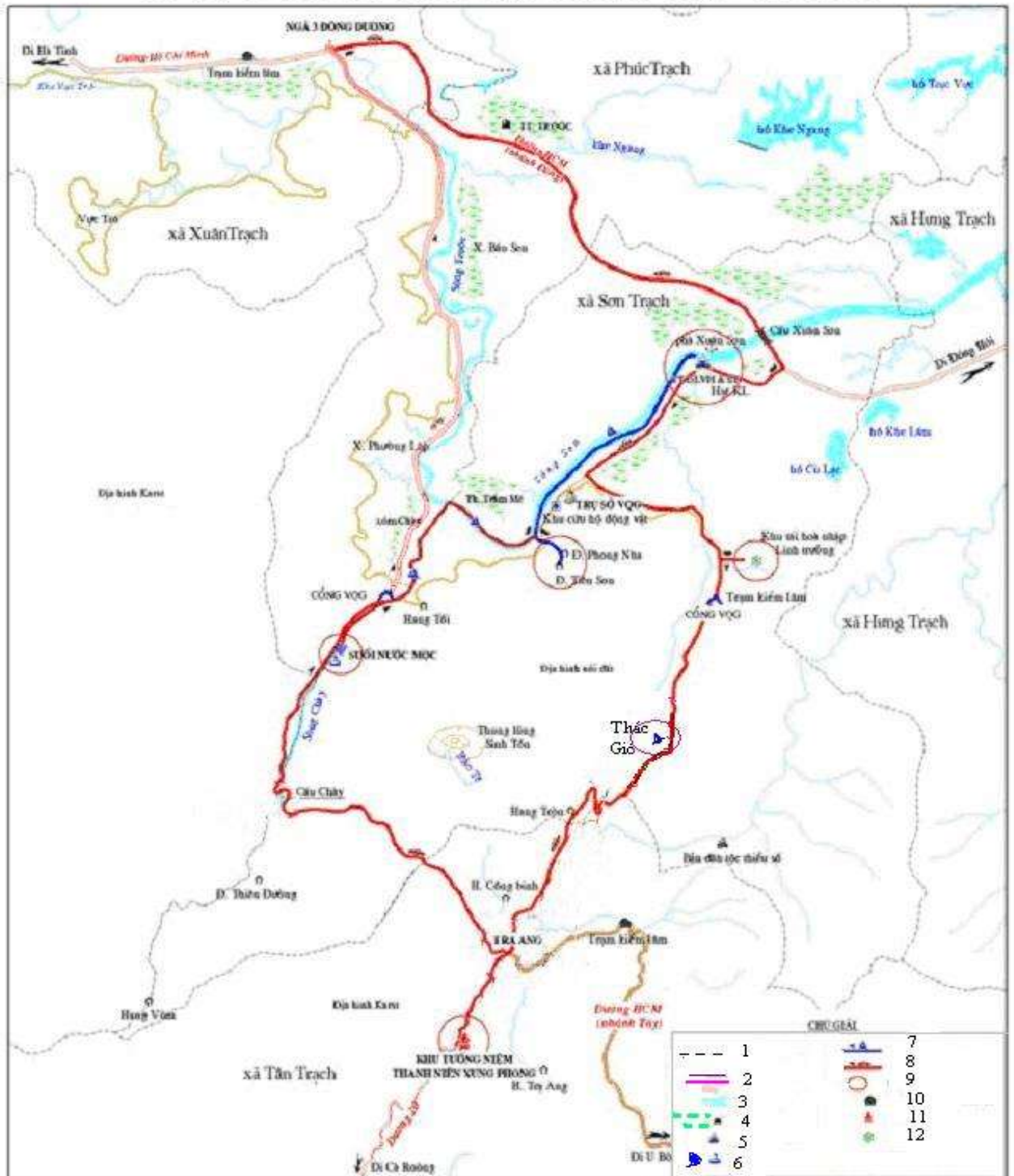
- Rất tốt (Very good) :
- Tốt (good) :
- Trung bình (Overage):
- Kém (bad) :

CÁC TRANH ẢNH VỀ VQG PHONG NHA KẾ BÀNG



Bản đồ VQG Phong Nha – Kẻ Bàng

SƠ ĐỒ TUYẾN DU LỊCH VQG PHONG NHA - KÊ BÀNG



- Chú giải:
- | | | |
|--------------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| 1. Ranh giới xã | 5. Trụ sở VQG, TT du lịch | 9. Điểm DL |
| 2. Đường giao thông | 6. Thác nước, bãi tắm | 10. Trạm kiểm lâm |
| 3. Sông nước, hồ | 7. Tuyến du lịch hang động | 11. Khu tưởng niệm |
| 4. Thị trấn, điểm dân cư | 8. Tuyến DL sinh thái – Lịch sử | 12. Khu tái hòa nhập Linh trường |



Bến phà Xuân Sơn



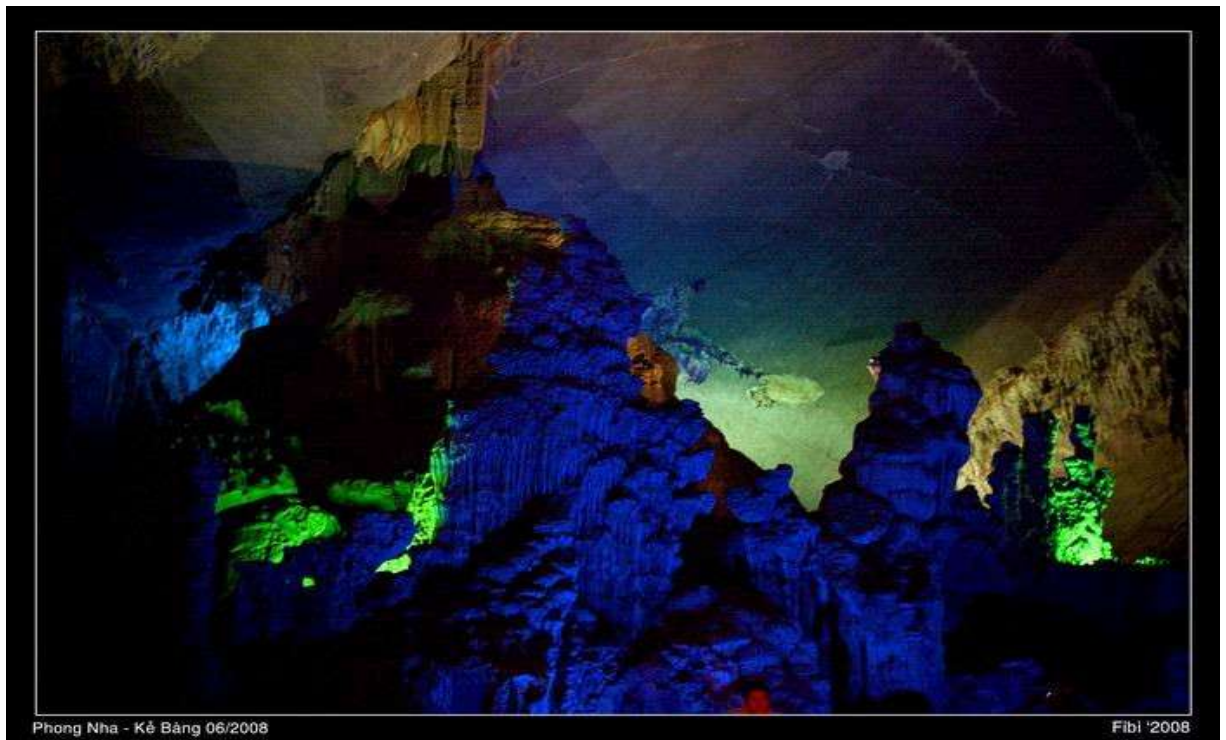
Cảnh trên sông Sơn



Cửa vào động Phong Nha



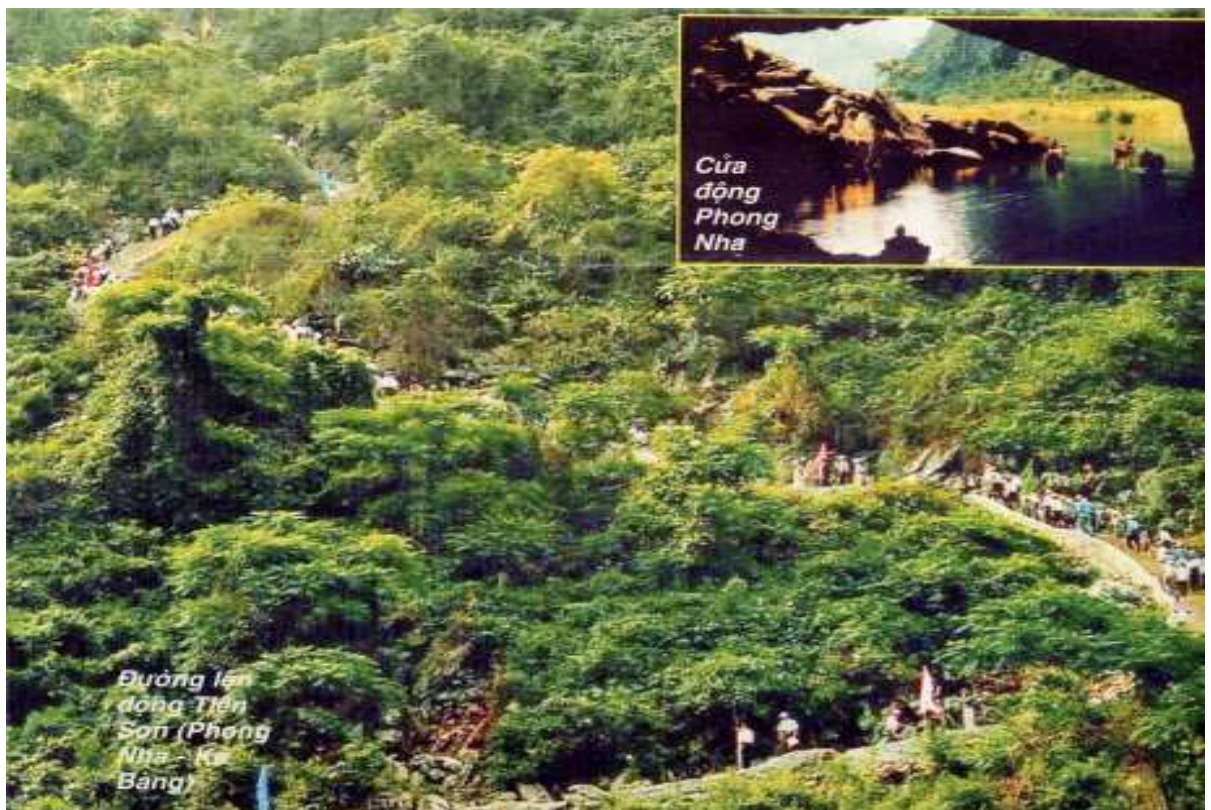
Du thuyền trong động Phong Nha



Thạch nhũ và măng đá trong động Phong Nha



Một góc thung lũng Sinh Tồn





Suối nước Mọc



Vùng đệm

Một số loài động thực vật ở Phong Nha – Kẻ Bàng



Voọc Hà Tĩnh ở Phong Nha – Kẻ Bàng



Gấu ngựa ở Phong Nha – Kẻ Bàng



Lan hài đôm.



Một gốc Bách xanh núi đá.